BÁCH KHOA

SỐ 52 — NGÀY 1-3-1959

Trong số này :

HUỲNH-VĂN-LANG — Dân số và Cần lao.

NGUYỄN-VĂN-BA — Dịch lý và cơ giới, cơ tâm.

PHẠM-HOÀNG — « Trí » nhận, nhưng « Tâm » chưa nhận.

THẾ-QUANG — Một ý kiến về « chữ Trung ».

PHẠM-DUY-LÂN — Chế độ kiểm soát bảo hiểm tại Vương-quốc Ai-lao.

PHẠM-HOÀN-MĨ — Lạc-vương hay Hùng-vương.

VƯƠNG-HỒNG-SỂN — Thú chơi sách.

PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch) — Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo.

BỐ-THUẬN — Sự tích vua Kloong Ga-Rai hay là sự tích tháp Chàm.

CÔ-LIÊU — Ái tình qua kính hiển vi.

SONG-AN CƯ-SĨ — Tito cộng-sản quốc tế hay quốc gia.

LÊ-THANH-THÁI — Mảng Tết Kỷ-Hợi (thơ).

TRẦN-NGUYÊN ANH-CA — « Tôi đóng phim bên Anh » hay là « Mang danh kịch sĩ một thời ».

PHẠM-LÊ-PHAN — Những trang nhật ký

VŨ-HÂN — Lại say ca đêm xuân (thơ).

MẠC-LY-CHÂU — Thuyền Hoang (thơ).

KIỀU-YIÊU (dịch) — Lữ-Vô-Bịnh.

Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI — Đường thi dịch giải.

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) — Khói lửa kinh thành

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "Eau de Vie củ" 40° và 50°

— Rượu Tàu "Lảo-Mạnh-Tửu"

— Rượu Tàu "Ích-Thọ-Tửu"

SI-RÔ "Verigoud" :

— Si-ro Cam, Quit, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "Distarome"

DISTILLERIES de L'INDOCHINE

NƯỚC HOA và DẦU THƠM **« D.I.C. » :**

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY **(S.F.D.I.C.)**
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ **(S.I.C.A.)** — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

COTAB

GIÁ BÁN
1$
1B

VIRGINIE

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

Xin hiền Quý khách

Giá du-ngoạn đặc-biệt

(có giá-trị trong một tuần lễ)

SAIGON — NHATRANG *(khứ hồi)* :

$ 865 — mỗi người

SAIGON — DALAT *(khứ hồi)* :

$ 570 — mỗi người

XIN HỎI CHI - TIẾT Ở TỔNG ĐẠI - LÝ

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 21.624-25-26 — 23.446-47

NHÀ THUỐC

LA THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

— LEDERLE (Huê-Kỳ)

— GLAXO (Anh-Quốc)

— LILLY (Huê-Kỳ)

— SQUIBB (Huê-Kỳ)

— PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)

— SCHERING (Huê-Kỳ)

— AMBRINE (Pháp-Quốc)

— DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)

— DON BAXTER (Huê-Kỳ)

— ỐNG CHÍCH và KIM CHÍCH « IDEAL » (Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

— IODOPHEDRINE « MUS » (Thuốc suyễn)

— BANCAMYD (Trị ban cẵm trẻ em)

— ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS » (Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mữa kiết ly, kiết đàm, kiết máu)

— SIROP PECTORAL « MUS » (Thuốc ho)

— MUSTONIC (Thuốc bổ)

— SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)

— ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)

— VERMI « MUS » (Trị sán lải)

— HEPATOMUS (Trị bịnh gan)

— LINIMUS (Dầu thoa bóp)

— CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)

Tiếp đãi ân cần

Bào chế kỹ lưỡng

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C° MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth « MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto « MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

10.000 Kms
de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coutera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

* * * * * * * * * * * * * * * * * * * *

DE PLUS EN PLUS de possibilités vous sont offertes pour le même prix

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 a 984

et toutes agences de voyages agréées

"33"
EXPORT
BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE

BÁCH-KHOA

Số 52 — Ngày 1-3-1959

		Trang
HUỲNH-VĂN-LANG	*Dân số và Cần lao*	3
NGUYỄN-VĂN-BA	*Dịch lý và cơ giới, cơ tâm* . . .	10
PHẠM-HOÀNG	*« Trí » nhận, nhưng « Tâm » chưa nhận*	20
THẾ-QUANG	*Một ý kiến về « chữ Trung »* . . .	21
PHẠM-DUY-LÂN	*Chế độ kiểm soát bảo hiểm tại Vương quốc Ai-Lao*	28
PHẠM-HOÀN-MĨ	*Lạc-vương hay Hùng-vương* . . .	32
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	*Thú chơi sách*	36
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	*Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo* . .	41
BỐ-THUẬN	*Sự tích vua Kloong Ga-Rai hay là sự tích tháp Chàm*	49
CÔ-LIÊU	*Ái tình qua kính hiển vi* . . .	55
SONG-AN CƯ-SĨ	*Tito cộng-sản quốc tế hay quốc gia.*	59
LÊ-THANH-THÁI	*Mắng Tết Kỷ-Hợi* (thơ)	64
TRẦN-NGUYỄN ANH CA	*« Tôi đóng phim bên Anh » hay là « Mang danh kịch sĩ một thời »*	65
PHẠM-LÊ-PHAN	*Những trang nhật ký*	69
VŨ-HÂN	*Lại say ca đêm xuân (thơ)* . .	79
MẠC-LY-CHÂU	*Thuyền Hoang (thơ)*	80
KIỀU-YIÊU (dịch liêu trai)	*Lữ Võ Bịnh*	81
Á-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI	*Đường thi dịch giải.*	88
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	*Khói lửa kinh thành*	89

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Cái chết của Socrate.*
PHẠM-NGỌC-THẢO	:	*Một ý kiến về cách lãnh đạo chiến tranh.*
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	:	*Tìm hiểu lại bộ thượng-thư Ngô-Thời-Nhiệm.*
PHAN-VĂN-THIẾT	:	*Án tử hình.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Đọc tạp chí ngoại quốc.*
SONG-AN CƯ-SĨ	:	*Vấn đề Căm-bốt.*
		Ti-tô Cộng-sản quốc tế hay quốc gia.
R. BOSC (TIỂU-DÂN dịch)	:	*Quyền dân tộc tự quyết.*
TRẦN-HÀ	:	*Tình hình sân khấu 58.*
NGUYỄN-TỬ-QUANG	:	*Thử tìm xuất xứ bài vọng cổ.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển ?*
NGUYỄN-THIẾU-NGUYÊN	:	*Đặc tính của tiểu thuyết.*
LÊ-THANH-THÁI	:	*Chiếc đồng hồ con ngựa (truyện ngắn).*
VŨ-HẠNH	:	*Chiều cuối năm (truyện ngắn).*
THỦY-THỦ	:	*Giấc mơ.*
LAN-ĐÌNH	:	*Người khóc thầm ban đêm.*
NGUYỄN	:	*Nước suối trường xuân.*
KIỀU-YIÊU	:	*Hai anh em họ Trương.*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 25.539

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

DÂN SỐ VÀ CẦN LAO

HUỲNH-VĂN-LANG

(Xin xem B.K. từ số 49)

Cần lao là một yếu tố sản xuất như tư bản, thiên nhiên... mà cần lao là sức lực của con người. Cho nên, mới xem qua có người cho rằng dân số gia tăng tức là lực lượng cần lao gia tăng. Điều ấy không được đúng. Vì dân số là khác mà cần lao là khác. Đứng về mặt đoàn thể thì không phải số đông, song là cơ cấu dân số mới định đoạt lực lượng cần lao : trong một quốc gia cũng như trong một gia đình, có người sản xuất, có người không, có người sản xuất nhiều, có người sản xuất ít. Thành ra lực lượng cần lao của một nước không phải là dân số mà là số người hiện cung cấp lực lượng sản xuất được. Và cơ cấu dân số chính là tuổi và giống (đàn ông hay đàn bà) của người dân mới định đoạt lực lượng cần lao.

Khi nói đến liên quan giữa dân số và cần lao, là nói đến lực lượng cần lao so sánh với số người ít sản xuất hay không sản xuất được, nghĩa là tỷ lệ các người lớn (từ 15 tuổi trở lên) so sánh với con nít (dưới 15 tuổi, là tuổi khởi sự sản xuất được) và ông già bà cả (trên 65 tuổi), và tỷ lệ giữa đàn ông với đàn bà. Ở đây chúng tôi chú trọng đến tỷ lệ tuổi hơn là tỷ lệ giống, vì tỷ lệ tuổi có ảnh hưởng rõ ràng và trực tiếp đến lực lượng cần lao hơn. Chúng ta khó có thể so sánh cần lao của đàn ông với cần lao của đàn bà, vì càng ngày phụ nữ càng cung cấp cần lao vừa nhiều hơn, lại trong phạm vi rộng rãi hơn, và giữa các nước, thì cần lao phụ nữ lại càng khó so sánh với nhau hơn nữa.

Ngoài những giới hạn nói trên, muốn so sánh tỷ lệ tuổi giữa dân các nước hậu tiến với tiền tiến chúng ta lại phải lưu ý đến hai điểm sau này :

a) Ở những nước hậu tiến, nhứt là ở nông thôn, trẻ con không đợi đến 15 tuổi mới làm việc, mới góp phần sản xuất. Vì thế mà có người cho rằng, khoảng tuổi làm việc, được nới dài thêm ra ở phần dưới (tuổi trẻ) để thêm lực lượng cần lao. Điều

ấy không phải là không đúng. Nhưng sự nới thêm ấy không lợi, vì thực tế không gia tăng lực lượng sản xuất được, bởi tại nông thôn các nước hậu tiến bao giờ cũng có nạn khiếm dụng nhân công thường xuyên. Vậy đã chẳng lợi mà lại còn có hại, nếu xét về mặt sức khỏe và giáo dục trẻ em.

d) Ở những nước hậu tiến, so với các nước tiền tiến, thì đời sống trung bình của con người tương đối ngắn ngủi hơn, cho nên ta lại phải thâu ngắn khoảng tuổi làm việc ở phần trên (tuổi lớn). Tuy ở các nước hậu tiến, ông già bà cả vẫn phải làm việc luôn, có khi đến chết, nhưng họ cũng không tăng lực lượng sản xuất thêm bao nhiêu, vì công việc của họ làm đã không có gì đáng kể mà lại còn khiến tình hình khiếm dụng nhân công thêm phần trầm trọng.

Sau hết, nếu xét về mặt sản xuất hay kinh tế thì cần lao còn tùy ở nhiều yếu tố khác nữa như tư bản, dụng cụ, kỹ thuật, trình độ văn hóa... và cả sức mạnh của bắp thịt nữa. Nhưng nếu phải thêm những yếu tố đó vào để so sánh lực lượng cần lao ở các nước hậu tiến với các nước tiền tiến thì càng bất lợi cho các nước hậu tiến hơn nữa. Cho nên, để tiện việc tìm hiểu, ta hãy tạm loại các yếu tố đó ra, coi như không có ảnh hưởng đến lực lượng sản xuất. (Những yếu tố đó sẽ được trình bầy nơi khác).

I.— Cần lao và cơ cấu dân số

Về phương diện tuổi thì ba yếu tố sau đây định đoạt tỷ lệ lực lượng cần lao :

a) Số sanh càng cao thì làm cho phần dưới càng nặng nghĩa là làm cho số người sống nhờ tương đối càng lớn.

b) Số tử cao, tuy không gia tăng gánh nặng cho những người sản xuất, nhưng lại là việc phung phí, nếu trẻ nhỏ chết trước tuổi làm việc được. Nếu số tử gồm những người lớn trên 15 tuổi thì tất phải giảm sút trọng lượng cần lao.

c) Đời sống trung bình càng thấp, càng ngắn, thì khoảng tuổi làm việc, bị giảm phần trên (tuổi lớn), lại càng ngắn hơn.

Tóm lại, ở những nước hậu tiến ba yếu tố ấy làm cho số người không sản xuất được tương đối quá nhiều. Và đó cũng là đặc điểm của các nước kinh tế kém mở mang. Ta thử lấy dân số nước Anh và nước Brésil mà xem sự phân phối dân số về tuổi tác, ta sẽ thấy ngay sự khác biệt về cơ cấu dân số và cũng là khác biệt về lực lượng cần lao.

Danh ngôn, danh lý

BÌNH TĨNH VÀ TỰ CHỦ

✱ Nóng nảy muốn mau thì việc không xong, ham mê lợi nhỏ thì hỏng việc lớn (Luận ngữ).

NƯỚC ANH, 50,2 TRIỆU. (Số sanh : 15,6 °/oo ; số tử : 11,4 °/oo ; tuổi sống trung bình : 57,38)		NƯỚC BRÉSIL, 51,9 TRIỆU. (Số sanh : 43 °/oo ; số tử : 20,6 °/oo ; tuổi sống trung bình : 47,85)	
trên 85 tuổi	0,2		
dưới 85 tuổi	0,4		
» 80 »	0,9	0,3	
» 75 »	1,5	0,3	
» 70 »	1,9	0,5	
» 65 »	2,2	0,9	
» 60 »	2,6	1,0	
» 55 »	3,0	1,5	
» 50 »	3,5	1,9	
» 45 »	3,7	2,3	
» 40 »	3,7	3,0	
» 35 »	3,4	3,2	
» 30 »	3,8	4,1	
» 25 »	3,6	4,9	
» 20 »	3,6	5,5	
» 15 »	3,9	6,3	
» 10 »	4,0	7,0	
» 5 »	4,7	8,3	

Xem trên đây, ta thấy ngay số người dưới 15 tuổi ở Anh chỉ có 25% dân số, trong khi ở Brésil đến 40% dân số. Trái lại ở Anh, những người già cả, phần trên, lại nhiều, nhưng không làm cho số người sống nhờ kẻ khác quá nhiều, vì đời sống họ dài hơn. Tuy giới hạn tuổi làm việc ở hai nước có khác nhau, (ở Anh 15 tuổi, ở Brésil 10 tuổi), mà số người làm việc, sản xuất, ở Anh lên đến 59,6% dân số, mà Brésil chỉ có 46% dân số.

Ở đây chúng tôi, tạm kể nước Brésil là nước hậu tiến, kém mở mang. Nhưng sự thật thì cũng như nhiều người đã biết, nước Brésil đã có một nền kinh tế tiến triển hơn nhiều nước kém mở mang khác ở Nam Mỹ, ở Phi-châu, Á-châu' và hơn Việt-Nam rất nhiều. Điều ấy càng làm cho sự so sánh trên có ý nghĩa và rõ ràng, nhứt là khi hai nước cùng có một dân số tương đương nhau.

Tóm lại, số sanh, số tử, đời sống trung bình đã cấu tạo những cơ cấu dân số của các nước hậu tiến, và những cơ cấu ấy chứa đựng những nhược điểm nặng nề về mặt kinh tế : số người không sản xuất tương đối quá nhiều, là gánh nặng cho số người sản xuất được, gây áp lực trên tiêu thụ, tiết kiệm và đầu tư trong nước.

Cái gánh nặng do tuổi trẻ (phần dưới) gây nên, chẳng những là gây sự chênh lệch giữa sản xuất và tiêu thụ thêm nặng

nề, khó tiết kiệm, khó đầu tư..., mà nó còn đòi hỏi một sự đầu tư tinh thần càng nhiều hơn nữa, là sự giáo dục, có khi tốn kém gấp bội sự đầu tư kinh tế, mà lại lâu có lợi ích.

Theo các tài liệu của Liên-hiệp-quốc, thì trung bình, tỷ lệ số người sản xuất được ở các nước hậu tiến kém hơn ở các nước tiền tiến ít nhứt là 1/6. (Nước Brésil kém hơn nước Anh trên 1/6, tức là 59,6% — 46% = 13,6%). Cho nên nếu không kém tư bản, kỹ thuật, kiến thức... mà chỉ kém riêng lực lượng cần lao 1/6 nầy cũng đủ thiệt thòi nhiều rồi. Nếu mọi sự đều như nhau ở hai nước, mà một nước chỉ kém 1/6 lực lượng sản xuất, và nếu nước có lực lượng sản xuất hơn kia, hằng năm đề ra 1/6 sản xuất hơn đó mà đầu tư với một năng xuất 10%, thì trong 35 năm sẽ có một sự chênh lệch về lợi tức quốc gia vào khoảng 1 với 2.

Nếu ta thêm vào đó sự thua kém về lực lượng cần lao, sự thua kém về tư bản kỹ thuật, sức mạnh bắp thịt với bao cái khác nữa, nhứt là thua kém về phương diện tận dụng nhân công, tận dụng lực lượng cần lao, thì biết bao giờ một nước đã có một mức lợi tức quốc gia kém hơn cả năm, mười lần, mới theo kịp ? Nếu cứ phải thua kém luôn, thì trong một hai chục năm sau sẽ thua kém thêm bao nhiêu nữa ?

2) Tình trạng của Việt-Nam.

Theo tài liệu hiện có, thì ta có thể chắc chắn là cơ cấu dân số của Việt-Nam cũng không khỏi có những chỗ yếu như mọi nước hậu tiến khác, mà còn đôi khi nguy kịch hơn là khác. Giặc giã lâu năm, trai tráng lớp thì chết chóc vì bom đạn, lớp thì bịnh hoạn vì thiếu thốn lâu ngày. Rồi đến cái nạn phân chia, lớp thì tập kết, lớp thì di cư... Tất cả bao nhiêu hoàn cảnh đặc biệt đó làm cho những nhược điểm cố hữu thêm nặng nề. Theo sự điều tra gần đây, thì có rất nhiều làng xã Việt-Nam số đàn bà con nít, ông già bà cả quá đông, mà số trai tráng lại ít đi một cách đáng lo ngại. Ngoài sự chênh lệch về tuổi tác, Việt-Nam còn có sự chênh lệch về giống (đàn ông ít hơn đàn bà). Hy vọng một ngày gần đây, Ngân-hàng quốc-gia sẽ công bố kết quả điều tra về dân số, để ta có những con số xác đáng và có lẽ phũ phàng hơn nữa.

Tóm lại sự gia tăng dân số không có ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ lực lượng cần lao của một nước, vì tỷ lệ số người sản xuất mật thiết liên quan đến cơ cấu dân số là tuổi và giống. Mà cơ cấu dân số lại do số tử, đời sống trung bình và nhất là số sinh định đoạt. Cho nên muốn thay đổi cái tỷ lệ lực lượng cần lao với dân số, thì chỉ có cách là thay đổi những yếu tố định đoạt ấy, nhứt là bớt sanh và làm cho đời sống trung bình dài hơn. Nếu đời sống có dài hơn, số tử có bớt đi (kết quả tự nhiên của tiến bộ) mà số sanh không bớt hay gia tăng, thì không biết bao giờ thay đổi được cái tỷ lệ ấy, nghĩa là giảm bớt cái phần dưới. Đó là đứng về phương diện kinh tế mà nói, chớ số sanh còn phải tùy ở bao nhiêu yếu tố khác không tùy thuộc kinh tế mà lại có ảnh hưởng đến kinh tế.

Tuy sự gia tăng dân số không trực tiếp ảnh hưởng đến tỷ lệ lực lượng cần lao, nhưng nếu sự gia tăng dân số lại do số sanh tăng lên chứ không phải là số tử giảm đi hay đời sống dài hơn, thì khi ấy sự gia tăng dân số là triệu chứng một cơ cấu dân số yếu đuối hàm xúc một tỷ lệ cần lao thấp kém. Và đó là trường hợp của Việt-Nam, cũng như của những nước hậu tiến khác.

V.— KẾT LUẬN CHUNG :

Dân số và sự phát triển kinh tế

Những nước kinh tế kém mở mang hiện giờ đang cố gắng khuếch trương kinh tế của mình, để nâng cao mực sống của người dân, làm sao theo những nước tiền tiến được phần nào, nếu không bằng được thì ít ra cũng đừng chênh lệch nhau quá xa. Nhưng họ lại gặp một khó khăn, gần như không giải quyết được, là sự gia tăng dân số quá nhanh có khi nhanh hơn sự phát triển kinh tế, để rồi chung qui mực sống đồ đồng của người dân nếu không xuống thì cũng chẳng lên, hay nếu có lên thì cũng không lên được như ý muốn.

Cho nên khi lập một chương trình hay một kế hoạch phát triển kinh tế người ta rất chú trọng đến yếu tố dân số : sự gia tăng của nó, sự phân phối của nó về không gian, về tuổi tác, về giống. Và nhiều nước không ngần ngại đặt một chánh sách dân số để phụng sự một chương trình kinh tế cho thành tựu. Ở Việt-Nam ta có khi một chánh sách kinh tế chưa cần kíp bằng một chánh sách phân phối dân số. Nhưng nếu không có một chánh sách dân số thì cần kíp phải có một ý niệm rõ rệt về dân số theo các phương diện trình bầy trên đây để có những dự định về kinh tế khỏi sai lạc.

Trong khi khảo sát về vấn đề dân số chắc nhiều khi chúng ta không tránh khỏi bi quan. Nhưng chúng ta phải có phận sự hiểu biết ngõ hầu có một thái độ hợp lý. Chắc chắn thái độ đó phải hàm xúc một tinh thần hy sinh và cố gắng hết sức vì đó là điều kiện duy nhất để tiến. Cũng có nhiều người lạc quan, đó là một đức tính tốt, khi thật sự mình ở trong một tình trạng sáng sủa ít nhiều. Nhưng nhiều khi lạc quan bởi tại không chịu tìm hiểu, hay chỉ vì nhìn có một khía cạnh « được » mà quên cái khía cạnh « mất » hay « không được ».

Mọi người, không nhất thiết phải là người có trách nhiệm trong chánh giới, mà bất cứ người Việt nào, cũng ao ước xây dựng làm sao cho mình, cho con cháu mình một mực sống càng ngày càng cao, cho dân tộc mình chóng giầu chóng mạnh... Muốn có một mức lợi tức đồ đồng cao cũng chưa đủ, còn phải biết những điều kiện để có một mức lợi tức cao nữa.

Mức lợi tức đồ đồng thường được dùng để so sánh mực sống và trình độ tiến triển kinh tế của nước này với nước khác. Nhưng phải nói rằng đó chỉ là một tiêu chuẩn có giá trị tương đối thôi, vì có nhiều cái không thể tính vào lợi tức được, và giá trị chủ quan của nhiều sự vật khác nhau xa giữa người nước này và người nước khác. Ngoài giới hạn nói trên, khi so sánh

lợi tức trung bình giữa các nước, ta còn phải lưu ý đến sự phân phối lợi tức giữa nhân dân nữa.

Tuy cái tiêu chuẩn lợi tức trung bình có tính cách tương đối mà thôi, ta cũng có thể, nếu không dùng để so sánh nước ta với nước khác, thì dùng để so sánh sự tiền triển kinh tế của một nước trong thời gian này với thời gian khác. Và chúng ta có thể xem đó như một mực thước hay một tiêu chuẩn tương đối tin cậy được.

Thường thường để đo lường sự thay đổi mực lợi tức trung bình của một nước và tìm hiểu tiến thối kinh tế của nó trong thời gian, người ta dùng phương trình sau đây :

$$Tb = \frac{\%\ Sav.}{Cap/\ Out} - \%\ Pop$$

Tb : phân xuất thay đổi mực lợi tức trung bình hay là tiến bộ kinh tế (+ : tiến bộ — : thối lui)

% Sav : % tiết kiệm và đầu tư mỗi năm trên lợi tức quốc gia ;

Cap/Out : tỷ lệ tư bản / sản xuất ;

% Pop : phân xuất tăng gia dân số hằng năm.

Qua các bài trước chúng ta đã thấy sự liên quan giữa tiết kiệm, đầu tư, và sự cấu tạo tư bản, sự liên quan giữa tư bản và sản xuất hay lợi tức quốc gia, và sự liên quan giữa dân số và tư bản cùng các yếu tố trên.

Chúng ta cũng đã rõ, nếu tỷ lệ tư bản / sản xuất hay tư bản / lợi tức là 4/1 (nghĩa là muốn có lợi tứ 1 thì phải có tư bản 4) và nếu dân số gia tăng 1.5% hằng năm, thì phải có ít nhất là 6% lợi tức quốc gia tiết kiệm và đầu tư hằng năm để giữ mực sống hay lợi tức trung bình cũ nghĩa là không tiến không thối. Đem các con số ấy vào phương trình tiến ta thấy :

$$Tb = \frac{6\%}{4/1} - 1{,}5\% = 0 \ .$$

Muốn cho « Tb » nghĩa là lợi tức trung bình hay tiến bộ kinh tế thêm 1% mỗi năm thì có ba cách thế :

a — hoặc là thêm « Sav, » là tiết kiệm và đầu tư từ 6% lên 10% :

$$Tb = \frac{10\%}{4/1} - 1{,}5\% = 1\%\ (2{,}5\% - 1{,}5\%)$$

b — hoặc là bớt tỷ lệ « Cap/Out, » hay tỷ lệ tư bản / sản xuất từ 4/1 xuống còn 2,4/1

$$Tb = \frac{6\%}{2{,}4/1} - 1{,}5\% = 1\%\ (2{,}5\% - 1{,}5\%)$$

c — hoặc là bớt tỷ lệ gia tăng dân số từ 1,5% xuống còn 0,5%

$$Tb - \frac{6\%}{4/1} - 0{,}5\% = 1\%\ (1{,}5\% - 0{,}5\%)$$

Trái lại, nếu hằng năm, dân số gia tăng 1,5% mà tiết kiệm và đầu tư không đến 6% và tỷ lệ tư bản / sản xuất không kém 4/1 thì lợi tức trung bình xuống và đó là triệu chứng kinh tế thối lui. Nếu hằng năm ta tiết kiệm và đầu tư chỉ có 5% lợi tức quốc gia, mà các yếu tố khác không thay đổi thì ta thối lui chừng :

$$Tb = \frac{5\%}{4/1} - 1{,}5\% = -\ 0{,}25\%\ (1{,}25\% - 1{,}50\%)$$

nghĩa là thối lui hằng năm 0,25%, hay 2.5°/oo.

Cách thế (c) nói trên là giảm bớt sự gia tăng dân số, khó thi hành được, vì đó là một vấn đề phức tạp thuộc về phong

hóa, tâm lý, giáo dục. Nếu ta có muốn thi hành đi nữa thì lâu năm chầy tháng mới có kết quả thực tiền được.

Cách thế (a) là gia tăng tiết kiệm và đầu tư ; có thể làm được, tức là phải bớt tiêu thụ, để thêm tiết kiệm, tập trung tiết kiệm hiện có, và nhứt là gia tăng đầu tư, thêm sản xuất.

Cách thế (b) là giảm bớt tỷ lệ tư bản sản xuất, ta có thể làm được và có hai cách để giảm bớt lỷ lệ nầy :

— Hoặc ta cải tổ kỹ thuật, áp dụng những phương pháp, những dụng cụ tối tân để thêm năng xuất, thí dụ từ tỷ lệ 4/1 ta làm giảm xuống còn 3/1.

— Hoặc ta thay đổi phân xuất các loại tư bản, bớt tư bản tốn kém nhiều mà sản xuất ít hay lâu có kết quả, và thêm loại tư bản ít tốn kém mà mau sản xuất hay sản xuất nhiều. Như trên đã nói, có ba loại tư bản, là nhà cửa, đường sá, cầu cống, các loại kiến trúc khác và dụng cụ máy móc. Chắc chắn là hai loại tư bản đầu tốn kém hơn, lâu sản xuất hơn loại tư bản sau, nhưng về lâu dài lại bớt tốn kém và sản xuất nhiều hơn.

Ở đây tác giả không có ý thiên hẳn về một cách thế nào, vì xét cho cùng nếu muốn cho mau tiến bộ, muốn cho mực lợi tức trung bình mau gia tăng thì cách thế nào cũng cần hết, và nếu cùng áp dụng được một lúc thì càng mau có kết quả hơn. Nhưng chú ý cách thế nào hơn thì còn tùy ở nhiều yếu tố ngoài khuôn khổ phân tách của bài nầy.

Khi khảo sát các khía cạnh của vấn đề trên đây, chúng tôi chỉ làm một công việc phân tách, với mục đích trình bày một vài nhận xét để lưu ý bạn đọc lưu ý những vị có trách nhiệm thiết lập, hay thi hành một chương trình hay một kế hoạch khuếch trương kinh tế. Chúng tôi không có tham vọng phê bình một chánh sách kinh tế nào, vì đó là một vấn đề ngoài phạm vi nghiên cứu của bài này.

HUỲNH-VĂN-LANG

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « Dân số và kinh tế » của ông Huỳnh-văn-Lang, đăng trên Bách-Khoa số 49 (Số kỷ niệm đệ nhị chu niên) trang 7, Bản I, có một vài chỗ sai lầm, xin cáo lỗi cùng bạn đọc và trân trọng mong các bạn sửa lại giúp cho như dưới đây :

BẢN I.

Sanh — Tử — Phân xuất gia tăng dân số. (1954)

NHỮNG NƯỚC SỐ SANH THẤP					NHỮNG NƯỚC SỐ SANH CAO				
Tên Quốc-gia	Số sanh	Số tử	Phân xuất gia tăng °/oo	Năm	Tên Quốc-gia	Số sanh	Số tử	Phân xuất gia tăng °/oo	Năm
Gia-nã-đại	28.7	8.2	20.5	1951	Tân-gia-ba	48.9	9.3	39.6	1947
Mỹ	24.9	9.2	15.7	1950	Đài-loan	44.5	8.1	36.4	1940
Úc	22.5	9.1	13.4	1954	Mã-lai	43.8	12.2	31.6	1947
Ý	17.9	9.2	8.7	1951	Tích-lan	36.2	10.4	25.8	1953
Pháp	18.8	12.0	6.8	1946	Đảo Maurice	41.3	16.	25.30	1952
Anh	15.6	11.4	4.2	1951	Madagascar	33.	13.	20.00	

Chú ý : Xin đổi chữ « Bách phân gia tăng » làm « Phân xuất gia tăng °/oo » và các số trong cột đó chỉ « phần ngàn » (°/oo) chứ không phải « phần trăm » như đã in lầm là « bách phân. »

DỊCH-LÝ

và cơ giới, cơ tâm

● *NGUYỄN-VĂN-BA*

L.T.S.— *Muốn hay không muốn, chúng ta cũng đương phải sống trong thế giới văn minh máy móc. Ông Nguyễn-văn-Ba, tác giả những bài giá trị về Dịch-lý đã đăng trên Bách-Khoa, lần này trình bày với bạn đọc, ảnh hưởng của thế giới máy móc đối với tâm hồn con người thế nào. Sự tôn sùng máy móc của người ta (hữu cơ sự) sớm muộn sẽ làm cho tâm hồn người ta cũng trở nên máy móc (hữu cơ tâm). Kết quả của « hữu cơ tâm » là những trận thế giới đại chiến đã diễn ra mỗi lần một thêm tàn khốc và lúc nào cũng luôn luôn đe dọa nhân loại — Con đường của « hữu cơ tâm » tất phải đưa tới : « Thế giới tương tàn, đồng loại tương tàn ».*

Ý thức được hiểm họa nói trên, tác giả phân tách nguyên nhân của « hữu cơ sự, hữu cơ tâm » và nêu lên văn minh Dịch-lý của Á-đông là phương thế để ngăn chặn mối nguy nan đó.

Nhưng khi tác giả viết « cái thuyết vạn vật đồng nhất thể của Á-đông, trước kia cho là lờ mờ ảo vẩn, nay được toàn thế giới khoa học công nhận, vì rằng không công nhận vạn vật đồng nhất thể, thì không căn cứ vào đâu để chế tạo bom nguyên tử được.., » hay khi Chu-Tử chủ trương phương pháp cách vật, « phương pháp ấy giống như phương pháp của Descartes. Nếu Chu-Tử ở bên Âu-châu, là miếng đất hợp với tư tưởng khoa học vật chất, thì Âu-châu đã biết văn minh cơ giới sớm hơn 400 năm ». Chúng tôi thiết tưởng vấn đề phát minh, sáng tạo, hay vấn đề anh tài, như Einstein chẳng hạn, dù lệ thuộc vào văn hóa, thủy thổ, khí hậu, nòi giống... vượt hẳn trên những yếu tố mà khoa học có thể tìm thấy, nó vẫn thuộc, như tác giả nói, về « hình nhi thượng », phần trên của Hình, của Đạo, của Lý, là một tia sáng của « hình nhi thượng » áp dụng vào « hình nhi hạ », vào vạn vật.

Đàng khác, [bảo rằng sở dĩ có vấn đề cơ giới và cơ tâm là tại quan niệm cho rằng con người và vũ trụ là hai... Quan niệm Dịch-Lý không chia rẽ con người và vũ trụ ra làm hai, nên triết lý Á-đông không có nhân sinh quan riêng và vũ trụ quan riêng. Con người với trời đất là Một ; trời đất với con người đồng nhất thể và đồng nhất lý... Như vậy e người ta có thể nghĩ rằng luân lý trên đây sẽ đưa đến một chủ thuyết « phiếm thần » và lúc đó thì quan niệm về « nhân vị » sẽ ra sao ?.

CÁCH đây 2.500 năm, Tử-Cống, học trò của Khổng-Tử, nam du nước Sở, lại trở về nước Tấn. Khi qua bờ nam sông Hán, ông thấy một cụ già lụm cụm tưới rau. Cụ ấy đào một đường thang từ mặt đất xuống đến mặt nước của một cái giếng, ôm một cái hũ, lần theo đường thang ấy, múc nước trở lên mà tưới vườn rau của cụ. Dụng lực thì nhiều, thành công thì ít. Tử-Cống nói : « Có một cái máy múc nước, mỗi ngày có thể tưới cả trăm vườn rau như thế, dụng lực thì ít mà thành công thì nhiều, sao Cụ lại không dùng ? » Cụ làm vườn hỏi: « Nó ra làm sao ? » Tử-Cống trả lời đó là cái « kết cao » (cái guồng), làm bằng gỗ đục, đầu nặng đầu nhẹ, vừa múc nước vừa kéo lên, vài lần thì nước tràn ngập.

Cụ làm vườn nghiêm sắc mặt trả lời : « Tôi từng nghe Thầy tôi dạy rằng « *hữu cơ giới tất hữu cơ sự* », có máy móc tất nhiên có sự thờ máy móc ; « *hữu cơ sự tất hữu cơ tâm* », có sự thờ máy móc tất nhiên có tâm thần máy móc ; tâm thần máy móc mà ẩn trong lòng người, thì cái thuần túy của con người làm gì còn nữa ; cái thuần túy của con người bị tâm thần máy móc lấn áp không có chỗ để phát triển, nên khi thần linh của con người có nẩy nở ra, cũng phải nẩy nở theo những lần cong quẹo mà thôi, như thế thì đạo người sao thành cho được ? Tôi không phải là không biết có máy, nhưng tội xấu hổ mà không dùng máy đấy thôi » (Trang-Tử, thiên 12).

Thế giới văn minh ngày nay là một thế giới đầy máy móc. Văn minh máy móc nảy sanh ra 300 năm nay, đã trưởng thành từ đầu thế kỷ thứ 20, đang vùn vụt phát triển một cách ghê sợ. Chung quanh ta, không có gì là không máy và làm bằng máy. Con người đã chinh phục thượng tầng không khí và sắp đổ bộ lên cung trăng. Hỏa tiễn, vệ tinh, tàu ngầm nguyên tử, hỏa xa nguyên tử, điện khí nguyên tử cho đến bôm nguyên tử là những danh từ đã nhàm tai ta rồi. Và chừng ít mươi năm nữa, máy móc sẽ tung hoành phát triển không biết đến mức nào !

Con người chế tạo cơ giới, ngày càng to và mạnh, không ngoài mục đích : chinh phục vũ trụ để lợi ích cho con người. Từ lúc ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, đền đài nguy nga lộng lẫy, ai ai lại không biết ơn cơ giới và khoa học cơ giới. Biết ơn là bước đầu, hoan nghinh cơ giới là bước nhì, sợ sệt mà a dua theo cơ giới là bước ba, và tôn thờ cơ giới như thần thánh là bước tư vậy. Con người sở dĩ tôn thờ cơ giới, là vì người Âu-Châu nhờ đấy mà thôn tính được Á-Châu và lập nhiều thuộc địa, trở nên giàu có ; còn người Á-Châu cũng tại vì đó mà mất nước, mất tự do, hạnh phúc, trở nên nghèo khổ, và cũng lại nhờ bắt chước máy móc của người Âu-Châu mà đánh đuổi người Âu-Châu ra khỏi bờ cõi mình. Máy móc là tất cả, khoa học máy móc quyết định được vận mạng của một dân tộc. Ngay sau khi Thiên-Hoàng Hirohito tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, 17 người thanh niên Nhật quỳ trước Hoàng-Cung, đồng viết trên tấm vải lớn : « Nước ta thua trận, không phải vì tinh thần kém, mà tại khoa học máy móc của ta kém. Hôm nay chúng tôi tự hy sinh để nhắc nhở đồng bào thân nếu cố ráng trau dồi

khoa học máy móc cho kịp nước ngoài », rồi 17 người thanh niên đồng rút dao, tự mổ bụng mà chết.

Máy móc được hoan nghinh, rồi được tôn sùng như một vị thần linh : nước Mỹ, Nga, Trung-hoa và Anh Pháp; hiện nay, thi đua coi nước nào chạy đến chơn vị Thần ấy trước nhất. Có máy móc tất nhiên phải có sự tôn thờ máy móc. « Hữu cơ giới tất hữu cơ sự », rồi « *hữu cơ sự tất hữu cơ tâm* », khi mình tôn thờ máy móc thì tâm hồn mình ngày càng bị máy móc hóa. Một khi tâm hồn đã bị máy móc hóa, thì cái gì thuần bạch của tâm hồn ngày càng lu mờ và tiêu diệt, thay bằng những tư tưởng máy móc, khô khan, cứng rắn, ác độc, ghê tởm. Thế thì, thần linh của con người có phục sinh nầy nở trở lại đi nữa, cũng không tìm đâu ra một miếng đất thuần túy của con người mà phát triển sinh tồn. Thần linh của con người sẽ như một cây non yếu ớt giữa đám cỏ hoang mạnh bạo hung tàn, vô tri vô giác. Toàn con người thành một cái máy, xử trí, hành động như cái máy, huấn luyện con cái mình trở thành những cái máy tốt hơn, và tạo những người máy (homme-robot) giống như con người, hay là con người của chúng ta sẽ giống như người máy, vì chúng ta không còn cái thần linh vinh diệu đặc biệt của loài người nữa.

Văn minh cơ giới ngày nay đến chỗ cực điểm của nó, thì cơ-tâm thật đến chỗ hoàn bị. Bất kỳ người nào, giới nào, ở nơi nào trên hoàn vũ nầy thử nhìn tâm hồn của những người chung quanh mình, sẽ nhận thấy rằng họ không còn tâm hồn rung động cảm vui hòa đồng với vạn vật đang vui sống nhịp nhàng tuyệt diệu chung quanh họ, mà tâm hồn họ nặng chĩu với những tư tưởng tranh đấu, chiếm đoạt, với những tính đố kỵ, giả dối, máy móc, không nhân loại tí nào. Họ cá nhân, họ độc đoán, họ bóc lột, họ lấn áp, họ vô lý, nhưng vì tâm hồn họ đầy những tư tưởng máy móc, họ tưởng họ là tự do, dân chủ, vị tha, từ thiện, hữu lý. Thật sự, họ có tự do là tự do phóng túng trong cá nhân, có dân chủ là dân chủ giả mạo để lừa gạt, vị tha từ thiện là những danh từ che đậy mưu sâu bóc lột ở trong. Họ có lý thật, nhưng lý của họ không ngoài lý của máy móc, cực đoan, phá hoại.

Câu chuyện của ông Tử-Cống và ông lão làm vườn, xảy ra 2.500 năm, nay đã thành sự thật. Và sự thật ấy sâu xa, mãnh liệt vô cùng, hình như văn minh cơ giới đã đi một bước quá xa, nay không còn có thể quay về văn minh nhân loại nữa được. Khi về, Tử-Cống bạch với Thầy lời của ông lão làm vườn và không quên hỏi ý kiến của Thầy. Khổng-Tử nói : « Ông lão làm vườn là người muốn trở lại thời kỳ hỗn độn của văn minh, còn ngươi với ta đang sống trong thế tục ngày nay, làm sao thi hành lời của ông lão làm vườn cho được ? ».

Khổng-Tử nói không làm sao thi hành lời của ông lão làm vườn được ở thế tục nầy, nhưng không có nói làm thế nào để, một khi mình có cơ giới, *mà có thể không có cơ tâm* ; vì rằng cơ tâm mới là hại, còn cơ giới tự nó có hại ai đâu. Ông lão làm vườn không dám dùng cơ giới vì sợ sẽ có cơ tâm, còn Khổng-Tử cứ dùng cơ giới mà không bàn đến cơ tâm, hay là Ngài định *giáo hóa lòng người* cho cơ

tâm không nảy sanh ra được hay chăng ?

« Hữu cơ giới tất hữu cơ sự, hữu cơ sự tất hữu cơ tâm », Cơ giới là gì, nếu không là những khí cụ tự động hoặc không tự động giúp con người bành trướng năng lực của mình đến một tầm xa hơn tầm của Tạo-hóa đã ban cho. Con người sanh ra với những bộ máy tuy tinh vi, nhưng rất hẹp hòi. Con mắt nhìn được mức tầm thường, không thấy được vi trùng hay vật xa muôn dặm. Tai nghe được tiếng một dặm, chớ tiếng nói ở tận bên kia quả địa cầu, làm sao nghe cho được ? Chơn ta có thể nhảy năm, ba thước, còn nhảy đến cung trăng ta nhảy sao nổi ? Nhưng, ngày nay con người, với những máy móc nhân tạo hiệp cùng máy móc thiên tạo, đã thành công rực rỡ trên những địa hạt nói trên. Xe hơi, tầu ngầm, máy bay, hỏa tiễn, vệ tinh, hiển vi kính, khuy thiên kính, ra đa, tất cả đều là những máy móc phụ vào những máy móc thiên tạo mà con người sẵn có, để phóng tầm kiểm soát và hoạt động của con người xa và sâu hơn một mức nữa.

Cơ giới do trí lực con người chế tạo cốt để bành trướng khả năng và thế lực ra xa, thì đâu có cái gì là hại. Nhưng có hại là tại hễ có *cơ giới* tức phải có *cơ tâm* trải qua giai đoạn trung gian là *cơ sự*. Cơ tâm (tâm hồn bị máy móc hóa) mà có được là tại vì có cơ sự (tôn thờ máy móc). Nếu có cơ giới mà không có cơ sự, thì tức nhiên không có cơ tâm. Vấn đề quan trọng nhứt ở thế giới ngày nay là làm sao đừng có cơ sự, và các bộ óc ưu tú, trên các địa phận, đang lo giải quyết vấn đề này là vấn đề căn bản của hạnh phúc tương lai cho nhân loại.

Chế tạo cơ giới càng to và càng mạnh để phụng sự con người, điều ấy, ngày nay, không thấy ai còn phàn nàn chi nữa hết. Nhưng, con người phải là con người thì máy móc mới phụng sự ; còn nếu con người mà hết là con người, tâm hết là tâm của con người mà là tâm bị máy móc hóa, nhân tâm bị tiêu diệt bởi cơ tâm, thì máy móc đâu còn phụng sự con người nữa mà trái lại lấn áp con người, bắt con người trở làm nô lệ cho chúng nó. Địa hạt cơ giới lấn địa hạt con người, văn minh cơ giới lấn văn minh con người, con người bị nô lệ máy móc, máy móc là tất cả, con người là không đáng kể, tâm hồn tư tưởng bị máy móc hóa, nên cư xử với nhau ở xã hội nầy ít khi thấy được thanh tao cao nhã xứng đáng với loài người. Nhờ máy móc, con người tổ chức thật to tác, kiểm soát được rất nhiều người trên những vùng đất rất rộng, nhưng nếu con người không dùng bản tâm của người mà chỉ theo luật lệ máy móc của cơ giới, thì con người vin theo « khoa học máy móc », bóc lột con người một cách mạnh bạo sâu rộng vô cùng.

Ai ai cũng công nhận rằng thế giới ngày nay hành động trong cơ tâm thì nhiều mà với nhân tâm thì ít. Anh khổ, nó khổ, tôi khổ, chúng ta khổ đều do những hành động vô nhân loại ấy mà ra cả. Nhưng con người vin trên luật « khoa học » mà áp bức, thì người bị áp bức không biết lấy chi mà cãi, vì họ bị nhồi sọ đã lâu rằng thần khoa học là thần toàn năng toàn thiện. *Vì sự biến và mất bẩm tính tự nhiên của con người*, nên thế giới ngày nay bị ở trong cảnh hỗn độn, trên thì làm hỗn độn cho loài chim chóc,

dưới thì làm hỗn độn cho côn trùng cầm thú, giữa thì làm hỗn độn cho loài người. Mới nửa thế kỷ mà đã có ba đại thế giới chiến tranh : hai nóng, một nguội, làm cho xứ xứ đều điên đảo, nhà nhà đều lâm nguy, thân thân đều khốn đốn, tâm tâm đều tan tác rối loạn, đến nỗi lòng tin tưởng người cùng với người không còn nữa.

Con người đã sợ tình trạng ấy, run rẩy trước cảnh tượng diêu tàn trong lòng và ngoài lòng, oán giận, căm hờn, thấy cá tính cá nhân sao đã yếu hèn không thể gượng nổi trước guồng máy tổ chức đại qui mô của khoa học... máy móc, bởi những người chỉ biết có sức mạnh của máy móc. Nhưng, những phần tử ưu tú, trong các địa phận, trên các địa hạt, không chịu thua sức mạnh ấy, tin tưởng ở con người, thiết kế hoạch, hò hét nhau lập lại địa vị của con người, để con người trở lại hạnh phúc, hưởng thái bình, với sự giúp sức của cơ giới mà mình đã tạo ra.

Có nhiều người cho rằng sở dĩ cơ giới mà hại được là bởi có cơ sự, nghĩa là bởi mình tôn thờ máy móc thái quá. Nay mình không coi nó ra gì, không tôn thờ nó nữa, mà trở lại tôn trọng con người, nâng cao phẩm giá con người, thờ con người chớ không thờ máy móc, thì cơ sự sẽ đổi được ra nhân sự, cơ tâm sẽ đổi ra nhân tâm, chừng đó con người sẽ làm chủ máy móc và sẽ được hạnh phúc. Họ chủ trương con người là quí trọng hơn vạn vật, là cao linh hơn vạn vật, là chủ tể của vạn vật. Nhưng chừng đi quá thêm một bước nữa, họ cho rằng con người đã là chủ tể của vạn vật, thì phải khai thác vũ trụ, chinh phục vũ trụ để lợi ích cho nhân sinh. Mà chinh phục vũ trụ và khai thác vũ trụ bằng gì, nếu không có cơ giới thì thành công sao được ? Họ sẽ trở lại chạy đua theo cơ giới như một vị thần linh đắc lực. Họ sẽ trở vào vòng lẩn quẩn không lối ra.

Nhiều người khác lại cho rằng thời đại tôn sùng cơ giới, thịnh hành ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, nay đã qua rồi. Cơ sự đã giảm bớt thì cơ tâm cũng giảm bớt, nên không sớm thì muộn con người sẽ trở lại bản tâm của mình mà làm chủ lại cơ giới. Ta hãy bành trướng cơ giới cho triệt để ; chừng cơ giới đủ sức phục vụ con người, thì chừng đó con người sẽ làm việc mỗi ngày vài tiếng đồng hồ, còn bao nhiêu thì giờ sẽ vui đùa sung sướng, tiêu khiển với âm nhạc, văn nghệ, vì đã có người máy làm hộ cho ta. Những người có tư tưởng như vậy chẳng sợ cơ giới mà cũng không sợ cơ tâm : họ cứ thẳng tiến, dấn thân vào con đường đã vạch. Họ liều lĩnh, tin tưởng ở cơ giới và ở sự tổ chức đại qui mô của xã hội trên những luật cơ giới ; còn bản tâm con người có trở lại hay không cũng không sao. Sự gì khác thì chúng ta không đoán nổi, nhưng một điều mà chúng ta biết chắc chắn là những tâm hồn như thế chỉ đầy những tư tưởng và tính tình máy móc, cơ tâm của họ ngày càng dầy đặc, vì họ không chịu suy nghĩ tìm kiếm cách nào làm cho bản tâm con người mau sớm nẩy nở trở lại.

Sự thật, cơ giới và cơ tâm mà thành vấn đề quan trọng, là tại quan niệm con

người *cho rằng con người và vũ trụ là hai*. Con người là con người, vũ trụ là vũ trụ ; con người là tôi, vũ trụ là tất cả các vật thể ngoài tôi. Cái gì ở trong tôi, là chủ ; những cái gì ở ngoài tôi, là khách ; sự nhận xét của tôi là chủ quan, sự nhận xét của những người khác, dù là của anh em ruột thịt, đối với tôi là khách quan. Tôi là tôi, còn những người khác là ngoài tôi, không phải là tôi, ở phía bên vũ trụ. Cái quan điểm chia hai vũ trụ và con người khiến con người có tư tưởng phải chinh phục vũ trụ, phải chế tạo nhiều máy móc để khai thác vũ trụ mênh mông ấy. Con người khai thác càng nhiều thì tự cho mình càng văn minh và được hạnh phúc. Nhưng, trong cuộc chinh phục và khai thác vũ trụ để mưu toan hạnh phúc cho mình, thì một người nhìn vào những người khác đều có quan niệm rằng những người khác ấy nằm phía bên vũ trụ chớ không phải là họ, nên khi định khai thác và chinh phục vũ trụ, họ khai thác và chinh phục luôn những người đồng loại của họ. Vậy nên ta thấy một lầm lỗi nhỏ trong quan niệm của mình là dồn đồng loại vào bên mà *mình* gọi là đối lập, bởi sự tổ chức đại qui mô bằng máy móc ngày nay, đã trở thành một mối vô cùng nguy hiểm cho loài người : Thế giới tương tàn, Đồng loại tương tàn.

Trong quan niệm chia hai vũ trụ và con người, cơ giới là một khí cụ khai thác, là một mầm bóc lột, chiến tranh. Chạy theo cơ giới tức là chạy theo chỗ diệt vong của loài người, mà bỏ cơ giới thì con người không còn gì đáng kể nữa.

Nhưng, văn minh Dịch-Lý Á-Đông thì lại khác hẳn với văn minh cơ giới. Quan niệm Dịch-Lý không chia rẽ con người và vũ trụ ra làm hai, nên triết lý Á-Đông không có nhân sinh quan riêng và vũ trụ quan riêng. Con người với trời đất là Một ; trời đất với con người Đồng nhất thể và Đồng nhất lý. Con người với vũ trụ chung quanh là một, dính liền với nhau không phút nào rời. Làm hại người tức là làm hại mình, làm hại mình tức là làm hại người khác, làm hại người khác tức là làm mất thăng bằng của vũ trụ, mà vũ trụ đã mất thăng bằng thì loài người còn chi nữa.

Trong Hệ-Từ ở Kinh Dịch, Khổng-Tử có nói : « *Càn Khôn kỳ Dịch chi uẩn da. Càn Khôn thành liệt, nhi Dịch lập hồ kỳ trung hĩ. Càn Khôn hũy, tắc vô dĩ kiến Dịch. Dịch bất khả kiến, tắc Càn Khôn hoặc cơ hồ tức hĩ. Thị cố, hình nhi thượng giả vị chi Đạo, hình nhi hạ giả vị chi Khí. Hóa nhi tài chi vị chi biến, suy nhi hành chi vị chi thông, cử nhi thố chi thiên hạ chi dân vị chi sự nghiệp* ». Nghĩa là : « Càn Khôn là chỗ uẩn áo của Dịch. Càn Khôn thành hàng ngũ rồi thì Dịch có ở trong. Càn Khôn mà bị hủy thì không thể còn Dịch được. Dịch mà không còn thì Thiên Địa cơ hồ tan vỡ. Vậy cho nên, *hình nhi thượng* (phần trên của hình) *gọi là Đạo, hình nhi hạ* (phần dưới của hình) *gọi là Khí* (khí cụ). Hóa và bồi nó gọi là biến, suy ra mà hành nó gọi là thông, đem nó ra mà thi hành ở dân gian gọi là sự nghiệp ».

Khổng-Tử nhấn mạnh ở chỗ Hình. Cả vũ trụ càn khôn, đều là Hình, không phải là ảo mộng, là hư vô. Nhưng phần trên (hình nhi thượng) là phần tinh vi khó nhận biết, gồm những *lý* đương nhiên của vũ trụ càn khôn vạn vật. Có người gọi

nó là Trời, là Thượng Đế, là Tạo Hóa, là Thiên Lý, là Thiêng Liêng, là Đạo, là Lý. Ta hãy tạm gọi cái lý đương nhiên bao quát vũ trụ con người là vạn vật là *Lý*, tránh chữ Đạo để khỏi lầm lẫn với đạo đức tôn giáo. Phần dưới (hình nhi hạ) là phần thể chất, rờ thấy, đo lường được, đọi là *Khí*, tức là những món, những vật riêng biệt và khác nhau.

Phần hình nhi hạ gồm tất cả vạn vật trên địa cầu nầy từ sắt đá thảo mộc đến côn trùng cầm thú loài người, muôn hình vạn trạng. Không có hai người giống nhau cũng như không có hai hột cát giống nhau trên địa cầu nầy, mỗi mỗi đều riêng biệt. Nhưng dù riêng biệt trên thiên hình vạn trạng, cái thể nguyên tử của tất cả vạn vật đều giống nhau. Cho nên cái thuyết Vạn Vật Đồng Nhất Thể của Á-Đông, trước kia cho là lờ mờ vớ vẩn, nay được toàn thế giới khoa học công nhận, vì rằng không công nhận vạn vật đồng nhất thể, thì không căn cứ vào đâu để chế tạo bôm nguyên tử cho được. Văn minh vật chất tương lai, nếu không công nhận vạn vật đồng nhất thể, thì phải dừng bước, không tiến lên được.

Phần hình nhi thượng gồm những lý tự nhiên của vũ trụ, vạn vật và con người, không rờ được, không đo lường được, không trông thấy được. Tuy là không trông thấy được, nhưng Lý ấy điều khiển cả vũ trụ càn khôn. Lý ấy có Một, nhưng tâm thông cảm của con người chia nó ra làm nhiều phần mà một phần là tâm của ta. Vì tâm của ta cũng là một phần của Lý, nên thông cảm và hiểu Lý được. Ông Vương-Dương-Minh, về sau, có nói cái Lý ấy « lấy chỗ hình thể bao la mà nói thì gọi là Trời, lấy chỗ chúa tể sai khiến mà nói thì gọi là Thượng-Đế, lấy chỗ lưu hành vận dụng mà nói thì gọi là Mệnh, lấy chỗ phú bẩm cho con người mà nói thì gọi là Tính, lấy chỗ làm chủ sai khiến được thân ta thì gọi là Tâm ». (*tự kỳ hình thể dã vị chi Thiên, chủ tể dã vị chi Đế, lưu hành dã vị chi Mệnh, phú ư nhân dã vị chi Tính, chủ ư thân dã vị chi Tâm*). Tùy Tâm sở định, mà con người chia cái Lý ấy ra làm nhiều phần và đặt nhiều tên, nhưng sự thật, Lý ấy chỉ có một mà thôi. Ở phần hình nhi hạ thì Vạn Vật Đồng Nhất Thể ; ở phần hình nhi thượng thì cũng Vạn Vật Đồng Nhất Lý.

Vì xưa kia khoa học không chịu nhận Vạn Vật Đồng Nhất Thể, nên chỉ tiến bộ riêng tư, rời rạc, đối chọi nhau, không nguyên tắc chỉ huy. Nay đã nhìn nhận và áp dụng nó trong mọi ngành, nên khoa học ngày nay tiến lên vùn vụt, mãnh liệt vô cùng, không ai cản trở nổi. Còn về Lý, cũng vì con người không vận dụng Tâm mình một cách đầy đủ, nên không thông cảm với Lý, không hiểu Lý ấy chỉ là Một mà thôi, bao trùm cả vũ trụ muôn loài muôn vật. Con người không thông cảm với Lý đương nhiên của mọi vật, nên gọi nó là siêu hình, nghĩa là vượt khỏi hình thể, không cần thiết. Trái lại, không gì cần thiết cho con người bằng Lý cũng như không gì cần thiết cho thân mình bằng sự Sống. Chưa rõ sự Sống, thì làm sao chữa bịnh con người cho được. Chưa rõ Lý chung của muôn loài, thì làm sao yêu thương được muôn loài, hòa đồng với muôn loài mà ăn ở với nhau thuận hòa và trật tự.

Khoa học ngày nay học những vật thể ở hình nhi hạ, nên tìm ra *Luật* của vật thể ; những nhà triết học, từ nghìn xưa, học những lý ở hình nhi thượng, nên tìm ra được *Chơn-Lý*. Cũng như Luật của vật thể xưa kia nằm trong phòng thí nghiệm của một vài người, nay được phổ biến cùng thiên hạ ; những Chơn-Lý, cũng của vật thể mà ra, phải được phổ biến và được nhìn nhận trong tất cả dân gian. Một khi con người hiểu được Vạn Vật Đồng Nhất Thể và Vạn Vật Đồng Nhất Lý, Thể và Lý cũng đồng ở hình vật mà ra, thì con người đâu còn tự chia rẽ một cách vô lý, *và vấn đề cơ giới cơ tâm không còn là vấn đề nữa.*

Trong Bách-Khoa, Xuân Mậu-Tuất, khi luận về « Âm Dương và Mâu Thuẫn » tôi có viết : « Tuy muôn nghìn vấn đề có muôn nghìn cách giải quyết, nhưng cái đích của muôn nghìn cách giải quyết ấy không ngoài sự đi đến chỗ Trí-Trung-Hòa. Trí-Trung-Hòa là chỗ rất trung và rất hòa. Trung là giữ được thăng bằng để tồn tại ; còn hòa là điều hòa với vũ trụ để hanh thông... Lấy gì làm phương châm trong khi giải quyết cho đến chỗ Trí-Trung - Hòa ? Lấy *Thuận - Lý*, *Ứng-Vật*, *Tùy-Thời* làm phương châm. Trong khi giải quyết vấn đề, không nên lấy đa số thắng thiểu số mà làm phương châm, vì như thế không sao tránh khỏi những sự mưu mô áp đảo. Phải thuận theo *Lý* của vũ trụ, ứng theo sự *Thể* của sự vật, và bao giờ cũng tùy theo cho đúng lúc đúng *Thời* mà thi hành mọi việc mới được. Trong Quẻ Càn, Trình Tử có nói : khi thuận Lý, ứng Thể vật, tùy Thời rồi, thì làm trước trời, trời cũng đồng lòng ; mà làm sau trời, trời cũng ưng thuận, bởi chẳng qua cái lẽ hợp với lý đương nhiên mà thôi. »

Trong khi quan niệm con người là khác, vũ trụ là khác, không dính líu với nhau, thì nảy sanh trong tâm mình vấn đề chinh phục vũ trụ và cạnh tranh sanh tồn, mạnh được yếu thua, khôn sống dại chết, kẽ hèn (?) phải nhượng chỗ cho người giỏi (?). Văn minh cơ giới căn cứ trên quan niệm ấy mà phát triển và sinh tồn. Ông Descartes là cha đẻ của văn minh cơ giới, trong quyển Phương Pháp Luận, có nói phương pháp khoa học là phải chia mọi việc và mọi vấn đề ra cho thật nhiều, hết sức nhiều phần nho nhỏ để dễ nhìn nhận và giải quyết. Cứ theo cái đà đó, khoa học tiến bộ và cũng đi đến chỗ càng phân ly và chia ly. Cạnh tranh sanh tồn và chia ly là hai khuyết điểm lớn của văn minh cơ giới, vì vậy nên vấn đề cơ giới cơ tâm mới thành vấn đề quan trọng và nan giải.

Còn văn minh Dịch Lý, cũng có ở Âu-Châu như đời Hippocrate, Pythagore (Connais-toi toi-même et tu connaîtras l'Univers : anh tự biết anh đi, rồi anh sẽ biết vũ trụ ngay), nhưng phát sanh rất sớm và lưu truyền lâu đời trong vua chúa và dân gian ở Á-Đông. Từ khi vua Phục Hi tóm thâu sự hiểu biết nghìn xưa mà làm ra kinh Dịch để dạy đời những lý biến chuyển của càn khôn và lý trí trung hòa cho muôn sự động tác của loài người, thì dùng được cũng gần 10.000 năm. Lý biến chuyển và trí trung hòa làm khuôn vàng thước ngọc cho vua chúa và dân gian, đến nỗi vua Nghiêu

(cách 4.000 năm) truyền ngôi cho vua Thuấn với 8 chữ : « Duy tinh duy nhất doãn chấp khuyết trung », nghĩa là : chỉ phải tinh mật, chỉ phải một điều nắm giữ trí trung hòa. Vua Thuấn truyền ngôi cho vua Võ cũng với 8 chữ ấy, thêm 8 chữ giải nguyên nhân tại sao phải như vậy : « Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất doãn chấp khuyết trung », nghĩa là : nhân tâm chỉ là éo le, đạo tâm (lý vũ trụ) chỉ là vi diệu, nên chỉ phải tinh mật, chỉ phải một điều nắm giữ trí trung hòa.

Kịp đến ba đời sau Hạ, Thương, Chu, là ba đời văn minh rực rỡ, Dịch-lý rất thịnh hành. Đời Hạ theo Dịch lý của Phục Hi mà bắt đầu quẻ Khôn, gọi là Liên-Sơn-Dịch. Đời Thương theo Dịch lý của Phục Hi mà bắt đầu quẻ Cấn, gọi là Qui-Tàng-Dịch. Đời Chu theo Dịch lý của Phục Hi mà bắt đầu quẻ Càn, gọi là Chu-Dịch còn truyền tụng đến ngày nay. Còn truyền tụng đến ngày nay là vì nhờ có Khổng-Tử san định lại và viết thêm 10 thiên nữa (thập dực) và có Trình-Tử, Chu-Tử giảng giải thêm, nhưng lý của Dịch không còn áp dụng từ hết Tây-Chu bước sang Đông-Chu. Khổng-Tử về già mới học Dịch, nên không có dạy lý Dịch cho học trò, tuy lời giáo huấn của Khổng-Tử không sai với lý Dịch. Khổng-Tử học Dịch, đọc đến ba lần đứt lề sách bằng da, và than rằng : « Giá cho ta sống thêm ít năm nữa để học Dịch cho trọn vẹn, thì khả dĩ không còn điều lầm lỗi lớn », (*gia ngã số niên tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá dã*). Sau khi giặc giã tàn phá văn minh ở đời Đông-Chu, trải qua đời Hán và Hậu Hán, cho tới đời Tấn thì con người hình như mệt mỏi, không còn lý thuyết nào vững chắc nữa mà theo, chỉ có thanh đàm phế sự hoặc theo sở dục của bản thân. Đời Tùy, Đường thì không có chi về Dịch học. Đến đời Tống có thầy trò Trình Chu giảng giải Kinh Dịch. Trình-Tử thiên về đạo lý, còn Chu-Tử vì cho Kinh Dịch là sách bói, đã vô tình lên án tử hình nó từ đây, nên về sau không còn ai học Dịch với nghĩa lý biến chuyển và trí trung hòa của nó.

Chu-Tử (1130 — 1200) tuyên dương thuyết Cách Vật Trí Tri. Chu-Tử nói muốn hiểu cho thấu đáo thì phải « cách vật » nghĩa là phải chia mỗi vật mỗi sự ra nhiều phần, phải cách đến nơi đến chốn từng phần một. Lần lần về sau sự hiểu biết gom góp được nhiều thì tự nhiên thấu rõ vạn vật. Phương pháp ấy giống y như phương pháp của Descartes. Nếu Chu-Tử ở bên Âu-Châu là miếng đất hợp với tư tưởng khoa học vật chất, thì Âu-Châu đã biết văn minh cơ giới sớm hơn 400 năm. Nhưng phương pháp học hỏi sự vật bằng cách cắt chia vật chất ra từng mảnh như vậy bị kích bác kịch liệt ngay khi Trình-Chu còn đương thời. Phái Lục-Tượng-Sơn cực lực phản đối Trình-Chu về lối học hỏi kỳ khôi ấy. Về sau, ông Vương-Dương-Minh, đời Minh cũng không chịu học thuyết của Chu-Tử. Nước Trung-hoa, từ 800 năm nay, bị tư tưởng hai phái chi phối : phái Trình-Chu muốn lập nền văn minh cơ giới ; phái Lục-Vương như muốn trở lại văn minh Dịch-lý nhưng không dựa theo ý nghĩa của tiền nhân trước đời Đông-Chu, mà chỉ tin cậy ở nơi tâm mình mà thôi.

Tóm lại, trên thế gian nầy có hai thứ văn minh : một là *văn minh cơ giới* phát

triển ở Âu-Châu một cách vô cùng mạnh mẽ từ 300 năm nay, mà cũng văn minh cơ giới ấy bị tắt ngòi ở Á-Châu ngay từ đời Chu-Tử bởi không ai theo ; hai là *văn minh Dịch-lý* thịnh hành từ đời Phục-Hi đến Tây-Chu là gần 6.000 năm ở Á-Đông, bị bỏ rơi từ đời Đông-Chu đến nay có đến 2.700 năm vì, sau những cảnh tương tàn gần 500 năm của đời Đông-Chu, Hán và Hậu-Hán, con người không còn sức noi theo và thi hành lẽ chính. Quan niệm văn minh cơ giới là con người phải khai thác vũ trụ, cạnh tranh sinh tồn bằng nanh vuốt chưa đủ mà bằng cơ giới trong tay, nên vấn đề cơ giới, cơ tâm trở thành vấn đề quan trọng và nan giải. Quan niệm văn minh Dịch-lý là con người phải hòa đồng với vũ trụ và con người đồng loại chung quanh ; thuận với nhau mà sinh tồn ; khi hành động thì căn cứ trên phương châm thuận-lý, ứng vật, tùy thời ; giải quyết mọi vấn đề cho đến chỗ trí trung hòa. Vì thế mà trong quan niệm văn minh Dịch-lý, vấn đề cơ giới, cơ tâm không thành vấn đề, vì rằng cơ giới là để giúp người chớ không thể khiến nảy sanh ra cơ sự, cơ tâm cho được.

Văn minh cơ giới thuộc về Hình nhi hạ, văn minh Dịch-lý thuộc về Hình nhi thượng, cũng đều là văn minh của Hình Thể nhưng một bên lập nền tảng trên Luật của vũ trụ, một bên trên Lý của vũ trụ. Luật và Lý của vũ trụ cũng là Luật và Lý của con người. Con người đã học Luật để mạnh, nay học thêm trở lại Lý để hòa. Cái Lý ấy nằm trong Dịch-Lý, nhưng con người chưa chịu nhận nó là thực tiễn mà cứ cho nó là siêu hình, nên lơ là với nó. Nhưng, nhiều đọc giả và tác giả bài nầy tin rằng, không sớm thì muộn, nhân sanh thống khổ sẽ cảm thông cái lẽ hòa đồng của nhân loại mà quay về Dịch-Lý hòa bình, thống nhất và hạnh phúc,

NGUYỄN-VĂN-BA

Bực vua chúa đối với tả hữu

Làm người con gái tất phải lựa chọn tơ gai để chế tạo nữ công. Làm tay thợ giỏi tất phải lựa chọn cây gỗ để chế tạo đồ dùng. Bực vua chúa hiền tất phải lựa chọn những người tả hữu để trao công việc. Vất vả về việc chọn người, nhưng nhàn rỗi về cách thi hành công việc. Người quân tử muốn cho danh dự tới thì tất phải cẩn thận về tả hữu bên mình.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

thắc mắc...

Sau hai trận đại chiến, sau những cuộc tranh đấu võ trang hoặc chính trị giành độc lập, sau những năm chung sống với Cộng-sản, sinh hoạt cũng như tư tưởng của con người bị xáo trộn quá nhiều, quá mạnh. Hoàn cảnh mới, tư tưởng mới, phát minh khoa học mới... mỗi ngày mỗi gieo thêm vào lòng người dân Việt biết bao hoài bão mà cũng biết bao niềm thắc mắc băn khoăn. Những thắc mắc băn khoăn đó, bạn Phạm-Hoàng, sau bao biến cố thời đại, sẽ lần lượt trình bày cùng bạn đọc Bách-Khoa mỗi kỳ. Tác giả trang thắc mắc này hi vọng sẽ cùng các bạn, nếu không tìm được phương giải quyết, thì ít ra cũng làm nhẹ bớt tâm tư của riêng mình và của các bạn đồng tâm sự.

L. T. S.

« Trí » nhận, nhưng « tâm » chưa nhận

Tôi nhận thấy hành động của tôi và của một số bạn bè nhiều khi tỏ ra rất mâu thuẫn với chủ trương của mình. Lời nói của chúng tôi, trí não của chúng tôi luôn luôn chủ trương tự do, dân chủ và tôn trọng nhân vị, mà hành động của chúng tôi thường phản tự do, phản dân chủ, chà đạp nhân vị tới mức tôi không thể ngờ được.

Tôi tự xét và tự hỏi cái nguyên nhân của trạng thái ấy do đâu mà ra. Phải chăng nguyên nhân chính là chúng tôi chỉ dùng « trí » mà lĩnh hội các nguyên tắc tự do, dân chủ hay nhân vị, chứ chưa dùng « tâm » để sống bằng những nguyên tắc ấy; phải chăng bởi chúng tôi mới để cho « trí » thừa nhận chúng, và vẫn để cho « tâm » từ khước chúng quyết liệt ; phải chăng bởi chúng tôi muốn để cho « trí » được thỏa mãn một nhu cầu, mà chưa để cho « tâm » được rung cảm và vượt lên cao ?.

PHẠM-HOÀNG

MỘT Ý KIẾN VỀ

«CHỮ TRUNG»

THẾ-QUANG

• Nhân bài « Chữ Trung » của Ô. Nguyễn-văn-Trung đăng trong « Sinh-Lực » số 3 (13-11-58.)

(*Xin xem B. K. số 50*)

Từ khi con người cảm thấy được Đạo và nhận thức được rằng những người khác và mình đều từ Đạo mà ra, thì con người đã bước vào con đường đạo đức.

Đạo là Thực Thể trường tồn của vũ trụ, nguyên lý tối cao của vạn vật,

Đức là con người cảm thấy được chân lý tuyệt đối, chơn nhơn dần dần hòa hợp với Đạo, Đạo dần dần thấm vào con người, truyền từ bi, trí tuệ cho chơn nhơn, biểu hiện thành những lời nói những việc làm càng ngày càng đem nhiều đoàn kết, hạnh phúc cho quanh mình, đem an ninh, hòa bình cho xã hội, cho nhân loại.

Đạo đức là thế !

Sau khi cụ thể hóa bất đẳng thức $N > T$, $\frac{N}{T} > 1$, chúng ta hãy trở lại xem bất đẳng thức $N < T$ tượng trưng cho những tình trạng cụ thể gì.

Dưới đây là đặc điểm của con người mà trình độ nhận thức còn ở mức $N < T$.

— Cái ta ích kỷ còn ngự trị trong người của ta, làm mờ nhận thức của ta, mê hoặc chơn nhơn và làm động cơ chánh cho phần lớn hành động của ta.

— Vì lẽ đó mà nhãn quang ta sai lạc; nhìn tha nhơn, ta không thấy được chơn nhơn của họ, ta chỉ thấy một cá nhơn ích kỷ khác mà sự tồn tại mâu thuẫn với sự tồn tại của ta : họ giàu thì ta nghèo ; họ còn thì ta mất. Do đó, qua sự thúc giục của cái ta ích kỷ, ta đặt họ dưới ta mà nhận định : $N < T$.

Hay, tiến lên một bước, ta nhìn nhận họ có quyền tồn tại như ta và nhận định $N = T$.

— Ở trình độ này, chơn nhơn chưa cảm thấy Đạo, dù vậy rất tha thiết lý tưởng, khao khát chân lý, ước mong được phụng sự một đại thể. (Lý tưởng của các bạn thanh niên tốt thường là

được giúp ích cho xã hội, hy sinh cho tổ quốc, phục vụ nhân loại v.v...)

— Trong những trường hợp đặc biệt, chơn nhơn có thể tiến vượt bực, trong chốc lát thấy được Chân lý, hòa mình với Đại-thể, có một hành động đạt đến đạo đức tuyệt đối, nhưng rồi cũng trở lại với một trình độ nhận thức tương đối khá hơn trước, phần nào.

Không nên lầm lẫn với những hành động có tánh chất phi thường, nhưng do cái ta ích kỷ thúc đẩy để tự đề cao.

Về trí tuệ, sống trong guồng máy phức tạp của xã hội — tổ chức nầy tạo ra giữa người và người những liên hệ cực kỳ phức tạp — chơn nhơn còn bị cái ta ích kỷ mê hoặc khó mà nhận thức được cái liên hệ đúng đắn duy nhứt giữa ta và người. Mặt khác, vì đa số hành động của ta là do cái ta ích kỷ thúc đẩy, nên sự tận tâm, cố gắng của ta cũng ít, kinh nghiệm thực tế không bao nhiêu ; do đó nhận thức của chơn nhơn tiến bộ chậm chạp, có tính chất do dự, bất nhất, lắm khi sai lạc.

Trong cuộc đấu tranh từng giờ từng phút giữa chơn nhơn và cái ta ích kỷ, chơn nhơn thường thất bại ; lý do chánh là vì chưa tiếp xúc với Đạo.

Nhìn chung, đời sống tinh thần của con Người là một cuộc đấu tranh lâu dài, khổ nhọc của chơn nhơn đi tìm chân lý, tìm đường trở về với Đức Mẹ kính yêu, chống với cái ta ích kỷ, với tham sân dục vọng (theo danh từ Phật giáo) mê hoặc để trì níu chơn nhơn lăn lộn trong cuộc đời phức tạp và biến chuyển không ngừng.

Qua những liên hệ sai lầm do đời sống xã hội tạo ra, đối lập ta và người, người nọ với người kia, con người cố gắng học hỏi, rút kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày để không ngừng nâng cao trình độ nhận thức : đi từ nhận thức $N > T$, tiến nhận thức $N = T$ và đạt đến nhận thức $N > T$, để cuối cùng đạt đến mức cao diệu là thấy được Đạo, chân lý tuyệt đối.

Sự tiến từ nhận thức $N < T$ đến nhận thức $N = T$ là một bước tiến quan trọng, đánh dấu một thắng lợi lớn lao của chơn nhơn chống cái ta ích kỷ.

Sự tiến từ nhận thức $N = T$ đến nhận thức $N > T$ là một giai đoạn cực kỳ gay go, khổ nhọc, trải qua bao công phu tu tâm, dưỡng tánh. Đạt đến đó là thánh hiền là La-hán, Bồ tát.

Mục phiêu chánh của cuộc đấu tranh lâu dài, khổ nhọc ấy là kiềm hãm để tiến tới tiêu diệt cái ta ích kỷ.

Biến đổi chánh của bất đẳng thức $\frac{N}{T} > 1$ tùy thuộc vào sự hủy diệt của T, biến từ 1 đến O. Khi T biến gần O thì $\frac{N}{T}$ tiến gần vô cực (∞). Nghĩa là cái ta ích kỷ càng tiến trên con đường hủy diệt thì chơn nhơn càng tiến gần Đạo.

Cần nhận thức rằng T đây là cái ta ích kỷ, nhỏ nhen, hẹp hòi, ám muội, đối lập ta và người. T hủy diệt không có nghĩa là toàn thể bản ngã hủy diệt. Cái ta ích kỷ bị hủy diệt nhưng chơn nhơn vẫn còn. Sự hủy diệt của T thực hiện một cách tuần tự, qua bao nhiêu công phu, khổ hạnh. Sự hủy diệt của

cái ta ích kỷ càng tiến thì trí tuệ và đức độ của chơn nhơn càng phát triển để cuối cùng, đến mức cao diệu, sáp nhập với đấng Toàn Chân, Toàn Thiện.

Chơn nhơn, cái chân ngã nầy, có mà không, không mà có.

— Có vì chơn nhơn vẫn tiếp tục tu dưỡng để tiến sâu trên con đường đạo đức.

— Không, vì cái chân ngã ấy không đối lập với phi ngã, mà lại cùng với phi ngã đồng nhứt với Đại Ngã.

Sau khi nhận định đạo đức là gì, chúng tôi xin giải đáp câu hỏi :

Luân lý là gì ? Liên hệ giữa đạo đức và luân lý

Trên thực tế cuộc đời, số người đã tiến tới nhận thức N > T còn ít mà đại đa số thì còn ở mức N < T. Và bất đẳng thức $\frac{N}{T} < 1$ biến từ < 1 đến 0, cơ thể trải qua không biết bao nhiêu phân số. Thế nghĩa là trình độ nhận thức của người ta khác nhau một cách vô cùng phức tạp. Tất cả đều nhận thức chung là ta và người đối lập, mâu thuẫn nhau, nhưng mâu thuẫn cũng có nhiều mực độ : từ chỗ tích cực chống đối, một mất một còn, đến chỗ tiêu cực chống đối, có thể cùng tồn tại bên cạnh nhau ; đến chỗ có thể dung hòa hợp tác v. v...

Mặt khác, xã hội muốn tồn tại phải được tổ chức mà tổ chức tức là đặt những liên hệ nhân tạo giữa người và người bên cạnh những quan hệ thiên nhiên. Tổ chức xã hội càng phức tạp thì liên hệ nhân tạo càng nhiều, càng rắc rối « liên hệ » vua, tôi cha con, chồng vợ, chủ tớ, điền chủ nông dân, chủ xưởng công nhân v. v...

Mắc kẹt trong những liên hệ đặc thù, phức tạp ấy, con người khó lòng mà nhận thức được liên hệ đúng đắn duy nhất giữa ta và người (ta, người đồng nhứt thể).

Trong những điều kiện cụ thể nầy, đạo đức chỉ có thể biểu hiện ở một mực độ tương đối thấp nào đó thôi, qua những hình thức cụ thể đặc biệt của một xã hội nhứt định.

Hình thức biểu hiện tương đối thấp của đạo đức ấy là luân lý.

Vậy, điểm khác nhau căn bản giữa luân lý và đạo đức là :

— luân lý xây dựng trên một nhận thức còn sai lạc về liên hệ giữa Ta và Người N<T.

— Còn đạo đức thì xây dựng trên một nhận thức đúng đắn là ta và người đồng nhứt thể.

Luân lý khác đạo đức về bản chất nhưng giống nhau về tác dụng =

— Làm *phải*, thi hành một hành động hợp luân lý cũng đòi hỏi nơi người một cố đấu tranh chế ngự, đè nén cái ta ích kỷ.

— Luân lý có tác dụng làm dịu mâu thuẫn giữa người và người và duy trì trật tự của xã hội.

Trong khi ấy thì đạo đức đòi hỏi :

— Tiêu diệt hẳn cái ta ích kỷ.

— Xóa bỏ mọi mâu thuẫn giữa ta và người, đem hòa bình, hạnh phúc cho nhân loại.

Do đó, trong luân lý có những đặc tính của đạo đức ở một mực độ khinh trọng

tùy theo sự tiến bộ của nền luân lý ấy ; vì thế mà, trong một xã hội nhứt định, gọi luân lý là đạo đức cũng không sai nhiều lắm ; và đối với mỗi người, luân lý có tác dụng như một phương tiện giúp chơn nhơn tiến hành có hiệu quả cuộc đấu tranh chống dục vọng tham sân.

Tổ chức xã hội thay đổi, trình độ nhận thức con người thay đổi thì luân lý cũng thay đổi. Luân lý một bộ lạc Châu Phi khác luân lý một xã hội Châu Âu : Luân lý phong kiến khác luân lý trưởng giả. Do đó mà nhận định về phải, quấy thay đổi qua các nền luân lý khác nhau.

Những bộ phận của một nền luân lý cũ có thể còn tồn tại trong một nền luân lý mới. Khi chế độ xã hội thay đổi đột ngột qua một cuộc cách mạng thì người ta có thể xóa bỏ toàn bộ một nền luân lý cũ mà xây lên một nền luân lý mới, dựa trên một hệ thống liên hệ mới giữa người và người, do tổ chức mới của xã hội đề ra.

Tuy nhiên, nhìn chung qua cả một quá trình lâu dài của lịch sử nhân loại, chúng ta nhận thấy có sự tiến bộ. Ở xã hội La-mã, dung dưỡng cho sự người bắt người làm nô lệ, bất đẳng thức $\frac{N}{T} < 1$ còn nhỏ quá.

— Trong xã hội phong kiến, phân chia đẳng cấp, người nông nô, so với một người nô lệ trước kia, vẫn có một chút ít giá trị ; bất đẳng thức $\frac{N}{T} < 1$ có một trị số cao hơn.

— Ở xã hội dân chủ, thì liên hệ giữa ta và người đã tiến tới đẳng thức $\frac{N}{T} = 1$.

Tóm lại, các nền luân lý kế tiếp nhau trên lịch sử nhân loại có tiến, đó tức là trình độ đạo đức con người có tiến.

Thế thì ngày mà đại đa số con người tiến tới trình độ nhận thức được $\frac{N}{T} > 1$, tuy là xa xôi, nhưng không phải là không có được ở cõi đời nầy ; và ngày ấy luân lý và đạo đức là một ; đạo đức được thực hiện dưới hình thức tuyệt đối.

Ngày ấy, tất cả người đều coi nhau như anh em một mẹ, thương yêu, đoàn kết nhau ; và lúc bây giờ không còn danh từ đạo đức nữa vì không còn cái phi đạo đức ; người người sống trong đạo đức, hành động đạo đức một cách tự nhiên, trên một thế giới đại đồng, hưởng hạnh phúc trường tồn, vĩnh viễn.

Chúng tôi xin lỗi đã dời trọng tâm của bài nầy quá lâu ; nhưng chúng tôi tin rằng : qua những kết luận đã rút ở đoạn trên, chúng ta sẽ thấy rõ những ngộ nhận của ông Trung.

Bàn về chữ Trung, ông Nguyễn-Văn-Trung, đã viết :

1) « Tôi trung thành với người khác tức là để thực hiện cuộc đời tôi cho xứng đáng là cuộc đời của con người. »

Đúng. Chữ Trung, nằm trong một nền luân lý, là một phương tiện giúp chơn nhơn ta đấu tranh có hiệu quả chống với cái ta ích kỷ, để tiến trên con đường đi tìm lý tưởng.

2) Nêu một tỷ dụ : cần phải giữ lời hứa đến thăm một người bạn nằm nhà thương, ông bảo : « Trung thành với lời hứa đến thăm người bạn đúng 6 giờ chiều mỗi ngày cho đến khi

khỏi », trung thành với lời hứa ấy khi « thực sự trong bụng không muốn nữa.... làm cho tôi lệ thuộc người khác, mất cả sự tự lập... »

Sở dĩ ông lý luận như vậy nguyên nhân là vì chơn nhơn ông đã sửa đổi nhận thức về tình bạn giữa người bệnh với ông, hay vì cái ta ích kỷ của ông làm biếng, hoặc chạy theo một quyến rũ vật chất nào ? Cần phải phân tách xem chữ « bụng » chỉ cái gì. Chín phần mười cái « bụng » ấy là cái ta ích kỷ.

3) Về vấn đề trung thành với chính mình, ông Trung bảo : « Tôi đã chọn một lý tưởng về chính trị, xã hội, tôn giáo hay theo một quan niệm về nghệ thuật, vì cho rằng nó hợp với đời tôi. Thời gian qua, tôi thấy lý tưởng cũ không còn hợp với lòng mình nữa... nếu tôi vẫn cứ làm ra bộ vẫn theo lý tưởng cũ... tôi đã đóng kịch với người ngoài... Trung thành kiểu ấy là trung thành với một nhân vật mà bất trung với nhân vị. »

Ở đây cũng cần phân tích nội dung của câu « không còn hợp với lòng mình » là : hợp với nhận thức tiến bộ của chơn nhơn mình, hay là : hợp với sự đòi hỏi của cái ta ích kỷ.

Ở đời, phản bội lý tưởng để chạy theo tiền tài, chức tước, không phải là hiếm.

Trên con đường đi tìm lý tưởng, khi chơn nhơn còn ở trình độ nhận thức $N \leq T$, sự sai lầm không thể tránh khỏi. Giác ngộ sự sai lầm của mình, cương quyết thay đổi lập trường là một điều chánh đáng ; nhưng ở trình độ nhận thức nầy, thâm sân dục vọng còn ngự trị trong người mình, thì sự chơn nhơn bị cái ta ích kỷ mê hoặc là một điều thông thường ; và để cho cái ta ích kỷ mê hoặc từ bỏ lý tưởng là một thoái bộ.

4) Về lời thề, ông bảo : « ý nghĩa và nền tảng của thề hứa là sợ có thể phản bội, thất ước. »

Đúng như vậy, nhưng :

— Sợ ai có thể phản bội, thất ước ? phải chăng sợ cái ta ích kỷ, chạy theo quyến rũ của nhục dục, thay đổi như long chóng ?.

— Lời thề dựa trên chữ trung, chữ tín, nằm trong một nền luân lý mà tác dụng là giúp chơn nhơn đấu tranh có hiệu quả, kiềm hãm, chế ngự cái ta ích kỷ. Viện lẽ này lẽ kia để bào chữa cho phản bội, thất ước là mắc mưu cái ta ích kỷ.

Ông Trung nêu tỷ dụ về tình yêu : « Đôi nhân tình đang sống những giây phút say sưa trong hiện tại, nghĩ đến ngày mai bất trắc, có thể phản bội..., thề nguyền để làm êm dịu nỗi lo lắng... có thể đục khoét, làm tiêu ma tình yêu của họ. »

« Tơ tằm đã vấn thì vương,
Đã trót gian díu thì thương nhau cùng.

hay :

Bao giờ cạn rạch Đồng-nai,
Nát chùa Thiên - Mụ mới phai lời nguyền. »

Sở dĩ đôi nhân tình thế như vậy là vì ở đời thường xảy ra cảnh :

Ấy ai hẹn ngọc thề vàng
Bây giờ kim-mã, ngọc-đường bỏ nhau.

hay :

Năm xưa anh bủng anh beo,
Tay nâng chén thuốc, tay đèo múi chanh,
Bây giờ anh mạnh, anh lành,
Anh âu duyên mới, anh tình phụ em.

Họ lo sợ là phải vì họ cảm thấy rõ rằng cái ta ích kỷ còn ngự trị trong người thì sự phản bội thề ước để chạy theo giàu sang phú quí không thể tránh khỏi.

Lý luận rằng : tâm tình biến đổi, thời thế biến đổi, không thể giữ lời thề xưa.

— Tâm tình biến đổi. Tâm tình là gì nếu không phải dục vọng tham sân, biến đổi như long chóng, chạy theo những khích thích, những quyến rủ của vật chất; chớ chơn nhơn thì luôn luôn khao khát lý tưởng, đeo đuổi một chí hướng, nghĩa là cố gắng không ngừng nhắm đạt đến một mục đích nhứt định, mặc dầu thời thế đổi thay.

Cần phân biệt sự thay đổi lập trường do nhận thức của chơn nhơn được tiến bộ với sự phản bội, do đòi hỏi của cái ta ích kỷ.

Sự thay đổi lập trường của chơn nhơn là kết quả của một quá trình học tập, rút kinh nghiệm, lâu dài, khổ nhọc, lặn lội trên đường đời ; vậy việc thay đổi ấy không thể xảy ra thường được. Trái lại sự đòi hỏi của dục vọng tham sân thì thật là không chừng không đổi.

5) Nhìn vào cuộc đời bên trong, Ông Trung viết : « chúng ta không thể nhận định đúng một cách tuyệt đối, và chỉ một lần, hướng đi của cả cuộc đời. »

Như ở đoạn trên chúng tôi đã phân tích, nhận định nầy đúng trong giai đoạn mà nhận thức của chơn nhơn còn ở trình độ N<T, khi chơn nhơn chưa thấy được Đạo.

6) Về biến đổi của luân lý, ông viết : « Luân lý là một khám phá không ngừng vì chân lý làm nền tảng cho những thề ước, quyết định hành động trong hiện tại của ta, chỉ xuất hiện dần dần, qua những biến đổi của tâm tình và hoàn cảnh bên ngoài...

Đúng như đoạn trên đã giải thích, luân lý là biểu hiện thô sơ của đạo đức trong giai đoạn mà nhận thức của những người trong xã hội còn ở trình độ N<T. Nhận thức của con người tiến lên thì luân lý cũng thay đổi theo.

Khi nhận thức con người tiến đến trình độ N>T thì luân lý phát triển đến mức cùng tột của nó và nhứt trí với đạo đức tuyệt đối, trường tồn, bất biến.

7) Về giá trị của luân lý, ông viết : « Ta không bao giờ nắm được chân lý toàn diện trong chốc lác, chỉ một lần thôi và cuộc đời luân lý cũng không bao giờ thực hiện hoàn toàn ở đời nầy. »

Đúng trong trường hợp mà nhận thức của con người ở còn trình độ $N \leq T$. Nhưng, như trên đã phân tích, khi nhận thức ấy tiến lên mức $N > T$ thì chơn nhơn thấy Đạo, Đạo thấm vào người. Ta nắm được chân lý toàn diện ; và cuộc đời đạo đức không phải tuyệt đối không thể thực hiện ở đời này.

8) Ông Trung viết : « đời là đi tìm hơn tìm thấy ». Đây là tiếng than của một chơn nhơn chưa nhìn thấy Đạo.

9) Tuy nhiên, không thể như ông bảo : « Nếu chân lý đã khám phá đầy đủ,

nếu cuộc đời luân lý đã thực hiện hoàn toàn, thì không còn vấn đề đi tìm chân lý, cố gắng sống luân lý.»

Sự thật, nếu khi chân lý đã được khám phá đầy đủ thì không còn vấn đề tìm chân lý nữa, nhưng « thực hiện cuộc đời luân lý, cố gắng sống luân lý » (đúng hơn ở đây phải nói, thực hiện cuộc đời đạo đức, cố gắng sống đạo đức) là cả một vấn đề gay go, phức tạp, khổ nhọc vô cùng. Đó là một cuộc đấu tranh khốc liệt, từng giờ từng phút tiến hành trong nội tâm chống với dục vọng, tham, sân, một kẻ thù quỷ quyệt rất lợi hại, ngự trị ngay trong bản thân ta, biết tất cả nhược điểm của ta, để thay đổi chiến lược, chiến thuật, vận dụng mọi mưu mô, thủ đoạn để quyến rũ, lôi kéo ta vào những hành động ích kỷ, nhỏ nhen, chạy theo những lạc thú nhục dục.

Chỉ khác là :

— Khi chơn nhơn chưa thấy Đạo thì khả năng chiến thắng dục vọng của chơn nhơn còn yếu đuối.

— Khi chơn nhơn đã thấy được Đạo thì khả năng đấu tranh được tăng gia mạnh mẽ thập bội, vì một lý do dễ hiểu là :

— Ở trường hợp trước chơn nhơn còn do dự, thiếu tin tưởng.

— Ở trường hợp sau chơn nhơn vững bước trên con đường đấu tranh vì có một niềm tin tưởng vô bờ bến :

Tóm lại, viết bài ấy, ông Trung :

— Không phân biệt luân lý và đạo đức ; chỉ thấy luân lý mà không thấy đạo đức.

— Thổ lộ tâm tình của một chơn nhơn chưa thấy được Đạo.

— Không nhận định đúng mức khả năng và tác động của dục vọng tham sân.

THẾ-QUANG

★ Không nên mưu việc lớn với kẻ đa ngôn ; không nên ở chung lâu với người hiếu động (Văn-Trung-Tử).

Cách trị dân của người quân tử

Địa vị vua chúa ở trên là khuôn pháp của dân chúng. Các hàng quan liêu hành chánh là tiêu biểu cho dân chúng. Những người hầu hạ xung quanh là giường mối cho bọn giúp việc bên ngoài. Cho nên khuôn phép không đứng mực thì dân không còn. Tiêu biểu không thẳng thì dân tất loạn. Người hầu hạ xung quanh mà a dua hèn hạ thì quần thần đều nhơ nhớp tồi tàn. Bởi thế, nhân chủ không thể không kính cẩn trong ba bậc đó...

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT BẢO HIỂM tại Vương quốc Ai lao

PHẠM-DUY-LÂN

Sự phát triển của kỹ nghệ bảo hiểm bao giờ cũng đi song song với sự mở mang kinh tế, thương mại quốc gia. Trước hết, vốn liếng, hàng hóa, sự vụ được đảm bảo an ninh, rồi đến đời sống xã hội, con người cũng được che chở, chống với những rủi ro hàng ngày, như sinh, tử, bệnh, lão v.v...

Nước càng hùng mạnh, mực sống của nhân dân càng cao, thời tiền đóng góp về bảo hiểm càng lớn lao. Tại nước Mỹ, nơi mà lợi tức hàng năm của người dân cao nhất hoàn cầu, tiền bảo phí lên tới cả trăm tỷ bạc, và tiền dự trữ của xí nghiệp bảo hiểm đem sinh lợi lên tới hàng ngàn tỷ bạc. Ảnh hưởng đối với nền tài chánh kinh tế quốc gia rất quan trọng, do đó chánh quyền phải tổ chức kiểm soát nghề nghiệp bảo hiểm. Nói như vậy không phải sự kiểm soát không cần thiết, trong những nước kinh tế còn hậu tiến, kỹ nghệ bảo hiểm chưa phát đạt. Trái lại, khách hàng còn bỡ ngỡ, thời cần phải bảo vệ họ, và luôn thể bảo vệ sự phát triển nghề nghiệp.

Lý do, đã khiến cho Hội Đồng Nội Các Lào thông qua dự án Luật về Bảo hiểm và các xí nghiệp Bảo hiểm, ngày 2-12-1957, có thể tóm tắt như sau :

1) Cần phải bảo vệ người đóng bảo hiểm, vì họ thường thường không hiểu biết, và dễ bị lừa dối bởi những điều khoản lắt léo của khế ước bảo hiểm, khiến cho sự đảm bảo không thực tế, hoặc khiến cho họ bị ràng buộc vào xí nghiệp bảo hiểm trong một thời gian lâu dài quá.

2) Cần phải bảo vệ khách hàng, đối với sự đồng tình áp dụng giá biểu bảo phí quá cao và bất thường. Chánh Phủ phải dành lấy quyền qui định về giá biểu.

3) Cần phải bảo vệ khách hàng đối với sự quản trị bậy bạ các xí nghiệp bảo hiểm. Chánh-Phủ phải bắt buộc các xí nghiệp bảo hiểm tôn trọng những nguyên tắc sơ đẳng về kỹ thuật bảo hiểm nhất là về phương diện dự trữ và tái bảo hiểm. Nếu cần, Chánh-Phủ phải loại ra ngoài,

những kẻ phiêu lưu hoặc dốt nát, chỉ biết lợi trước mắt, mà không chú trọng đến sự vững bền của xí nghiệp bảo hiểm. Dầu không đi vào chi tiết, chúng ta cũng hiểu ngay : một xí nghiệp thương mại, kỹ nghệ, có phá sản, chỉ làm mất vốn liếng của chủ nhân. Ngược lại, một xí nghiệp bảo hiểm bị phá sản, thời có cả trăm ngàn người trở thành nạn nhân.

★

Ba tánh chất căn bản của hệ thống kiểm soát bảo hiểm, đã được Hội Đồng Nội Các Ai-lao chấp thuận là : kiểm soát hành chánh — kiểm soát kỹ thuật và tài chánh — Kiểm soát kinh tế —

Kiểm soát hành chánh:

Các xí nghiệp bảo hiểm Ai-lao hoặc ngoại quốc, trước khi hoạt động trên đất Lào, phải được ông Tổng Trưởng Tài Chánh thừa nhận. Chánh quyền xem xét về sự thành lập hợp pháp của xí nghiệp, về danh sách các nhà tái bảo hiểm — một điểm rất quan trọng, vì kỹ nghệ bảo hiểm có tính cách quốc tế, sự rủi ro phân chia khắp hoàn cầu, nên phải có các nhà tái bảo hiểm đứng đắn để đảm bảo cho vững chắc ; mặt khác, vì sự trao đổi khế ước tái bảo hiểm, có thể khiến cho bí mật về tình hình kinh tế, kỹ nghệ trong một nước, lọt vào những nước đối lập hoặc khối Cộng-sản — về sự đứng đắn của xí nghiệp, qua chương trình tài chánh phác họa, các mẫu khế ước, quảng cáo, giá biểu bảo phí ấn định.

Đối với các xí nghiệp ngoại quốc, sự thừa nhận còn có thêm tính cách chính trị. Bộ Tài Chính có toàn quyền quyết định, hoặc chấp thuận, hoặc từ chối, vì lý do quốc phòng, hoặc để bảo vệ nền kinh tế quốc gia.

Sự thừa nhận chỉ được chấp thuận cho một hoặc nhiều ngành bảo hiểm ấn định rõ ràng. Rất có thể, chánh quyền buộc phải ký quỹ bảo chứng. Bất cứ lúc nào ông Tổng Trưởng Tài Chánh cũng có quyền đình chỉ, sửa đổi hoặc thâu hồi sự thừa nhận, sau khi hỏi ý kiến Hội Đồng Quốc Gia Bảo hiểm.

Kiểm soát kỹ thuật và tài chánh

Mục đích để kiểm tra hoạt động đứng đắn, hợp pháp của xí nghiệp, khả năng thực hiện các cam kết đối với khách hàng.

Thực hiện nhiệm vụ này, Bộ Tài Chánh phải có một đoàn Thanh tra, liên lạc mật thiết và kiểm soát tại chỗ, các xí nghiệp bảo hiểm.

Kế toán bảo hiểm được thống nhất về hình thức, cho dễ xem xét, so sánh các kết quả tài chánh và kỹ thuật. Ngoài trương mục lời lỗ, tá thại đối chiếu biểu, xí nghiệp còn phải gửi lên Bộ Tài Chánh các bảng kê khai, giấy tờ bầy tỏ tình hình tài chánh, tình trạng hoạt động, việc thâu bảo phí và bồi thường tai nạn rủi ro, việc tính toán và xử dụng khối dự trữ.

Muốn tránh khỏi sự biển thủ tiền bạc, giá khoán của khách hàng đóng góp cho xí nghiệp, Bộ Tài Chánh cũng phải kiểm soát cả việc đầu tư các khối dự trữ, nghĩa là kiểm soát chuyển mại các giá khoán đứng tên hãng bảo hiểm, kiểm soát các trương mục ngân hàng và bất động sản của xí nghiệp.

Ngoài ra, thị trường bảo hiểm Ai-Lao nhỏ hẹp, tổng số bảo phí không nhiều, nên Chánh Phủ bó buộc phải tái bảo hiểm theo một phân xuất ấn định, ngõ hầu đảm bảo sự bồi thường tai nạn rủi ro, trong mọi trường hợp bất trắc.

Kiểm soát kinh tế

Mục đính tổ chức hợp lý và hướng dẫn kỹ nghệ bảo hiểm. Sự kiểm soát giao cho ba cơ quan : Bộ Tài Chánh, Hội Đồng Quốc Gia Bảo Hiểm và Quỹ Tái Bảo Hiểm Quốc Gia.

Bộ Tài Chánh kiểm soát kinh tế, nhờ sự ấn định giá biểu bảo phí tối thiểu và tối đa.

Nếu các xí nghiệp bảo hiểm, đồng tình ấn định giá biểu quá cao, thời kỹ nghệ bảo hiểm không phát triển nổi, và không làm tròn nhiệm vụ thỏa mãn nhu cầu an ninh của nhân dân, nhờ sự phân phối rủi ro sâu rộng vào khắp các từng lớp xã hội. Nếu các xí nghiệp cạnh tranh hạ giá biểu xuống quá thấp, tất nhiên bảo phí không đủ để bồi thường các sự rủi ro, không những một vài xí nghiệp phá sản, mà toàn thể các người đóng góp bảo hiểm đều chịu ảnh hưởng xấu luôn, bởi lẽ, ngày nay các công ty bảo hiểm chỉ giữ một địa vị trung gian, để quân phân tiền bồi thường rủi ro giữa khách hàng, hợp thành một cộng đồng các người đóng bảo phí.

Vậy ấn định một mức tối thiểu và một mức tối đa cho giá biểu bảo phí, là hạn chế sự cạnh tranh và tổ chức nghề nghiệp cho lành mạnh.

Hội Đồng Quốc Gia Bảo Hiểm, với tính cách tư vấn, có 7 nhân viên, gồm ba đại diện Chánh Phủ, hai đại diện nghề nghiệp và hai đại diện cho người đóng bảo hiểm Hội Đồng có thể đề nghị với ông Tổng Trưởng Tài Chánh :

1.— Các qui tắc kỹ thuật và tài chánh, buộc các xí nghiệp bảo hiểm phải tuân theo.

2) Điều kiện tổng quát về khế ước, giá biểu mức tối đa bảo hiểm, phân xuất tái bảo hiểm bó buộc và các quỹ dự trữ bó buộc.

3) Các biện pháp đề hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

4) Quy chế mẫu của các xí nghiệp bảo hiểm.

Quỹ Tái-bảo-hiểm Quốc-gia là một sở công lập, hoạt động thương mại, tự trị tài chánh, dưới quyền điều khiển của ông Tổng Trưởng Tài Chánh. Các xí nghiệp tư, phải nhượng lại một phần rủi ro cho Quỹ Quốc Gia. Do đó, Quỹ Tái-bảo-hiểm Quốc-Gia biết rõ sự hoạt động của mỗi xí nghiệp, và sự hoạt động chung của thị trường bảo hiểm, có thể làm thống kê và chỉ huy được cả kỹ nghệ bảo hiểm.

★

Trên đây, chỉ là nét phác họa, hệ thống kiểm soát bảo hiểm, đã được Hội Đồng Nội Các Ai-lao duyệt qua. Tuy nhiên, qua đó, chúng ta cũng đã thấy rõ, chính sách kiểm soát bảo hiểm sẽ được thực hiện tại Vương-Quốc Ai-lao. Khái niệm về tổ chức, không có điểm nào mới mẻ, riêng biệt cho Ai-lao, nhưng rất thích hợp với trình độ quần chúng, và tình trạng nghề nghiệp bảo hiểm trong nước. Riêng vậy, cũng đáng để cho ta suy nghĩ, rút kinh nghiệm khi tổ chức sự kiểm soát bảo hiểm tại Việt-Nam. Nhiều

nhân vật, hướng về khối Anglo-Saxon, thường ao ước nghề nghiệp bảo hiểm ở Việt-Nam rập theo khuôn khổ tổ chức Lloyd's ở Luân-đôn — Chánh-Phủ, không cần phải kiểm soát, người đóng bảo hiểm cũng không cần tranh tụng, chính các xí nghiệp bảo hiểm tự tôn trọng kỷ luật, và Hiệp-hội Kế-toán viên có tuyên thệ, coi sóc kín đáo nghề nghiệp (Chartered accountants).

Không ai chối cãi được, tình trạng nghề nghiệp bảo hiểm bên nước Anh thật tốt đẹp, noi theo được là điều đáng thực hiện. Nhưng, đáng theo gương hơn nữa, là tư cách đứng đắn, kỷ luật tự giác, đầu óc xã hội của người công dân Anh. Ai đã đi qua Luân-Đôn, nhìn hàng giấy người xếp hàng bình tĩnh trước các trạm xe - bus, các hí viện, rạp chớp bóng, cũng phải thán phục tính phục tùng luật lệ của họ. Mặc dầu, không ai kiểm soát, tư nhân và xí nghiệp cũng coi là một điểm danh dự, phải tôn trọng điều giao ước, tôn trọng Pháp Luật.

Thiếu điều kiện đó, một chế độ tuyệt mỹ của Anh quốc đem sang Việt-Nam, chỉ là làm một bản sao (copie - conforme). không có lợi ích cho ai, và cũng không thể thực hiện được.

Phải căn cứ vào thực trạng kinh tế, xã hội nước Việt-Nam, trình độ thấp kém của nền thương mại kỹ nghệ, dân trí còn đen tối sau cuộc thống trị của phong kiến thực dân. Trong giai đoạn hiện tại, một hệ thống kiểm soát bảo hiểm đứng đắn, phải giao nhiệm vụ trọng yếu cho Chánh Phủ. Nhờ sự cộng tác thành thật và đứng đắn, của các xí nghiệp bảo hiểm tư, Chánh Phủ có thể tổ chức lại nghề nghiệp, loại ra ngoài những phần tử đầu cơ xấu sa, phát triển mạnh mẽ các khu vực bảo hiểm, và thỏa mãn nhu cầu an ninh của toàn thể nhân dân. Trong những năm sắp tới, sự bành trướng kỹ nghệ bảo hiểm sẽ là một biến cố quan trọng của lịch sử kinh tế nước nhà. Nhưng, ngay từ bây giờ, chúng tôi thiết tưởng các giới hữu quyền cũng nên rút kinh nghiệm của Vương Quốc Ai-Lao, mà nhận định tình hình, xác nhận vị trí trước vấn đề nên để Chánh-Quyền lãnh đạo điều khiển nghề nghiệp bảo hiểm hay giao cho tư nhân tự do tổ chức.

PHẠM-DUY-LÂN

★ Muốn bình tĩnh, phải rán tập cho có thói quen không bi kịch hóa sự việc, như Foch thường nói: việc dung dị chớ nên coi là bi thảm, việc bi thảm chớ nên coi là dung dị.

★ Tâm không bình, khí không hòa, thì hay lầm lỗi (Hứa Hành).

★ Muốn xứng đáng chỉ huy người thì trước hết phải có năng lực chỉ huy mình. Không biết tự chủ thì chẳng bao giờ làm chủ được sự việc và càng không bao giờ làm chủ được tình thế.

★ Người bình tĩnh thường là người có ý chí mạnh, biết rõ điều mình muốn và không để ai lung lạc được.

(Ảnh đền Hùng-Vương — Tỉnh Phú-thọ)

18 VỊ VUA DỰNG NƯỚC TA

LÀ

LẠC-VƯƠNG

HAY

HÙNG-VƯƠNG ?

PHẠM-HOÀN-MĨ

(Bài tiếp)

Nhưng mà ông Henri Maspéro đã căn cứ những sách nước nào và đã cho chữ *Lạc* nào là đúng (vì không phải chỉ có một chữ Lạc).

« Chỗ sách ông Maspéro căn cứ để khảo cứu có năm quyển sách, hai quyển sách ta, ba quyển Tầu ; hai quyển ta chép là Hùng-vương, rồi một quyển Tầu cũng chép là Hùng-vương, kế đến hai quyển Tầu, một quyển chép là Lạc-vương bằng chữ Lạc 雒, quyển kia chép Lạc-hầu, Lạc-tướng bằng chữ Lạc 駱, mà ông dám vội đoán ngay là Lạc-vương. Ông lại không nói đúng vào chữ Lạc nào (雒 hay 駱). Sự nhận xét của ông khiếm khuyết ngay từ đó.»

Và cũng ngay từ đây, nhà Hán-học thuần túy của chúng ta, tác giả « Phồ-Chiêu thiền sư thi văn tập » trở nên hăng hái như một... tráng sĩ Tiêu-sơn-tự.

« Tôi xét ra ông chưa biết chữ Lạc nào là đúng vào nòi giống Lạc, Hồng của ta thì còn khảo cứu sao được. Ông nói « chữ *Lạc* nhầm thành chữ *Hùng* » là chữ *Lạc* một bên *các* 各 một bên *chuy* 隹, nhưng chữ *Lạc* này là tên một con sông, chứ có phải là tên nước Việt ta đâu. Nếu ông nói chữ *Lạc* 雒 ấy với chữ Hùng 雄 giống nhau, dễ viết nhầm thì chỉ có chữ *Hùng* nhầm thành chữ Lạc ấy thì có, chứ bảo chữ *Lạc* 駱 này nhầm với chữ *Hùng* sao được ? Vì chữ *Hùng* đã có chép rõ ràng trong bao nhiêu quyển sách ta với Tầu kia mà ».

Rồi tác giả giở sách, sử ra, Tàu mà xét.

« Tôi xét ra, trong *Châu lễ hạ quan chức phương chí* có chép rằng : « Tứ di bát man, thất mân bát lạc » (四, 夷, 八, 蠻, 七, 閩, 八, 貉) Chữ *Lạc* này một bên *xại* 豸 một bên *các* 各. Sách *Mạnh tử* có nói : « Tử chi đạo lạc đạo dã » (子, 之, 道, 貉, 道, 也), có câu chú rằng : « Lạc ở về hoang phục » (荒, 服) đánh thuế 20 phần lấy 1. » Chữ Lạc này cũng giống với chữ *Lạc* trên là một bên *xại* 豸 một bên *các* 各. Sách *Hán thư* của Ban-Cố đời Hậu-Hán về thế kỉ thứ III sau kỉ nguyên có chép rằng : « Người nước Lạc-Việt, cha con tắm chung một sông » (駱, 越, 之, 人, 父, 子, 同, 川, 而, 浴 (1), chữ *Lạc* này một bên mã 馬 một bên *các* 各.

« Khảo theo *Khang-Hi tự điển*, hai chữ *Lạc* này : 貉, 駱, thông dùng đều là chỉ nòi giống của ta. Thế thời từ đời Chu, đời Chiến quốc cho đến đời Hậu - Hán, đều nói đến hai chữ *Lạc* 貉, 駱 là nước ta. Thế mà ông Maspéro không biết, và ông lại tin nhầm vào chữ *Lạc* một bên các 各 một bên *chuy* 隹 là chữ *Lạc* của người Tàu viết nhầm chữ *Hùng* ra chữ *Lạc* ! »

Đến đây, dường như dằn lòng không được, ông Sở-Cuồng hạ một câu :

« Ấy, khảo cứu như thế thì gọi là khảo cứu sao được. »

Xét sách Tàu xong, ông qua sách Việt, và đưa ngay định luật dưới đây :

« Một việc phát sinh ở nơi nào, cần phải căn cứ theo sách vở của nơi ấy chép ra. »

Liền đó, ông kết luận :

« Tên Hùng-vương là tên vua của nước ta, vậy phải khảo cứu theo sách của nước ta mới được ».

Và bằng chứng ông đưa ra, không thiếu:

« Truyện ký của ta từ xưa ghi chép cũng nhiều, đều là các tài liệu để làm ra chính sử, sau tuy bị người Minh sang thu lấy đi hết, nhưng hiện nay vẫn còn biết được có những sách sau này : như *Việt sử lược*, *Đỗ-Thiện sử ký*, *Báo cực truyện*, *Cổ pháp ký*, *Đăng bính đã sử*, *Thiên nam vân ngoại lục*, *Việt điện u linh*, *Lĩnh-nam trích quái*, *vân vân*...

Những sách còn lại mà nay chúng ta có thể xem được là bộ *Việt sử lược*, thu vào trong bộ *Tứ khố toàn thư* của Tàu, ở nước ta không có nguyên bản ấy. Sách ấy với *Thiên nam vân ngoại lục*, *Việt điện u linh*, *Lĩnh-nam trích quái*, hiện còn lưu hành trong xứ ta, có chép việc đời Hùng rõ ràng lắm. Nhất là bộ *Lĩnh-nam trích quái*. Sách này chép việc đời Hùng trong truyện *Hồng-Bàng*, có nói : (...) « Thời tôn người hùng trưởng làm vua hiệu là Hùng-vương, đặt tên nước là nước Văn-lang, chia ra 15 bộ và đặt tướng văn gọi là lạc-hầu, tướng võ gọi là lạc-tướng, vương-tử gọi là quan - lang - vương, nữ gọi là mị-nương... » (thế là lạc-hầu, lạc-tướng cũng do vua Hùng-vương đặt ra mới có, không ai có thể viện cái chữ *Lạc* đó mà nói các quan là *lạc* thì vua cũng là *lạc* vậy), mà trong lắm truyện khác như truyện *Nhất dạ trạch*, *Việt - Tỉnh*, *Chử-Đồng-Tử*, *Đồng-Thiên - vương*, *Tây-*

(1) Lạc-Việt chi nhơn, phụ tử đồng xuyên nhi dục.

qua, *Bạch kê tinh*, *Lí-Ông-Trọng*, *Kim-Qui* cũng đều có chép đến truyện Hùng-vương mà không chỗ nào chép chữ *Hùng* thành ra chữ *Lạc* cả. »

Ông Henri Maspéro lại có một câu nhận xét thiếu dè dặt, khiến ông *Sở-Cuồng* Lê-Dư bất bình và đưa thêm lí lẽ :

« Ông Maspéro lại nói trong bài khảo cứu của ông « những sử ta (2) toàn chép theo sử Tàu », thế thì những sự tích đời Hùng chép rõ trong sách vở ta, ông có thể tìm thấy ở trong một quyển sách nào do người Tàu chép không ? Tuyệt nhiên không. Tôi quả quyết là không, vì những sách Tàu nói về việc nước Nam, tôi đã tra cứu kĩ, có lẽ không sót mấy quyển. Ông Maspéro đã vu cáo một sự nhục nhã cho các sử gia của ta ngày xưa.

« Tôi nói : Danh từ gì của một *dân tộc nào đặt ra phải dân tộc ấy nói ra mới đúng*, là vì tục ngữ có câu : « danh tùng kì chủ », nghĩa là : người chủ đặt ra tên gì thì người khác phải theo tên ấy mà gọi. Hiệu vua ta là *Hùng*, từ xưa đến giờ còn truyền lại những tên ở các nơi cồ như *núi Hùng*, *đền Hùng*, *lăng Hùng*, không ai nói khác đi được. Chính là :

« *Trăm năm bia đá thì mòn,*
Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ ».

« Tài nào mà ai đổi cái danh ấy đi được. Sách nào mà xóa cái tên ấy đi được. Huống chi các đời Hùng-vương có những hiệu là Hùng-Hiền-vương, Hùng-Chiêu-vương, Hùng-Oai-vương, Hùng-Nghị-vương, đều có ý nghĩa liên lạc với chữ Hùng cả. Ông Maspéro nói sử ta chép theo sử Tàu nên nhầm ; nhưng tôi chỉ thấy Tàu chép theo ta mà nhầm theo. Đại loại như sách Tàu chép cổ tích thành Cổ-loa mà chép rằng : « Việt-Vương-thành tại Nghệ-an-phủ, Đông-ngạn huyện, hựu danh Loa-thành, dĩ kì khuất khúc như loa. Hán thời An-Dương-vương sở trúc ». Trong một đoạn này có ba chỗ nhầm : Cổ-loa không phải gọi là Việt-vương-thành ; Cổ-loa không phải làm tại Nghệ-an-phủ ; An-Dương-vương đắp thành ấy không phải ở đời Hán. Sách Tàu chép việc nước ta như vậy thì còn gì là đúng được.

« Còn như đoạn chép về việc Hùng-vương ở trong *Giao-châu ngoại vực kí*, đều chép nhầm chữ *Hùng* 雄 ra chữ Lạc 雒 cả. Rồi những sách chép về sau : quyển *Thiên hạ nhất thống chí*, *Việt kiều* của Lý-Văn-Phượng, *Annam chí lược* của Lê-Tắc cũng đều phụ họa. Ông Lê-Tắc này thần phục người Nguyên, sang ở bên Tàu làm quyển sách này tại Hán-khẩu, không có sách gì để kê cứu nên cũng chép theo như vậy. *An-nam chí* của Cao-Hùng-Trưng (quyển sách này gọi là *An-nam chí nguyện* là nhầm, *Cổ-kim đồ thư tập thành*, *Đại-Thanh nhất thống chí* đều chép sai theo chữ Lạc ấy. Nào có đúng gì đến sự tích ta. Xem thế đủ biết sự ghi chép một người nước nọ chép về nước kia có khác chi câu tục ngữ nói : « Bứt râu ông nọ cắm cằm bà kia ». Nào có giá trị gì ».

Nhưng người nước nào chép việc nước ấy có phải bao giờ cũng có giá trị tuyệt đối không ? Chúng ta hãy nghe ông Lê-Dư :

(2) Có lẽ hai chữ *An-nam* ở vào chỗ chữ *ta* mới đúng y nguyên văn của tác giả, vốn người Pháp. Hoặc giả ông Sở-Cuồng thuật lại lời người mà lại quên, còn thêm hai ngoặc kép chăng ?

« Việc của nước nào, phải người nước ấy khảo ra mới đúng. Việt-sử ta do các nhà sử học ta biên chép. Trần thì có Lê-Văn-Hưu, Hồ-Tôn-Thốc ; Lê thời có Phan-Phù-Tiên, Ngô-Sĩ-Liên, Lê-Tung, Lê-Hi, Phạm-Công-Trứ, Vũ-Quỳnh, Ngô-Thời-Sĩ, đều là các nhà học giả trứ danh đỗ đại khoa, làm quan ở sử quán lâu năm. Đã tham khảo biết bao nhiêu chính sử, dã sử, truyện kí của tư gia và sử sách của ngoại quốc, hạp với chỗ kiến văn lúc bình nhật của mình mới khởi bút ra mà soạn bộ quốc sử ; khởi hữu mới chép ra vài tên ông vua đầu tiên của quốc sử mà đã sai chữ này ra chữ kia hay sao ? »

Tới đây là hết công việc biện bác hai chữ **Lạc, Hùng**. Song tác giả bài khảo luận « *Hùng-vương là Hùng-vương* » còn đưa ra một điều phàn nàn và một lời kêu gọi.

Điều phàn nàn đó, là :

« Giáo sư Maspéro nhầm cũng như người Tàu đã nhầm về ta. Như vậy không có gì là lạ vì ông là một người có một nền văn hóa khác hẳn với ta. Tôi chỉ phàn nàn cho sự man tùng của người mình thôi. »

Còn lời kêu gọi mà cũng là đoạn kết thúc bài, là :

« *Về điều sai nhầm trên này, chúng ta nên nói lớn cho mọi người đều biết* : **Quốc tổ Hùng-vương ta là Hùng vương, chứ không khi nào là Lạc-vương. Trong quốc sử ta chép Hùng-vương là đúng Hùng-vương** » (3)

Người thứ ba : Vũ-Ngọc-Phan

Người ta đợi ông *Ứng-Hòe* Nguyễn-Văn-Tố trả lời. Người ta chờ. Và có lẽ người ta chờ chẳng biết tới bao giờ..., nếu không có người thứ ba xen vào. Mà người này vốn chẳng phải ai xa lạ : ông Vũ-Ngọc-Phan, một nhà văn và một nhà báo chứng chạc, rể ông *Sở-Cuồng* Lê-Dư, nhưng không ở trong đại gia đình Bác-cổ Viễn-đông như hai ông Dư, Tố.

Trong cuốn II bộ « Nhà văn hiện đại », xuất bản năm 1943, ông Vũ-Ngọc-Phan có nhắc lại cuộc tranh luận giữa hai ông Lê, Nguyễn về « Lạc-vương hay Hùng-vương », (đoạn phê bình Nguyễn-Văn-Tố) và cho rằng « những đoạn chép về việc Hùng-vương trong « Giao-châu ngoại vực kí » thì đều chép lầm chữ *Hùng* ra chữ *Lạc* cả. Rồi những sách chép sau sách ấy (...) đều phạm vào điều lầm trên này » ; ông kết luận :

« *Đó là cái lầm của người ngoại quốc.* **Vậy, Hùng-vương là Hùng-vương,** *chứ không thể nào gọi là Lạc-vương, như lời đính chính của Nguyễn-Văn-Tố được.* (3) »

(còn tiếp)

PHẠM-HOÀN-MĨ

(3) Chúng tôi cho in xiên và in đậm.

☆ Nên tránh những lời nói vô ích và nên kín đáo. Richelieu nói : « Kín đáo là linh hồn của công việc, nên nghe nhiều, nói ít để hành động được kết quả. »

Thú chơi sách

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

(Xin xem từ B.K. số 49)

TRONG cái mê sách có ẩn cái si tình, không khéo đi thêm vào một bước sâu nữa sẽ hóa ra người « lậm sách », — bao nhiêu tiền đem cả đi mua, trông cho sách xuất bản là có rồi, mua cố cho kỳ được, rồi mướn thợ đóng bìa cho rõ khéo, đoạn đem về cất vào tủ, thậm chí không dám mở ra mà đọc, hạng nầy mới thiệt là cổ quái trong nghề chơi sách, và rất khác với hạng « *vô tình* » cùng sách là hạng kê sách cho thật cao *làm gối* để đánh một giấc cho thật ngon lành, và hạng « *bạc tình* » với sách là may mắn được ông cha lưu truyền sách hay và sách quí lại mà không biết dùng, không trân trọng yêu vì, nếu đã không theo câu phương ngôn « *cha làm thầy, con bán sách* », thì lại dành lòng nhắm mắt xé liều những khi gấp rút « chột bụng », hay thảm hơn nữa là để con trẻ rút rỉa từng tờ, từng trang làm tàu thả trôi sông hoặc phất con diều giấy !

Ác tệ nhứt là hạng người « *phụ bạc thất phu* », đành cho má bù trẻ xếp cho thật dày, dậy cho thật kín những chình tương ghè mắm ! !

Mấy năm khan giấy hút thuốc vấn, (lối 1943-1946), biết bao nhiêu sách cổ bản, mộc bản, thạch bản, làm mồi phì phà theo mây khói, và sách nôm sách Hán xưa rất quí giá, xổ ra để phất hình ông Tiêu Diện tháng bảy, hoặc làm đồ mã (minh khí) đốt thành tro (1).

(1) Xin xem phần chú giải ở đoạn cuối bài này.

Chính tôi, trong lúc tản cư triệt để năm 1946, — cũng nhờ có duyên phần với nghệ thuật chơi sách, nên trong buổi bôn ba hơ hải làm vậy mà tôi cũng cứu được một bộ sách quí, tại một làng có một cái tên tiền định là làng « Chắc-Đốt » (2).

Làng Chắc-Đốt nầy, đến sau, lối cuối năm, 1946 — người Việt và người Miên do người ngoại quốc đốc lói, nên thù khích nhau dữ dội, rồi đốt nhà nhau, đốt qua đốt lại thế nào đến không còn một nhà nào đứng vững. Một bữa trưa, tháng Hai năm 1946, tôi và gia quyến, để tránh nạn « đàng thổ dậy », đưa nhau đến xin tá túc dưới mái ngói một giáo đường mà ông Cố già trên tám mươi tuổi được đôi bên Miên-Việt kính vì và đồng lòng chừa khu vực giáo đường không đốt phá. Trưa bữa ấy, tôi đang ngồi ngó ra mé sông, xảy thấy một người Miên già đang gánh hai giỏ tre lớn đựng đầy sách vở chữ Hán. Khi đi ngang chỗ tôi ngồi, may thời tôi đọc được hai chữ : « ..... Thi Tập » trên một nhan sách gồm bốn chữ Hán. Tôi cố nài mua được bộ sách ấy, sau rõ lại là bộ *« Vĩ dã thi tập »* của Tuy-Lý-Vương (3), không biết do nhà chơi sách ở đâu mà lạc loài trong chỗ thâm sơn cùng cốc nầy ? Tôi muốn rõ để được cái vui huờn vật kia cho nguyên chủ, nhưng đến nay vẫn tìm không ra manh mối. Tôi cũng tiếc tại sao lúc ấy tôi không bỏ ra mươi, mươi lăm đồng bạc để mua luôn hai gánh của người Miên kia...

(3) Hiện còn giữ kỹ trong tủ sách họ Vương ở Gia-Định để chờ chủ cũ đến nhìn. V.H.S.

Trong hai giỏ tre to tướng, không khéo còn nhiều tài liệu quí hóa nay đã biến thành tro theo khói thuốc hút do sự dốt nát của một gã ngu phu ! Nhưng tiếc thì tiếc vậy, chớ lúc ấy làm sao cứu được những vật bề bộn kia, khi thân mình trong lúc bôn đào như vậy, không nặng giá chi hơn tờ giấy !

— Đến như hỏi : « Nền chơi sách và sưu tầm sách từ buổi nào ? » thì xin đáp : « Hãy tùy cơn mà mua sắm. » Có anh mua mỗi ngày một cuốn sách vẫn cho con đi học, mới nghe ra tưởng đâu con va học sáng lắm, « cỡ học một biết mười », nhưng kỳ thật cu cậu thuộc vào « hạng mới », mỗi ngày học rồi buổi nào thì vứt bỏ tập vở buổi ấy không buồn đem về nhà và khỏi nhọc tay ôm, báo hại ông cha nai lưng kệch mua cả lố sách vẫn mà còn sợ chưa đủ cho con dùng, — và thử toán một đứa con quái gở như vậy, may ra học thành tài, ắt phải sắm cho nó mấy bồ mấy xe sách vẫn và sách tập đọc !!!

— Nhưng nhà chơi sách phải cho bền chí và đủ kiên nhẫn, cần nhứt là đừng ngã lòng, nếu có nhiều tiền mua một lượt đến hai ba thùng sách, kỳ tàu nào bên Pháp hoặc từ ngoại quốc đến đều có mua sắm thì ra người giờn bạc, đâu có quí hóa bằng gã nọ dành dụm từ tháng một, khi ít khi nhiều, có lúc đến nhịn cả ăn mặc để mua lần hồi từ cuốn nhỏ. Sự thật là ta hãy giữ một thể thức riêng, chớ có bôn chôn mua hốt mớ như chị bếp mua tôm mua cá ngoài chợ đông, mà phải kỹ càng từ hạng giấy đến cái bìa ngoài, làm thế nào cho phân biệt được người thanh

(2) Xin xem chú thích đoạn cuối bài

với kẻ trọc, cho món ăn tinh thần được xứng với tâm chí của mình, cho tủ sách được một đặc sắc riêng, khi ấy mới đáng gọi rành nghề chơi sách. Một điều nên chú ý là sách mua về phải lật ngay khi ấy xem xét có đủ trang đủ tập hay chăng, hoặc có rách có lem bên trong đặng xin đổi thay cuốn khác liền khi ấy. Không gì buồn lòng bằng lâu ngày lấy sách ra thấy có một số trương dư xấp đôi, một số trương khác thì thiếu mất, ấm ức mà phải chịu vì muốn đổi cũng khó nói bởi quá muộn rồi. Luôn luôn trong tủ sách đừng cho loài truyện nhảm đứng kề những cảo thơm, và tránh đừng để những ngụy-thuyết dâm-thơ đứng đồng hàng với loại văn chương cổ nhã. Trái lại, những loại bốn xu một hào mỗi quyển, chẳng nên vì giá tiền ít oi mà coi rẻ nó, như tôi biết bộ thơ Hồ Xuân-Hương do Xuân-Lan xuất bản năm xưa, chỉ ba xu bốn xu mỗi tập, như bộ Tam Quốc của Phan-Kế-Bính dịch thuật, chỉ có 5 đồng bạc trọn bộ năm quyển dày, như bộ Việt-lam xuân-thu (4) hoặc như bộ *Chuyện đời xưa* Trương-Vĩnh-Ký, và nhiều bộ con con khác nữa, nếu tính gộp lại giá cũ không hơn hai chục bạc, thế mà cũng nhờ có nó mà một vị giáo sư Đại-học đã mấy phen lặn lội, bồn thân xách ô xách dù đến tận nhà chủ nó trong Bà-Chiểu để hỏi mượn. Giá thử những cuốn nho nhỏ kia đào kiếm chỗ khác được thì tội gì « tam cố mao-lư » ?

Rồi từ sự lựa chọn chung đến sự chuyên môn, còn một hạn chơi sách khác nữa là hạng « kén ăn », già lừa già lọc, không phải bất cứ sách nào hay cũng đều mua, mà còn buộc sách phải vào hạng mình ưa thích : sử ký, tiểu thuyết (tình, trinh thám, du ký, ...), sách khảo về bác vật học, triết lý, văn chương đại đồng hay sách khảo về nghề chụp ảnh, nghề trồng lan, nghề giảo nghiệm đồ cổ đồ sứ, v.v...

Suy ra một mỹ nhân kiều diễm, không phải vì nhờ lớp phấn sáp bề ngoài ; một bức tranh đẹp là đẹp lấy nó, chớ không vì khung kính sáng ngời hay cái vành sơn son mạ vàng lộng lẫy ; cuốn sách hay cũng thế : Kiều bản giấy dó đặc biệt với Kiều bản thường cũng vẫn là Kiều, cũng vẫn là tác phẩm của Nguyễn-Du, có khác nữa chăng là khác chỗ nhà xuất bản và nhà chú thích. Tuy vậy, theo lệ thông thường, bản in kỳ nhứt với bản những kỳ sau vẫn có chỗ không giống nhau, và làm gì bản in kỳ đầu, đối với nhà chơi sách, cũng quí trọng hơn bản in kỳ tam kỳ tứ ; một lẽ dễ hiểu là vì chính bản đầu được người ta chú ý nhứt : nhà viết văn cũng chưa biết sách mình tạo ra sẽ bán chạy hay không, và vì vậy đã xiết bao quên ăn bỏ ngủ với vấn đề hoặc nhờ đứa con tinh thần mà sau nầy sẽ được ghi tên tuổi vào làng văn, hoặc bao nhiêu mồ hôi công khó « rặn » ra cuốn sách sẽ nặng nhẹ tùy đồng cân của người gánh giỏ đi mua giấy vụn ! !

Đến như sách đã bán chạy rồi nay đem ra tục bản thì đó là bản chép lại hay in lại hệt bản cũ, cũng nên gọi « màu hồ đã mất đi rồi », đâu có quí bằng cuốn sách mới in, có thể ví như nàng trinh nữ.

Riêng về xứ ta, thêm nạn tái bản sách bán hết, mặc dầu bản cũ có vài chỗ sai lầm, kỳ tục bản vẫn để y không chịu sửa chữa ; những câu dịch sai nghĩa, những tài liệu nghiên cứu chưa thấu đáo cũng

(4) Xin xem phần chú giải ở đoạn cuối bài.

vấn đề vậy không đính chính. Có ý xem hễ tài liệu sai (sử-ký hoặc văn chương) vẫn thường được nhiều người ghi nhớ, sau nầy khó lòng gội rửa cho ra, — nhứt là giới học sanh óc trí còn non. Những điềm sai lạc lợi hại như thế mà vẫn sao y vào bản mới, thì thật là một sự đáng tiếc, một phần do nhà xuất bản không thận trọng nghề nghiệp, ham lời nhiều không khứng tốn tiền cải chính, phần lớn lỗi tại tác giả quá tự phụ, không chịu nghe lời chỉ trích hữu lý hoặc nghe ai đá động tới tác phẩm của mình.

★

Khi các bạn mua được cuốn sách quí, giấy tốt bìa đẹp, thì tôi khuyên, nếu có thể, nên xin chữ ký của tác giả, gọi « thêm duyên ».

Cũng bởi có người ham chơi chữ ký của nhà văn, nên mới có nạn xin chữ ký, người xin đèo bòng « lấy » cho được chữ ký không kể vào thời buổi nào, thậm chí có một văn sĩ đau nằm trên giường dọn mình chờ chết, thế mà cũng có người chạy tới giả danh ân cần thăm bịnh nhơn, kỳ thật là để đoạt chữ ký cuối cùng, một việc làm đã vô tâm mà hết sức ích kỷ.

Tôi còn biết một hạng người không kém kỳ quái, ấy là nhà xuất bản sách xin ký tên chung lại với tác giả trong một cuốn sách đắt tiền ; không khác những người thích chụp hình chung bất cứ với ai không màng xa lạ, đúng hơn là « hạng chầu rìa ».

Nếu ta có thể sánh tác giả với chim công chim phụng, thì nhà kia quả là con gà chạ phá đám ; nếu tác giả là mỹ nữ huê khôi thì nhà kia là chị bắt mối hay con mụ rao hàng ! Cũng may! hạng nầy rất ít, tôi chỉ gặp có một phen trên bồn « Lều chõng » năm xưa. Tôi nói ra đây là vì muốn được đầy đủ, không dám quơ đũa cả nắm, chạm lòng tự ái của những người có lương tâm nhà nghề.

(còn một kỳ chót)

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

★

CHÚ THÍCH

(1) Xưa người Tàu có tục chôn sống người, vật và của quí theo xác chết. Đến đời Đường, vua Thái-Tôn thấy phong tục ấy gây ra nhiều nỗi thương tâm cho người còn sống sót, nên đã truyền lịnh cấm, không chôn sanh vật theo hồn ma nữa, và từ đó mới có tục đốt đồ vàng đồ mã thế cho người và vật sống. Nay thỉnh thoảng nhà khảo cổ còn đào được trong mã mộ xưa những vật bằng đất nung : hình nhơn, súc vật, v. v., gọi đồ « minh-khí » (ming-ki) Đã có đồ minh-khí bằng đất nung từ Hán, Đường...

(3) Ấy là làng Gia-Hòa, tỉnh Sốc-trăng, tục danh làng « Lá-Banh », giáp ranh với tỉnh Bạc-liêu, cũng gọi làng « Chắc-Đốt ». Chắc-Đốt do hai tiếng Cao-Miên Việt hóa nên. Nguyên làng nầy ở trên một con sông gần rừng sát và gần biển, cá tôm nhiều cho đến đỗi khi xưa, nghe nói lại, bất cứ người nào chịu khó xuống sông đem dây lạt theo, thì cứ : một tay bắt cá (mò-chack), một tay xỏ cá vô dây (mò-dott). (Chack, tiếng Miên nghĩa là

đảm, lụi ; đott là xỏ). Chính mắt tôi thấy trong những ngày tản cư tại vùng nầy, tháng hai dương lịch 1946, cá tôm rẻ mạt khỏi nói, và kẹo lên đặc sông không ai thèm vớt... Tính coi một con vịt trống, một con gà mái đẻ, giá không hơn một đồng hai bạc (1đ20). Một sáng nọ, tôi ra chợ làng, mua sáu hào (0đ60) được một trăm hột vịt tươi, mừng thầm mua được của rẻ té ra khi mang xuống thuyền, những bạn đồng hành đều cười tôi hớ hẩng, vì lúc ấy, nhơn tâm xao xuyến, vịt bầy đẻ ngoài ruộng, trứng không ai thèm lượm, muốn ăn thì ra đó mặc sức hốt, tội gì ra chợ mua cho tốn tiền !

Còn nói về cá tôm sông nầy nhiều, thì chính mắt tôi thấy rõ ràng như vậy. Một bữa trưa, tôi ngồi trong khoang thuyền, bỗ mắt trông ra bốn phương, — vì thân đi tản cư, ngày giờ nào biết làm gì hơn là ngồi dòm trời dòm đất, bữa trưa ấy, tôi ngó ra sông thấy bãi cạn, có một bầy trẻ nhỏ đang giỡn chơi, đứa thì tắm, lặn hụp dưới nước, đứa thì bắt cá...

Chúng nó bắt cá dễ ợt ! Ban đầu, chúng lấy tay khoét một lỗ lõm sâu sâu trẹt trẹt tựa như lòng chảo. Đoạn chúng bẻ nhánh dừa nước che làm tàn cho rợp bóng trên lỗ trũng ấy. Rồi đó, chúng lấy tay vạch một đường sâu sâu cho lỗ thông ra nước sông. Chúng đem theo một cái giỏ tre để đựng cá và một cái rổ con để xúc cá. Đó rồi, vừa chơi vừa thật, chúng nắm một nắm cám khô vãi vào lòng lạch cái lỗ trũng. Thoạt nghe một tiếng « ồ », nước tung trắng xóa, và tôi thấy cá nhỏ cá con từ đâu không biết nhảo vô đầy lỗ trũng, chỉ còn chịu khó lấy rổ xúc ra đổ vào giỏ... Rồi sửa sửa cái lỗ cho kín đáo y như cũ, đoạn vãi cám và xúc cá nữa. Thật là cá ở đâu không biết mà nhiều vô số kể, mỗi lần vãi cám là ào ào vô lỗ, lạ lùng và dễ dàng quá sức tưởng tượng. Xứ Lục-tỉnh quả là một thiên đàng cho dân nghèo, lúa gạo và cá tôm dư ăn dư để !

(4) Vài bộ sách hiếm có :

— *Hồ-Xuân-Hương thi tập*, do Xuân-Lan xuất bản, nhà in Văn-minh 1913, 4 tập sáu xu (Xuân-Lan là biệt hiệu của Nguyễn-Văn-Vĩnh).

— *Việt-lam xuân-thu*, (sự tích Lê-Lợi khởi nghĩa), Nguyễn-Đông-Châu dịch thuật, bản in Đông-kinh Ấn-quán 1914, một bộ bảy quyển, *mỗi quyển hai hào*.

— *Hoàng-Lê nhứt thống chí*, (truyện Mạt-Lê, Sơ-Nguyễn), Cát-Thành xuất bản, 1912, nhà in Bạch-Thái-Bưởi, trọn bộ 8 cuốn, mỗi cuốn 32 trang, *giá một hào*.

— *Truyện Tiếu-Đàm* của Phụng-Hoàng-San và Dương-Diệp (Mỏ-cày), nhà in Imprimerie de l'Union sau là Nguyễn-Văn-Của, Sài-gòn, năm 1914, *giá ba các*.

— *Tam-quốc-chí diễn nghĩa*, Phan-Kế-Bính dịch thuật, trọn bộ năm cuốn đóng lại bìa vải đen, *giá năm đồng bạc* (vì mất bìa nên không biết xuất bản năm nào).

Tam-quốc diễn nghĩa, bản in trong Nam, trọn bộ 31 cuốn, *mỗi cuốn Bốn các bạc*. Có hình. Dịch giả : Nguyễn-Liên-Phong và Nguyễn-An-Cư (chú của Nguyễn-An-Ninh) và Nguyễn-Ẩn-Khương (cha ông Nguyễn-An-Ninh). *Đừng lầm với bản in Tin-Đức Thư-Xã, dịch bỏ bớt không y bản cũ.*

V. H. S.

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (*dịch*)

(Xin coi Bách-Khoa từ số 48)

Tân Khổng-giáo

Tân Khổng-giáo ra đời thế kỷ XII mong dung hợp chủ nghĩa thần bí của Phật-giáo và chủ nghĩa thực nghiệm của Khổng-giáo trong vào một hình nhi thượng học. Với tân Khổng-giáo, tôn giáo nước Trung-hoa bước vào giai đoạn thứ năm và cuối cùng: giai đoạn kết tinh. Nhờ Chu-Hi (1130 — 1200), mà có siêu hình học gọi là tân Khổng-giáo này, nhưng sự thật tân Khổng-giáo đó chỉ có cái tên là Khổng-giáo mà thôi. Chu-Hi cho rằng vũ trụ gồm có hai phần là lý và khí. Lý là cái đạo gốc sinh ra vũ trụ, vạn vật, khí là cái khí cụ, cái đồ để sinh ra vật. Lý với khí lúc nào cũng đi với nhau, không thể tách biệt, hai phần cùng lưu hành để phát dục vạn vật. Vậy con người gồm có lý và khí, bẩm cái lý rồi mới có tính, bẩm cái khí rồi mới có hình, và chỉ khi cái vật chất khuất phục cái lẽ phải thì mới là thiện.

Phần siêu hình này nhờ trầm tư mặc tưởng mới hoàn bị được. Theo Chu-Hi, phương tiện độc nhất để tìm ra đạo lý là phải vượt lên trên cái hiểu biết bằng suy luận. Nói một cách khác là phải gắng sức tồn dưỡng, tĩnh tọa để giữ cái tâm cho sáng suốt thì mới giác ngộ được đạo lý. Nhưng khác với tín đồ Phật giáo; Chu-Hi cho rằng sự thực hành các điều Khổng-giáo đã dạy và suy ngẫm các Kinh, Truyện là điều kiện tất yếu của sự giác ngộ đạo lý.

Siêu hình học của Chu-Hi đã xa với giáo lý của Khổng-Tử lúc ban đầu lắm rồi. Nhưng Chu-Hi cũng vẫn là một môn đồ chính thức của Khổng-giáo, vì ông chú trọng đến việc thờ cúng Trời, Khổng-Tử và tổ tiên. Tuy vậy, ông giải thích các sự thờ cúng ấy một cách hợp với siêu hình học của ông, nghĩa là theo phiếm thần luận. Trong triết lý tôn giáo của Chu-Hi, Trời nhân cách hóa mà Khổng-Tử tôn thờ trở thành nguyên lý

phi nhân cách, nó đã biến đổi hỗn mang thành vũ trụ. Ông nói : Trời không gì khác một bầu xanh xoay vần mãi mãi, tỏa ra khắp chung quanh. Trong sự thờ cúng Khổng-Tử, Chu-Hi không coi vị sư biểu như một vị Thần linh nào, mà thờ cúng chỉ để tỏ lòng tri ân của giới nho sĩ đối với người đã có công giáo hóa quốc gia. Trong sự thờ cúng tổ tiên, ông chú trọng đến đạo hiếu để làm cái dây ràng buộc chặt chẽ gia đình với quốc gia, hơn là sự bất tử của linh hồn tổ tiên.

Học thuyết của Chu-Hi, bị Phật-giáo và tôn phái Chân-ngôn ảnh hưởng một cách rõ rệt, đã trở thành học thuyết chánh thống của nho sĩ nước Trung-hoa. Vì các hạng quan lại đều tuyển lựa trong giới nho sĩ gọi là Chánh thống ấy, học thuyết của Chu-Hi đã làm cho thiên tài về tôn giáo của giới trí thức Trung-hoa khô khan, không sản xuất gì được, mà chỉ biết đem các sách vở của Nho-giáo ra bàn luận, phê bình mãi cho đến ngày Chánh-phủ Cộng-hòa bãi bỏ các cuộc thi, năm 1912.

Thế kỷ XII là thế kỷ của tân Khổng-giáo. Nhưng bên cạnh học thuyết của Chu-Hi, thế kỷ XII cũng làm phát sinh ra một hiện tượng là sự hỗn hợp các tôn giáo thông tục của dân gian. Các vị hiền triết của Khổng-giáo, các vị đạo sư của Đạo giáo, các vị tu hành đắc đạo của Phật giáo đều được sùng bái như Thánh, Hiền, hỗn lộn với sự thờ cúng linh hồn thời cổ sơ và nhiều vị thần minh gốc tích khác nhau của thần thoại. Sự tưởng tượng của dân gian đã liệt các bậc siêu nhân ấy trong một hệ thống đẳng cấp, giống y như các đẳng cấp ở xã hội nước Trung-hoa thời bấy giờ.

Sau đây là lược đồ của lịch sử tôn giáo Trung-hoa từ thời phát nguyên cho đến thế kỷ XII.

Chúng ta đã thấy ba sự thờ cúng của nước Trung-hoa thái cổ tồn tại trải qua các thời đại, điều ấy chứng tỏ rằng tôn giáo Trung-hoa giữ mãi được nguyên khí nông thôn của mình. Nếu chúng ta phải phàn nàn rằng trào lưu tư tưởng hữu thần của Mặc-tử đã bị tín ngưỡng phiếm thần của phái nhà nho Tân Khổng-giáo làm át mất đi thì chúng ta cũng vui vẻ mà nhận thấy rằng tín ngưỡng hữu thần, nhờ sự tin thờ linh hồn và các tín ngưỡng của đại chúng, đã duy trì được ở Trung-hoa. Điều đáng tiếc là tinh thần tôn giáo của dân Trung-hoa, thời cổ điển đã được ba nguồn tâm linh, khác nhau mà bổ túc nhau, làm cho phong phú, tinh thần ấy cứ dần dần khuynh mãi về chủ nghĩa tĩnh tịch vô vi của Lão giáo rồi của Phật giáo, làm cho yếu tố hành động của học thuyết Mặc-tử lu mờ đi. Tân Khổng-giáo của Chu-Hi không gây ra được một thái độ thích trung giữa sự cần mẫn tích cực và sự thanh tĩnh vô vi như Khổng-giáo đã làm, mà chỉ vạch ra một con đường ở giữa chủ nghĩa tĩnh tịch vô vi của Phật-giáo và học thuyết Trung-dung của Khổng-giáo. Chính vì thế mà từ thế kỷ XII trở đi, sinh hoạt tôn giáo của Trung-hoa hình như bước vào một thời kỳ ngưng trệ lâu dài. Từ đó, nước Trung-hoa đã quên bài học của Mặc-tử. Mặc-tử cho rằng khi chúng ta muốn chung nhau xây dựng một công trình thiêng liêng mà cần có lòng trung thành của chúng ta mới thành tựu được thì chúng ta

thấy phát sinh ở ta một khí phách mới mẻ nó khiến chúng ta hy sinh tất cả, có khi hy sinh cả thân mạng vì những kẻ mình thương mến.

Đề đi phía khác giáo lý này, nước Trung-hoa đã từ chối không dung nạp mọi tâm linh tích cực trong hành động. Do-thái-giáo vào nước Trung-hoa từ thế kỷ VIII, đã mất dạng trước khi được người Trung-hoa biết đến. Hồi-hồi giáo hưng thịnh lúc ấy, nhưng sau cùng cũng chỉ là một tôn giáo riêng của một dân tộc thiểu số, không ảnh hưởng gì đến đời sống của xứ sở. Ki-tô-giáo, hoặc thuộc Công-giáo, hoặc thuộc phái Thệ phản, hoặc thuộc phái chánh thống (orthodoxe) thì tín đồ cũng chỉ tập hợp thành những chòm người riêng biệt mà thôi.

Hiện nay, Khổng - giáo, Đạo - giáo, Phật-giáo có những khía cạnh gần giống với sự tôn thờ linh hồn, nên mới xem qua, nhiều người có cảm giác đó là những thành phần rời rạc, của tôn giáo, khiến một nhà chuyên môn về luật pháp Trung-hoa, ông Escarra, trong khi tán thưởng sự nhất trí của văn minh Trung-hoa, đã phải lấy làm lạ về tình trạng tạp nham trong sự thờ cúng. Ông viết : « Đối trước sự nhất trí vĩ đại của văn minh Trung-hoá, sinh hoạt tôn giáo của người nước này gồm vô số yếu tố bác tạp, vay mượn ở mọi tín ngưỡng, mọi cách tu hành, mọi hình thức mê tín (1) » Tuy vậy, nếu nhìn kỹ, chúng ta nhận thấy hình như trong sai thù bất nhất của sự thờ cúng có một thái độ căn bản về tôn giáo nó góp phần vào sự nhất trí của nền văn minh Trung-hoa. Chúng tôi xin trình bày nhận xét riêng ấy của chúng tôi sau đây.

★

Thái độ căn bản về tôn giáo ấy do sự ưa thích trật tự và lẽ trung hòa của người Trung-hoa mà có. Trời mà họ tín ngưỡng là sự thể hiện của một trật tự phổ biến, trong đó có người dự, và đối với nền trật tự ấy họ cảm thấy nảy ra lòng kính trọng, cảm phục, thuận tòng. Quan niệm một đấng Thiên-tử chịu trách nhiệm về trật tự đạo đức và vũ trụ chứng tỏ họ đã nhận thấy bằng trực giác một sự hòa hiệp căn bản giữa nền trật tự của trời và trật tự của người. Hình như chính quan niệm ấy làm ra nền tảng chung cho tất cả tư tưởng và tín ngưỡng tôn giáo qua các thời đại. Ba nguồn tư tưởng tôn giáo cổ điển, học thuyết của Mặc-Tử, học thuyết của Khổng-giáo, học thuyết của Lão-giáo, tuy thái độ khác nhau, chẳng cũng đều khuynh hướng về sự phù hợp giữa nhân sự và thiên đạo đó sao ? Trời, hoặc hiểu theo nghĩa tự nhiên của Lão-Tử, hoặc hiểu theo nghĩa hữu thần của Mặc-Tử, hoặc hiểu theo nghĩa luân lý của Khổng-Tử, thì cả ba nhà tư tưởng cũng đều đồng thanh nhìn nhận rằng phương tiện độc nhất để giải thoát, để tìm được đạo lý là sự hòa hợp giữa người và trời. Đời Hán, Khổng-giáo tôn làm quốc giáo, lo đặt cá nhân vào bổn phận gia đình, rồi nới rộng dần ra đến làng mạc, đến tỉnh, đến cả nước Trung-hoa, ở đây Thiên-Tử coi như cha của toàn dân, rồi rộng đến cả thiên hạ trong đó mọi người đều là anh em (tứ hải giai huynh đệ). Khổng-Tử khuyên mỗi

(1) La Chine : Passé et présent của Escarra, 1939, trương 124.

người trước hết phải là người con hiếu, đó là vì ông thấy trong sự hòa thuận gia đình một bài học cho hòa bình giữa nhân loại. Phải chăng đó là sự áp dụng nguyên tắc hòa hợp vào đời sống cá nhân, đời sống gia đình, đời sống quốc gia, đời sống quốc tế ? Các đạo sĩ của Lão-giáo và các nhà tu hành phái Chân-ngôn của Phật-giáo há chẳng nhờ trầm tư mặc tưởng mà giác ngộ cái nguyên lý của sự vật, nguyên lý huyền bí, không thể nói, tả ra được, nhưng là cố hữu trong trật tự vũ trụ ? Nếu đại chúng tôn thờ tất cả các đấng thần minh hoặc của Đạo-giáo, hoặc của Khổng-giáo, hoặc của Phật-giáo theo những đẳng cấp y như đẳng cấp trong xã hội, phải chăng ấy cũng vì họ vốn sẵn ưa thích lẽ trung hòa và trật tự ? Cho nên Chu-Hi có bao quát tất cả các tôn giáo trong một học thuyết tổng hợp thì cũng không phải là chuyện lạ vậy.

Do lòng ham thích lẽ trung hòa của người Trung-hoa, chúng ta có thể biết được một đôi tính cách trường tồn bất biến của tôn giáo nước này.

Tính cách đại đồng.— Suốt trong lịch sử, dân tộc Trung-hoa đã luôn luôn mong mỏi một tôn giáo phổ biến đại đồng ; đó là một sự kiện độc nhất trong lịch sử các tôn giáo. Không bao giờ những thành kiến về nòi giống, về dân tộc, về giai cấp, về đàn ông hay đàn bà có thể vượt thắng được tôn giáo. Khổng giáo, tôn làm quốc giáo, đã biến Trung-hoa thành ra vô số gia đình nhỏ bé, điều ấy không chối cãi được, nhưng ý muốn đầu tiên của nó là làm cho đời sống gia đình thành khởi điểm một cuộc vận động cho cá nhân vượt lên trên mình để hòa mình vào sự hòa hợp với nhân loại đại đồng. Vì vậy cuối thế kỷ XIX, nhà nho Khương-hữu-Vi (1858 — 1927) đã lấy thuyết đại đồng làm bài học đầu tiên của giáo lý Khổng học, và Tôn-dật Tiên (1866 - 1925), vị sáng lập nền Cộng-hòa Trung-hoa, xướng lập lên chủ nghĩa hòa hợp các dân tộc, đã tìm lấy những yếu tố gốc gác của chủ nghĩa ấy chính trong Khổng - giáo. Chúng ta nên nhớ rằng chữ « nhân » trong học thuyết Mặc-tử bao gồm cả nhân loại. Đạo - giáo thì muốn hòa hợp với « Đạo », đã giảng dạy lòng thương xót tất cả muôn loài, dầu thiện hay ác. Và Phật - giáo phái Tịnh thổ đã đơn giản hóa phần siêu hình học của người Ấn - độ, phải chăng là muốn cho tất cả chúng sanh đều có thể tu hành để ngộ đạo ? Chính do sự khuynh hướng về đại đồng ấy mà người Trung-hoa đã hoan nghênh Phật-giáo, một tôn giáo của nước ngoài đưa đến.

Tính cách bao dung.— Cũng vì lòng ham chuộng lẽ trung hòa mà người Trung-hoa có thái độ bao dung đối với các tôn giáo. Không phải trong lịch sử nước họ, người Trung-hoa không khi nào ngược đãi các tôn giáo. Có, nhưng những cách ngược đãi ấy ít xảy ra, có xảy ra thì do Chánh-phủ điều khiển, và gây nên không phải vì những nguyên do thuần nhiên lý tưởng, mà vì muốn ngăn cản một nhóm người tôn giáo xâm lược đảo lộn trật tự chánh trị hiện hữu, hoặc đe dọa đến cơ cấu của xã hội. Vì vậy người Âu-châu đã nhiều lần phải lấy làm lạ khi mà thấy người Trung - hoa tỏ ra rất giàu tinh thần hòa giải, thỏa hiệp trong những vụ tranh chấp về tôn giáo. Tuy các nhà nho của Khổng-

giáo giành được độc quyền chánh giáo về phần mình, mà họ vẫn đối xử rất thân hữu với các người theo Lão-giáo và Phật - giáo, ngoài những việc công hoặc những cuộc tranh biện. Cho đến ngày nay, thật khó mà biện biệt được ở một người Trung-hoa còn giữ phần nề nếp nào là phần Lão - giáo, phần nào là Khổng - giáo, Phật - giáo mà họ đã tiêm nhiễm. Câu nói : « Tam giáo đồng tông » giải thích rõ ràng thái độ bao dung ấy, và cho ta biết vì sao đối với mọi tôn giáo muốn chấp nhất, độc quyền, họ đãi ngộ một cách dè dặt. Một tôn giáo ngoại lai đưa đến một dân tộc bao dung như thế, sẽ có thể gặp một trong hai nguy hiểm này : hoặc bị các tín ngưỡng bản xứ tập nhiễm, — như trường hợp của Phật-giáo, hoặc phải tự mình lùi bước và tạo thành một thiểu số không tiếp xúc gì với đời sống của xứ sở — một đôi khi đó là trường hợp của Kitô-giáo.

Tính cách thầm mỹ.— Ở Trung-hoa, hơn ở đâu hết, tôn giáo luôn luôn cảm thông với nghệ thuật. Người Trung-hoa tìm ở trong tôn giáo một sự thoát ly, mà tôi gọi là thầm mỹ. Trong gia-đình, không kể mọi điều trở ngại, họ chỉ cầu cái lý tưởng của một tổ chức điều hòa, theo Khổng-giáo. Còn Lão-giáo, Phật - giáo cũng chỉ là sự cảm thông với vũ trụ, qua những hình thức bất biến của vẻ đẹp. Chỉ đọc những bài thơ của Đào Uyên-Minh, Bạch-cư Dị, Vương Duy, ngắm những bức tranh đời Tống, người ta nhận thấy một thần khí đã điều khiển nguồn cảm hứng và cách cấu tạo của nhà nghệ sĩ. Con người tìm trong thiên nhiên những cảnh trí vô hạn định, cảnh trí không chịu được diễn tả đúng với thực tế, và thiên nhiên tìm thấy ở con người một trung tâm điểm ý thức.

Nhưng mà huy chương nào cũng có mặt trái. Các tính cách độc đáo và trường tồn của tôn giáo Trung-hoa kể trên đây có giới hạn và nhược điểm của nó.

Trước hết, hãy nói đến tính cách đại đồng. Có người nào có chút lương tâm mà có thể thờ ơ trước ước vọng ấy của người Trung-hoa. Song bởi lo đưa mọi người về một tình thương chung, chú trọng thái quá đến những gì là cộng đồng của các tín ngưỡng và lãng quên những gì trái ngược với nó, người ta có thể đi đến một sự hỗn hợp các tôn giáo. Tất cả các nhà tư tưởng Trung-hoa cận đại, từ nhà nho T'an Tse-Toung (1865 — 1898) (?) cho đến thầy tăng Thái-hư, từ các người làm loạn Thái-bình Thiên-quốc cho đến nhà cách mạng Tôn dật-Tiên, ai nấy đều cố gắng dung hòa lòng bác ái của Ki-tô giáo, với lòng nhân của Khổng-giáo, lòng từ bi của Phật-giáo và lòng thương nhân loại của Mặc - tử, còn các tín điều riêng biệt của các tôn giáo thì người ta coi là không quan trọng. Sự kiện ấy rất có ý nghĩa. Cho nên người ta đã thấy biết bao lần một người Trung-hoa hôm nay đi lễ trong một giáo đường với bạn bè Ki-tô giáo, ngày mai dự một cuộc nghi lễ Khổng - giáo với gia đình, và một ngày khác tụng kinh niệm Phật với mẹ mình, mà trong cuộc hành lễ nào anh ta cũng trang trọng kính cẩn cả. Đó không phải vì phép lịch sự, mà vì anh ta đã tin chắc rằng tất cả tôn giáo

đều tốt ; và tuy dùng những cách thức khác nhau, tôn giáo nào cũng khuyên người ta làm lành và thương yêu tất cả mọi người. Thái độ ấy phải chăng đã là một sự bại hoại của tôn giáo rồi ?

Đi xa hơn nữa, chúng ta thấy rằng sự bao dung tôn giáo của người Trung - hoa, nếu làm đẹp lòng được hạng người theo tự nhiên thần giáo như Voltaire thì cũng làm trở ngại cho động lực tinh thần, và phá hủy sự hăm hở về tôn giáo của người Trung-hoa. Có khi người ta đã trách giáo hội Trung-hoa chưa làm sản xuất được hạng bác học như thánh Augustin và thánh Thomas. Người ta quên rằng các nhà thông thái ấy đã nhờ những tà thuyết và những cuộc tranh luận về thần học đương thời khích thích mới phát triển được tài năng. Còn đối với người Trung-hoa thủ cựu thì không có gì làm cho họ ghét bỏ bằng thái độ ngoan cố trong các vụ tranh chấp về học thuyết. Tâm hồn tôn giáo của họ, quay về đời sống, thường biểu lộ bằng sự trầm tư mặc tưởng và sự thực hành từ thiện hơn là minh định thể thức cho giáo lý. Đã không ngoan cố trong sự tranh chấp thì tự nhiên dễ đi đến sự hoài nghi hơn là kết hợp.

Một lời nói thêm về tính cách thẩm mỹ của tâm hồn người Trung-hoa. Vì muốn tìm kiếm sự trường tồn của bản thể hơn là động lực của lịch sử, chăm chú nhìn vào vẻ đẹp êm đềm và lý tưởng của trật tự vũ trụ và xã hội hơn là cảnh tượng rối ren, xung đột do tội lỗi gây ra, người Trung-hoa không hiểu rõ rằng không có lo âu thì không thể có hòa bình chân chính, cũng như không có tranh đấu thì không thể có tiến bộ. Vì vậy, họ không ưa đánh liều trong sự mạo hiểm tinh thần, và không có cảm tình bi thảm về thân phận con người.

Theo chúng tôi hình như đó là những tính cách bất biến mà cũng là những khuyết điểm của hồn tôn giáo Trung-hoa. Đại đồng, bao dung, thẩm mỹ, người Trung-hoa quả là một mẫu người tôn giáo dễ khiến người ta ưa chuộng, nhưng vì khuynh về chủ nghĩa hỗn hợp, về hoài nghi, bất động, nên cũng đã khiến nhiều người chê trách là tầm thường về sinh hoạt tôn giáo. Tuy vậy, nếu xét thấy hạng hiền nhân trong Nho-giáo, hạng đại tăng trong Phật-giáo, hạng tuấn-giáo trong Kitô-giáo, mỗi ngày mỗi tăng thêm nhiều, người ta có thể tin chắc rằng tinh thần tôn-giáo của Trung-hoa có rất nhiều năng lực còn tiềm tàng.

Vì người Trung-hoa chưa biết rằng đấng Kitô là đường đi, là sự thật và là sự sống thì họ cho các tôn - giáo đều là tương đối, đó cũng là lẽ tự nhiên.

Họ hình như đã đợi Chúa cứu thế ra đời, trong một kỳ ngưỡng vọng hàng nghìn năm. Đức nhân của luân lý Khổng-giáo, lòng từ bi vô biên đối với chúng sanh của Phật-giáo, lòng thương nhân loại của Lão-Tử, Mặc-Tử đã được biểu thị trước Phúc-âm của Chúa Kitô. Sự nép mình tránh đời của Lão-giáo là một cách dự liệu cho đức khiêm tốn của Kitô giáo, cũng như phái Tịnh-thổ Phật-giáo báo trước một cõi cực lạc thánh thần, chí phúc. Đạo hiếu, căn bản của Luân lý là gì, nếu chẳng phải là sự chuẩn bị cho ý tưởng nhận Chúa Trời là cha của muôn loài ? Cho đến các tín điều về

Chúa ra đời, về Chúa cứu chuộc cũng không phải là những ý niệm lạ lùng đối với các môn đệ của Mặc-Tử và tín đồ của Phật-giáo. Sự tôn sùng vị bồ tát Quan-Thế-Âm làm cho người Trung-hoa dễ dàng tôn sùng Đức Bà Maria. Và chế độ tăng viện của Phật-giáo dọn đường cho chế độ tu hành Kitô giáo. Nước Trung-hoa đã tỏ ra có một sức mạnh về đạo lý và một sinh lực về tôn-giáo mà chúng ta không tìm thấy ở các dân tộc cổ khác. Người Trung-hoa chỉ chờ ánh sáng của đấng Kitô để sẽ vượt lên một trình độ phi thường. (1)

Vậy thì vì sao đã dự bị sẵn từ lâu các điều kiện ấy mà Ki-tô-giáo nầy nở khó khăn ở đất Trung-hoa như thế ?

Có người cho rằng đó là vì tâm hồn người Trung-hoa chỉ ý niệm được sự xấu, sự ác, chứ không hiểu chữ tội một cách rạch ròi. Thật ra, hai điều ấy có khác nhau lắm không ? Khổng-tử nói : nếu phạm tội nghịch với Trời thì không còn cầu đảo ở chỗ nào được (2) (hoạch tội ư thiên, vô sở đảo giả), và Mặc-tử nói : nếu phạm tội nghịch với Trời, sẽ không tìm được nơi để nương tựa. (3) Đó có phải là tội với Chúa Trời không ? Ai dám nói rằng ý niệm về tội như thế không phải là ý niệm của Ki-tô giáo ? Vả, người Hy-lạp, người La-mã không có một ý niệm gì về chữ tội đúng như người Ki-tô giáo hiểu, thế mà họ tin theo Ki-tô giáo, và hiện nay thần-học, lễ nghi phụng vụ, cơ cấu giáo đường còn lưu lại những dấu tích sâu xa của họ. Vậy muốn cho người Trung-hoa nhìn nhận công nhiên rằng họ là những kẻ phạm tội, trong khi họ chưa biết tội lỗi Adong là gì, kế hoạch cứu chuộc của Thiên-Chúa ra sao, thì có phải đòi hỏi ở họ nhiều quá không ? Theo chúng tôi, Ki-tô giáo phát đạt khó khăn ở đất Trung-hoa, đó là vì tôn giáo này đã không được đem vào nước Trung-hoa dưới hình thức thuần túy của nó.

Một giáo sĩ thệ phản, người Anh, ở thế kỷ XIX, là ông Legge, nhờ có học thức và kinh nghiệm, được bổ làm giáo sư dạy môn Chi-na-học ở trường Đại học Oxford, đã viết : « Chúng ta phải tự trách chúng ta, trách về sự chia rẽ giữa các giáo đồ Ki-tô, về lòng tham lam của các thương nhân, về chánh sách tham tàn, ích kỷ của những nước gọi là những nước theo Ki-tô giáo. Để chứng minh ý kiến này, tôi xin thuật lại cuộc nói chuyện sau này giữa tôi và ông Kouo Song-Tao, Đại sứ Trung-hoa tới Luân-đôn năm 1877. Ông ấy hỏi tôi :

— Ông biết rõ nước Anh và nước Trung-hoa. Theo ông thì trong hai nước ấy, nước nào tốt hơn ?

---

(1) C. Yves de Moncheuil, Leçons sur le Christ, Chap. II, La préparation du Christ : « ... lors qu'il aborde ces peuples lointains, le christianisme les trouve tout pétris d'un passé, d'une expérience religieuse qui doit être considérée comme une préparation au développement du Corps mystique. Ces histoires, ces expériences... montrent... les besoins religieux de l'âme humaine auxquels le christianisme vient donner satisfaction. Elles montrent ce que nous devons, pour ainsi dire, faire « rendre » au christianisme pour qu'il réponde en effet aux besoins légitimes de l'esprit humain travaillé déjà par la grâce. — » Lời chú thích của dịch giả.

2) Luận ngữ III, trương 13.

3) Oeuvres de Mei Ti, vol. VII, ch. 28, p. b cf ch. 36, p. 1.

Tôi đáp :

— Nước Anh.

Thất vọng, ông ta tiếp :

— Tôi muốn nói rằng nếu so sánh về nhân từ, về công lý, về lễ độ, thì ông cho nước nào hơn ?

Vài phút sau, tôi cũng lặp lại :

— Nước Anh.

Thật tôi chưa thấy một người nào tỏ một vẻ ngạc nhiên như ông ấy lúc bấy giờ. Ông xô ghế, đứng phắt dậy, đi một vòng trong phòng, rồi nói lớn :

— Ông nói rằng dẫu về phương diện đạo đức, nước Anh cũng hơn nước Trung-hoa ? Vậy vì sao người Anh bắt buộc chúng tôi phải mua nha phiến của họ ? »

Từ năm mươi năm lại đây, tình hình Ki-tô giáo ở Trung-hoa đã tiến triển khác xưa nhiều. Nhiều điều ngộ nhận đã tiêu tán. Nhưng cũng còn lâu nữa người Trung-hoa mới phân biệt được sứ mạng đem lại tình thương của Chúa Ki-tô với những ngẫu nhĩ của lịch sử. Đến ngày mà họ có thể nhìn thấy được Ki-tô giáo thuần khiết thì tôi chắc rằng họ sẽ tìm được ở tôn giáo này những gì thỏa mãn được những khát vọng về trung hòa, về trật tự và thẩm mỹ của họ. Việc làm cho người Trung-hoa tin theo Ki-tô giáo đã không làm mất những giá trị căn bản của họ, trái lại, khiến các giá trị này được xác lập, phát huy và cải biến hình dung. Ngoài ra, Ki-tô giáo sẽ đem lại cho nước này một cơ sở siêu hình, một sự tiếp tục trong tâm lý, và một nhựa sống mới cho năng khiếu tôn giáo còn tán loạn và đứt đoạn của họ.

Chúng tôi không phải không biết rằng tâm hồn tôn giáo của người Trung-hoa đương trải qua một cơn khủng hoảng chưa từng có trước kia. Không ai có thể là tiên tri ở trong xứ mình, mà ở xa xứ như tôi lại càng khó dự đoán tương lai hơn nữa. Nhưng chúng ta không nên mất lòng tin tưởng ở tương lai Ki-tô giáo của nước Trung-hoa, vì những khủng hoảng, những gián đoạn lịch sử không thể che đậy sự liên tục của kế hoạch mà Đức Chúa Trời đã sắp đặt cho thế giới. Nỗi thống khổ mà Giáo hội Trung-hoa phải vượt qua có lẽ là một sự dự bị, do Thiên ý bày ra, cho sứ mạng cứu chuộc mà Đức Chúa Trời giao phó cho Giáo hội ấy theo ý định vĩnh cửu của Ngài. Khổ nạn của Chúa Ki-tô lan ra khắp bốn phương trên trái đất được rộng chừng nào thì sự Phục hoạt cũng theo nhịp ấy mà lôi kéo các dân tộc về nhiều chừng ấy, để họ được hưởng sự vui mừng trông thấy Chúa sống lại...

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

✶ **Đính chính** trong bài « **Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo** »

Trong « **Hồn Trung-hoa và Kitô giáo** » đăng trên Bách-Khoa số kỷ niệm (49) và số 51 vì sơ xuất của người đánh máy bài và của ấn công nên đã in lầm danh từ **Mặc-Tử** *(tức Mặc-Địch)* ra **Mạnh-Tử**.

Trân trọng xin cáo lỗi cùng bạn đọc và xin các bạn vui lòng sửa lại các chữ *Mạnh-Tử* ra là **Mặc-Tử** hoặc **Mặc-Địch** cho đúng.

B. K.

sự tích vua
KLOONG GA RAI
hay là sự tích
Tháp Chàm

BỐ-THUẬN

Lời giới thiệu.— *Chúng tôi được biết Cụ Bố-Thuận cách đây hơn mười lăm năm. Hồi đó, Cụ làm Tri huyện ở An-phước. Cụ là người Chàm, và huyện An-phước là huyện người Chàm nhiều, ít người* kinh cựu *(tức là người Việt ta di cư vào từ lâu). Huyện An-phước thuộc tỉnh Ninh-thuận, gần thành phố Phan-rang.*

Hiện thời người Chàm ở đông về hai miền, ấy là miền Phan-rang *và* Phan-rí. *Số lượng họ, tất cả độ hai chục ngàn người, rải rác trên những làng tiêu điều, ở trên độn cát. Họ sống về nghề nuôi bò, nuôi dê, làm thuốc* ngải *đem đi bán, Bắc ra tới Huế, Nam tới Saigon. Ruộng họ ít.*

Hiện nay đời sống của họ được cải thiện nhiều, như mới đây có dịp đi qua miền họ sống, tôi đã nhận xét tại chỗ.

Từ Saigon lên Đalat, đi xe hỏa, phải đổi xe ở Tháp Chàm (Pháp đặt tên cho địa điểm này là Tour Cham).

Tháp Chàm *thành một địa danh.*

Trên một trái đồi trọc, dưới ánh nắng chang chang, trơ trọi một cái tháp. (Có hình kèm sau đây).

Tháp này thờ một vị vua Chàm, trị vì vào thế kỷ thứ mười một, tức là

Ngài *KLOONG GA RAI.*

Sự tích Ngài không những thuộc về lịch sử dân tộc Chàm mà còn thuộc về lịch sử dân tộc Việt-Nam ta nữa.

Cụ Bố-Thuận, năm nay già lắm rồi. Nhớ tới tiền nhân, nhớ tới lịch sử, Cụ đã có nhã ý gửi cho báo Bách-khoa nhiều bài có giá trị. Một điểm đáng chú ý : đây là chuyện một người Chàm viết có ý nghĩa tài liệu ; chúng tôi không dám chữa một chữ.

Còn sự khảo cứu và phê bình là do các chuyên viên của Bộ Quốc-gia Giáo-dục.

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

VÀO thế kỷ thứ 11 ở xứ Pang-đà-ràng, xóm Gia-hê có ông Cha-klanh và bà Cha-klanh nhà nghèo khó phải đi chăn bò cho nhà vua để kiếm miếng ăn. Hàng ngày sau khi thả bò ở ven rừng ông bà lại xuống bến Ông-rau để bắt chan chan mang về ăn và bán nữa. Một hôm ông bà đang móc chan chan bỗng nghe thấy tiếng trẻ khóc gần ngay đấy. Ông bà lấy làm lạ nhìn quanh thì thấy có một cái bọc bọt nổi lênh đênh trên mặc nước, Ông liền lội ra, mở bọc coi thì thấy có một nữ hài nhi ngộ nghĩnh. Ông bồng ra đưa cho vợ và bảo :

— Chúng ta ngày nay đã ngần này tuổi đầu rồi mà vẫn chưa có con cái gì... chắc trời thương chúng ta mà ban cho đứa nhỏ này đây... Bà vợ mừng lắm, bỏ cả bắt chan chan... mặc cả đàn bò đang lặng lẽ gặm cỏ bên rừng tất tả cùng ông bế đứa trẻ về nhà. Cũng may mà run rủi thế nào nên có người thấy đàn bò của nhà vua không người giữ lại lùa về hộ chứ không chúng lạc vào rừng hay phá phách hoa màu của người ta thì ông bà biết lấy gì mà đền được.

Từ ngày ấy tuy ông bà phải làm việc vất vả hơn trước để nuôi thêm một miệng ăn nhưng ông bà vẫn lấy làm sung sướng vì trong nhà có tiếng trẻ vui đùa đã làm ông bà đỡ quạnh hiu. Bởi thế ông bà chiều chuộng nâng niu, coi như cháu ruột vậy.

Thấm thoát đã mười mấy năm trường, chẳng mấy lúc cô bé đã tới tuổi cập kê. Một hôm cô cùng ông lão vào rừng đốn củi. Hai ông cháu vừa chặt được một bên thì cháu kêu khát nước nhưng rừng thì xa mà củi chưa chặt đủ ông lão liền bảo cháu cố nhịn một lát để ông kiếm xong bên củi nữa rồi cùng về nhà tha hồ mà uống. Cô gái nghe lời ông cố ngồi đợi được một lát, thế rồi không thể nhịn được nữa cô ta liền chạy đi tìm nước uống. Cô chạy đến một tảng đá lớn kia thì tự nhiên thấy đá vọt nước lên. Nàng lại gần thì thấy nước trong như thủy tinh, uống thử thì thấy ngọt, mát lạ thường ? Sau khi đã khỏi khát, cô chợt nhớ đến ông ; cô nghĩ rằng lúc này ông lão chắc cũng khát nước, cô liền chạy về mời ông lên đấy uống. Ông lão nghe thấy cháu nói lấy làm lạ vì giữa nơi rừng khô nắng cháy này làm gì lại có nước được nhưng cũng đến tận nơi coi. Song hai người vừa tới thì nước đã rút vào đá mất rồi. Giữa tảng đá chỉ còn vết nước dâng lên ươn ướt mà thôi.

Thế rồi sau khi uống nước trong tảng đá về, nàng thụ thai. Dân làng cho rằng hai ông cháu đem nhau vào rừng làm chuyện loạn luân, ông muốn bào chữa thế nào cũng không được. Ông đành cắn răng nghe những lời phỉ báng và chỉ biết cầu trời biết cho lòng trong sạch của mình. Tới ngày thứ bảy ngày 19 tháng 4 năm con hổ, nàng sinh ra được một đứa con trai. Diện mạo thì khôi ngô nhưng mình mẩy thì chốc lác đầy, trông rất bần thiu. Rau chôn ở dưới hòn đá gần con đường nhỏ ở phía tả con sông thuộc xóm Mỹ-nghiệp. Sau khi nuôi nấng con khôn lớn, một hôm nàng đi đâu mất, không ai thấy tăm tích nàng đâu nữa.

Đứa trẻ lớn lên thì ông lão đã già quá mất rồi. Nó liền phải nối nghiệp ông đi chăn trâu để kiếm miếng ăn. Một ngày kia nó thả trâu ở ngoài đồng và bỏ đi chơi một chỗ. Trâu không người coi giữ ra phá ruộng bông nhà ông Văn-Trạng

một nhà giầu có, thế lực trong vùng và bị bắt mất trâu. Đứa trẻ đi chơi về tìm không thấy trâu đâu liền khóc lóc về gọi ông. Ông lão lóp ngóp đi tìm thì thấy trâu đang cột dưới bóng cây ở nhà ông Văn-Trạng. Hai ông cháu liền đánh bạo vào xin. Trong khi ông còn đang ở trong nhà lạy lục ông phú hộ thì cháu ngồi ở ngoài sân trố mắt nhìn cảnh giầu sang mà than cho số phận nghèo hèn. Nhà phú hộ còn đang mắng mỏ chưa cho thì cô Chanh Kol, cô con gái sắc nước hương trời của ông Văn-Trạng chạy vào bảo bố rằng cho họ dắt trâu đi chứ để đứa nhỏ ghẻ lở ngồi mãi ở ngoài sân bẩn lắm. Ông Văn-Trạng bước ra coi một lát thấy đứa bé có tướng lạ liền vào hỏi ông lão :

Tháp vua Kloong Ga Rai ở Tháp Chàm Ninh-thuận.

— Đứa nhỏ ở ngoài kia đối với ông là gì ?

— Thưa nó là cháu chúng tôi đấy ạ, ông lão trả lời.

— Tôi có đứa con gái độc nhất vừa ra đây ban nãy, phú ông nói tiếp tôi muốn kết thông gia với ông, chẳng hay ông có vui lòng không ?

Ông lão nghèo khó nghe lời cầu thân của ông Văn-Trạng hết sức ngạc nhiên không giám trả lời. Văn-Trạng lại năn nỉ nữa làm ông lão lại càng chẳng biết nói sao đành ậm ừ vâng theo và xin cáo từ, dắt bò ra về. Cô Chanh Kol nấp ở trong nhà nghe thấy cha định gả mình cho đứa trẻ chốc lác bẩn thỉu vừa rồi, lúc ấy mới chạy ra khóc lóc.

— Sao cha lại gả con cho đứa chăn bò bẩn thỉu ấy... con không bằng lòng đâu.

Lúc ấy ông Văn-Trạng mới khẽ bảo con :

— Con chớ có khinh nó mà lầm... nó bẩn thế nhưng nhiều tướng lạ... chốc lác đó chính là vầy rồng của trời ban... một ngày kia vầy ấy mất đi... và nó làm nên tới đế vương đấy con ạ.

Cô gái nghe lời cha dạy không biết nói sao nhưng cũng yên lòng đôi chút. Thế rồi ít ngày sau ông cho mang trầu cau sang nhà ông lão chăn bò hỏi thằng Lác cho con gái. Thế là Lác ta đang từ đứa trẻ chăn bò bỗng trở thành ông chủ tương lai của cả một cơ nghiệp giầu sang. Và cũng từ ngày ấy ông

Văn-Trạng cấp tiền cho ăn học, không phải đi chăn bò nữa. Nhưng có lẽ vì thời chưa đến nên chàng học hành chẳng ra sao. Ít lâu sau vì quen thú tự do chàng bỏ đi buôn trầu với một người bạn tên là Khang-Chanh. Thường lệ, mỗi trưa hai người đi qua tảng đá lớn ở gần xóm Mỹ-nghiệp thì hạ gánh nghỉ và một người chạy về làng lấy cơm ra để cùng ăn. Sau đó hai người lại tiếp tục gánh trầu sang làng bên bán.

Hôm ấy đến lượt Khang-Chanh về, Lác thì ở lại coi hàng. Chàng ta liền trèo lên tảng đá lớn nằm ngủ.

Khang-Chanh ở trong làng ra bỗng thấy hào quang sáng rực, trên tảng đá mà Lác đang nằm ngủ có hai con rồng cuộn khúc nằm chầu. Anh ta đi lại gần thì hai con rồng chui vào tảng đá mất, chỉ còn mình chàng Lác vẫn còn đang ngon giấc. Chàng tới bên đánh thức dậy ăn cơm thì lạ thay trên mình Lác không còn một vảy lác nào. Lác đã thành một thanh niên tuấn tú có vầng trán cao và rộng, với đôi mắt sáng long lanh.

Khang-Chanh bỏ gói cơm ra mời bạn nhưng riêng chàng vẫn chưa hết ngạc nhiên về sự biến đổi lạ thường của bạn nên ngồi yên xem xét. Lác đợi mãi không thấy Khang-Chanh ăn liền lấy tay vạch miếng lá chuối thành hai để dành phần cơm cho bạn. Ăn xong chàng lại cầm bầu nước bóp ngang để mình uống một phần thôi. Bởi thế, từ ngày ấy lá chuối mới có cái rãnh vạch dọc theo tầu lá và quả bầu mới có một chỗ thắt ngang.

★

Thời ấy Chiêm-thành còn đang thịnh vượng. Trăm họ yên vui dưới quyền cai trị của đức vua già *Si-a-ngan*. Kinh đô đang đóng ở thành *Pâl Shri-ba-nui* (tức là thành Cồ-lũy ở làng Nguyệt-Biều ở gần Huế ngày nay).

Nhà vua đã già mà không có con. Tới khi ngài gần tạ thế, ngài truyền cho triều thần tìm người tài đức để trị vì trăm họ. Lễ hỏa thiêu nhà vua vừa cử hành xong thì con Bạch-tượng, một giống thần linh mà người Chàm kính sợ bỗng gầm lên chạy về phương Nam để tìm nhân tài ra giúp nước. Voi chạy qua xứ Bi-da-ya vào tới Pang-đà-ràng rồi tới phục trước nhà chàng Lác tỏ ý thần phục. Theo tục lệ Chiêm-thành thì ai được voi thần thần phục như thế là đúng vị đế vương. Mọi người thấy vậy reo mừng ầm ỹ và ép Lác lên lưng voi trắng. Chàng vừa trèo lên thì voi cất bước đứng lên, thẳng đường chạy về kinh làm chàng chẳng hiểu thế nào bụng sợ hết hồn hết vía. Voi đến sông Đạ-ran ở xứ Bra-ma thì chàng vội vàng nhảy xuống toan tìm đường đi trốn nhưng thần tượng gầm la long trời lở đất đi tìm. Mọi người đi theo thấy vậy sợ hãi bỏ đi kiếm chàng. Tìm mãi đến đập Pút-sa-ki mới gặp chàng đang nấp ở đó. Thế là chàng lại phải lên lưng voi để về trào. Dân chúng thấy voi thần tìm được tân vương nô nức kéo về kinh. Bởi thế người Chàm có câu ca:

Cô Ga-ru, cu Y-a-trang.

Tạm dịch là: đầu ở Ga-ru (Tuy-hòa) đuôi ở Y-a-trang (Nha-trang) để tả cái cảnh nô nức đi đưa chàng vào kinh ngày ấy.

Thế là chàng Lác lên làm vua quả như lời nhạc phụ chàng đã đoán trước kia và vợ

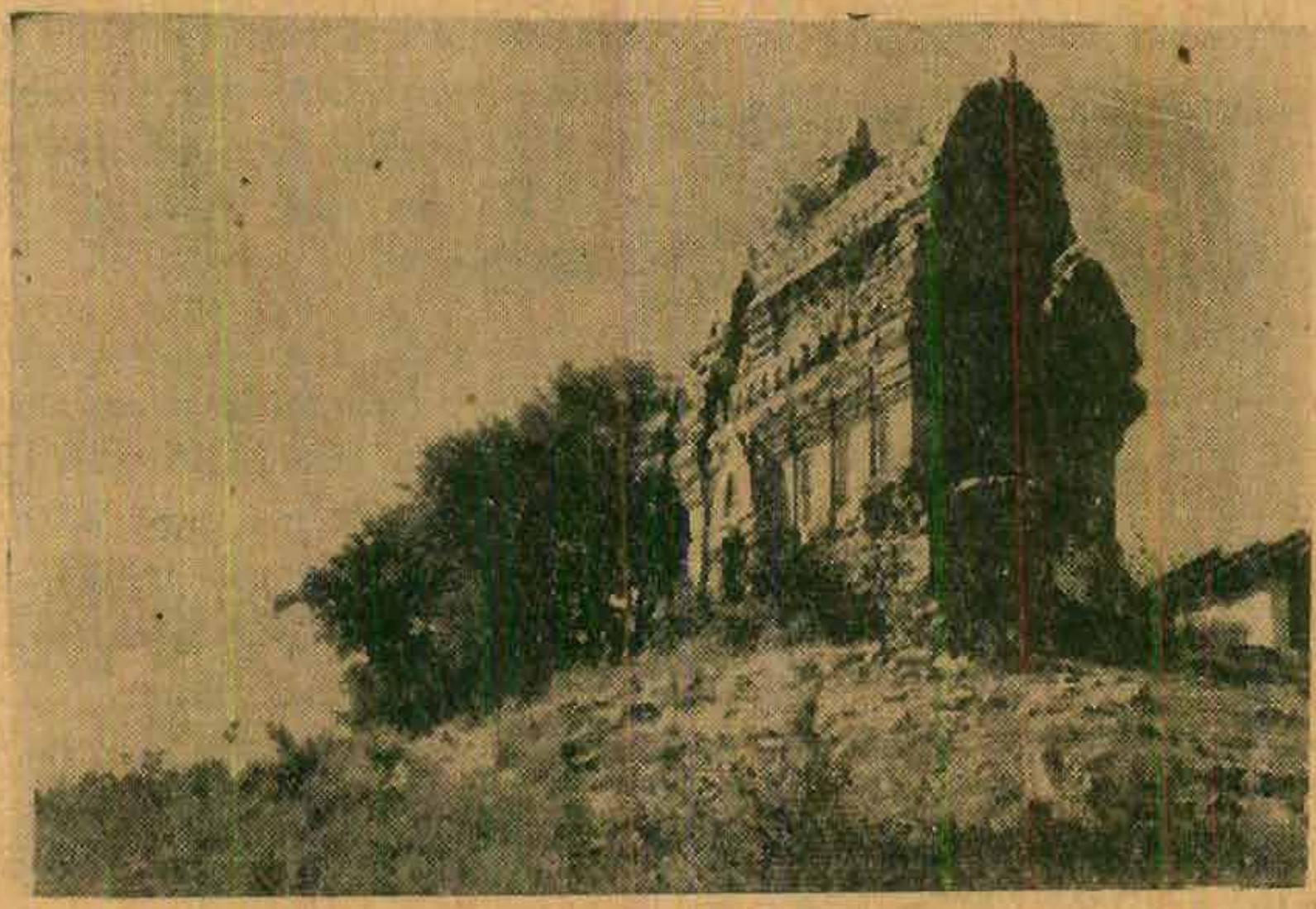

Ngọn Tháp phụ của Tháp vua Kloong Ga Rai ở Ninh-thuận.

chàng cô Chanh Kol chua ngoa ngày trước được phong làm hoàng hậu. Chàng Khang-Chanh, người bạn buôn trầu của chàng Lác ngày xưa được phong làm tướng. Người đời sau nhớ lại chuyện nhà vua thuở hàn vi liền gọi nhà vua là vua Lác.

Vua Lác lên ngôi năm con dê (1166) lấy hiệu là Pô Kloong Ga-rai. Lúc tôn vương có hai vị chức sắc đạo I-sa-lam là Shri và Pa-liêng hợp sức với hai vị thày cả đạo Bà-Châm là Dan và Nơ-rá trông coi việc hành lễ. Ngài lên làm vua được ít lâu thì trời sai một vị thần tướng là Si-oa (hay còn gọi là Dê-oa Mơ-nú) xuống giúp. Ngài đóng đô ở Pal Shri-ba-nui được năm năm thì dời đô vào Bi-da-y-a đóng tại Trà-kiệu thêm được năm mươi năm nữa. Ngài cũng còn một tên hiệu khác là Dô-Ta Ta-thum-di-rai.

Từ khi ngài lên làm vua nước giầu dân mạnh. Trong thì ngài lo mở mang kinh tế, đắp đập, khơi mương để giúp dân cày cấy dễ dàng. Ngoài thì nhờ có tướng tài Shi-oa giúp đỡ ngài chống được bắc xâm, ngăn được giặc cướp ở phương nam tới.

Chính sách của ngài là chính sách nhân đạo không muốn dùng chiến tranh để giải quyết những mối phân tranh. Trong đời ngài ở phía nam có một sơn vương ở vùng Pa Rich không thần phục vì cho rằng ngài chỉ là một kẻ không cha. Ngài thấy vậy liền cho xứ giả tới bảo với pô Tầm rằng muốn biết lòng dân theo ai thì hai bên thi nhau xây một ngọn tháp lớn ai xây xong trước thì người kia phải thần phục. Pô Tầm nhận lời và vì được nhiều người ủng hộ nên tháp của vua Kloong ga-rai chẳng mấy lúc đã xong trong khi ấy tháp của vua Tầm mới được có một nửa. Thế là pô Tầm phải chịu thần phục. Ngọn tháp dở dang của vua

này còn tồn tại trên ngọn đồi cao cao ở gần ga sông Lòng sông ngày nay.

Cũng dùng chính sách đó nên khi ngài ngự giá về thăm nơi chôn rau cắt rốn ở Pang-đà-ràng ngài thấy người Chân-lạp (người Kru hay Kur theo tiếng Chàm) đang ăn lấn đất của ngài bằng cách xây ba ngọn tháp lớn ở Pàl Hú (tức xóm Cú hữu hay Hòa lai ở trên đường quốc lộ số một khoảng từ Phan-rang ra Ba-ngòi, người ta cũng gọi chỗ này là Ba-tháp). Ngài cũng dùng kế thi xây tháp và hẹn rằng ai xây xong trước thì được ở đất đó. Thế rồi trong khi người Chân-lạp cậy cục đẽo đá, xây tháp thì ngài cho làm một ngọn tháp bằng giấy dụng lên. Thế là chỉ trong một đêm đã có một ngọn tháp lớn đứng sừng sững trên ngọn đồi On-ha la rồi. Người Chân-lạp thấy vậy cho là trời giúp nên sợ hãi bỏ vùng này thế là ngài không mất một mũi tên mà đuổi được bọn giặc hung hăng. Sau khi làm vua được năm mươi lăm năm ngài truyền ngôi cho người khác và trở về quê nhà xây một ngọn tháp để tu hành rồi mất trong tháp đó.

Người đời sau nhớ ơn ngài cũng xây ngọn tháp ở Tháp Chàm (Phan-rang) để phụng thờ. Tháp này xây từ thế kỷ thứ XII gồm một ngọn tháp chính quay về hướng đông chung quanh có nhiều ngọn tháp phụ nay đã đổ nát. Tháp chính ngoài cửa có khắc bức tượng thần Si-oa ; trên lối đi vào có tượng con bò để kỷ niệm thời chăn bò lúc nhỏ của ngài.

Trong tháp có một cái bệ bằng đá trên để bức tượng đá khắc đầu vua. Những người Chàm gần đấy thường đem đồ lễ vào trọng tháp để cúng quảy cầu xin. Họ cho rằng tháp này còn linh thiêng lắm.

Trên tháp còn có một pho tượng khắc hình Bạch-tượng nhưng thất lạc đã lâu. Mãi tới năm 1950 người Pháp đắp đồn xây lô cốt trên ngọn đồi ; ở cạnh tháp có đào thấy pho tượng đó mang về đồn. Sau đó nhà chức trách người Chàm viện lẽ bạch tượng là vật linh thiêng của dân tộc họ nên tới xin về. Hiện nay pho tượng này còn thờ tại xóm Phước-đồng ở quận An-phước.

Đến bây giờ hàng năm đến ngày kỷ niệm nhà vua, người Chàm lên tháp làm lễ. Thường thường lễ này gồm :

1) Lễ Chà và (Ri - da) ban đêm. Trong lễ này các thày cả phải đọc kinh và âm nhạc cử bài Đam-shri.

2) Lễ Chà và ban ngày. Âm nhạc cử bản Pô ha-tan.

Trong các lễ này thường lại có các bà bóng nhảy múa và các thày cò ke thày vỗ vừa gõ trống vừa hát nữa.

Người ta cũng không quên ơn hai ông bà chăn bò người đã có công nuôi mẹ con nhà vua nên người Chàm cũng mang lễ vật lên đập ông rau (ở gần đập Nha-trinh) để cúng nữa.

BỐ-THUẬN

✱ Người « trí » hay lo, người « nghĩa » hay làm, người « nhân » hay trì thủ (Cốc-Lương).

ái tình

qua kính hiển vi

CÔ-LIÊU

Jean Rosland là một nhà sinh lý học danh tiếng nhưng đại chúng thường chỉ biết ông qua những sách phổ thông khoa học trong đó tâm hồn thi sĩ của nhà bác học đã dùng tình cảm và tri tưởng tượng để giúp đại chúng lý hội sự thật khoa học. Trong bài nói về đời tình ái của côn trùng dưới đây ông chứng minh rằng tưởng tượng của thi sĩ vẫn không kỳ ảo bằng hiện tượng có thật của tạo hóa.

Người ta không thể đùa dỡn với Ái tình cũng như với Nguyên tử.

CÂU nói này của Jean Rostand có mầu sắc thời đại và báo hiệu sự chuyển hướng của phương pháp nghiên cứu tâm lý ái tình : Thời kỳ khảo nghiệm bằng kính hiển vi trong các phòng thí nghiệm. Tại tim của kẻ yêu đương không còn là đối tượng của sự khảo sát tâm lý, mà con mắt lạnh lùng của kính hiển vi sẽ theo dõi côn trùng li li trong hành động tình ái toàn vẹn và thuần túy nhất của chúng. Khung cảnh tình ái của côn trùng với cử chỉ ôm ấp say sưa, với những thảm kịch tình ái gay cấn diễn ra ngoài tầm mắt phàm trần là thể hiện một thế giới khác cũng đầy bí hiểm, đầy tình tiết, đầy vẻ diễm lệ mà loài người tưởng rằng chỉ mình có độc quyền.

Thế giới ấy được ghi lại trong một cuốn sổ con của Jean Rostand, một vài câu ghi chú công việc khảo sát bằng kính hiển vi của ông thì đúng hơn, nhan đề là Bestiaire d'Amour. Nhưng giá trị tài liệu

của mấy trang giấy nhỏ ấy chắc chắn và linh động hơn những công việc sưu tầm hay loại truyện phóng tác khoa học người ta thường làm. Đã biết qua loa thế giới kỳ ảo hiển hiện dưới ngòi bút nên thơ của một « bác học thi sĩ », người ta mới hiểu rằng sự thật của tạo hóa đã vượt trí tưởng tượng của con người, đến như nghệ thuật siêu thực cũng còn tỏ ra con người rất nghèo nàn về sức tưởng tượng.

Nào chúng ta hãy dời bỏ chốc lát quê hương loài người để mạo hiểm vào thế giới huyền bí của loài côn trùng, ếch nhái.

Tặng nhau một nửa thân mình

Giữa một vùng nước ngọt, con Paramecie là một thứ sinh vật không lồ so với giống khác thuộc loài infusoire. Nó lớn bằng 1 phần tư một ly. Bên mình nó mở ra một cái miệng lớn, người đầy lông rất nhỏ dùng làm chân đi, tay cầm đồ ăn đưa vào miệng. Nó sinh nở bằng cách phân thân ra làm hai. Như vậy người ta khó lòng cho rằng nó biết đi tình, biết giao cấu. Nhưng tạo hóa đã nghĩ đến hết, để dành cho kẻ tò mò những khung cảnh bất ngờ. Một đôi khi những con Paramecie nhịn ăn và hình như cử động dồn dập khác thường. Rồi thì cả đoàn thể bám lấy nhau thành từng đôi một, miệng giáp miệng, con nọ tan rã trong người con kia để rồi tái tạo một thân thể mới. Mỗi con đã phân tán cơ thể mình đem tặng bạn lòng một nửa và nhận một nửa của người yêu. Chúng đã thực hiện một cách cụ thể mộng vàng của người lãng mạn trước tình ái, tình ái toàn vẹn và cao đẹp mà loài người chỉ ý thức được qua trí tưởng tượng, nói được mà không làm được.

Chết giữa cuộc truy hoan.

Giống Nereis thuộc loài trùng ở biển, đến thời kỳ xuân tình thường nổi lên mặt nước. Con cái tiết ra một chất kích thích làm chàng trai xun xoe múa nhảy xung quanh. Tinh khí của con đực tiết ra, trong khi ấy trứng con cái căng ra làm nó bề tung. Chàng và nàng cùng lịm dần, chết trong mê ly.

Một giống trùng ở Châu Mỹ khi giao hợp quấn chặt lấy con cái. Miệng nàng cắn vào người chàng cho chảy ra một chất tinh khí, nàng say sưa nuốt giọt tình trong vào bụng để dưỡng buồng trứng. Trứng sẽ làm nổ tung thân thể nàng để thoát ra.

Bình đẳng...

Con giun đất (con trùng) là một giống trùng vừa có bộ phận sinh dục của con đực và con cái. Khi giao hợp mỗi con kiêm đủ hai nhiệm vụ phu và thê. Ở thế giới loài giun vấn đề bình đẳng bình quyền không cần đặt ra.

... và nữ quyền

Một thứ sâu ở biển, giống Bonellie cho ta ý niệm về một cặp vợ chồng chẳng xứng đôi tý nào, quá sức tưởng tượng của người ta. Con cái kéo dài ra đo được một thước, con đực chỉ bé có vài ly, nó sống một đời ký sinh và cắm trại trong tử cung con cái để giữ việc dưỡng tinh khí cho trứng. Nào loài người thử tưởng tượng xem còn kiếp nam nhi nào nhờ vợ toàn vẹn hơn nữa.

Tình điên

Loài bạch tuộc có một giống tên là Nautile. Một cánh tay của nó vừa là bộ phận sinh dục, trong lúc giao hoan rời hẳn thân thể nó mà bơi đi tìm con cái. Con cái có thể tiếp nhận nhiều cơ quan sinh dục đực lang thang trên đường tình. Như thế kể cũng tiện việc lắm.

Giải quán quân hy sinh cho tình ái phải về giống bọ ngựa (bù cào trời). Tình của nàng là tình khát máu, và chàng đem xương máu mình tặng người yêu. Giữa cuộc giao hợp nàng mượn tạm cái đầu chàng làm bữa cơm sáng, chàng tỏ ra một chiến sĩ dũng cảm của ái tình, mặc dầu đầu rơi máu chảy vẫn yêu cho đến khi hồn lìa khỏi xác.

Nhưng đã có giống khác cứu vãn danh dự cho con đực, đó là con Lamproie, một giống cá mình lươn. Nó cắn nát gáy con cái để truyền tinh khí vào, có khi con cái chết vì cái hôn kinh khủng đó.

Đàn ông mà như con cá ngựa nghĩ cũng cực cho cái thân nam nhi. Bà vợ đẻ ra một bọc trứng bắt ông chồng ngậm trong miệng, và ông chồng phải giẫy giụa oằn oại khốn khổ mới cho ra được mụn con. Nào các bà muốn chồng đau vợ đẻ cho công bình thì đây vợ đẻ chồng đau đó !

Nhưng trí tưởng tượng của người ta dầu phong phú đến đâu cũng không thể nghĩ đến trường hợp một con đực yêu đến nỗi biến mình thành một cái bào thai của vợ. Đó là trường hợp con cá Ceratias. Con đực bé hơn con cái 20 lần, nó cắn vào sườn con cái rồi dính liền vào đó, toàn thân nó héo hắt teo đi, bấy giờ chỉ sống nhờ máu huyết vợ như vợ lúc đó đối với chồng tựa như mẹ sinh dưỡng bào thai của con.

Tình thần lãng mạn

Trước ái tình loài vật không phải tl.iếu tình cảm và trí khôn, không bằng loài người. Ta sẽ phải ngạc nhiên khi thấy chúng có những thái độ khi thì thơ mộng, khi hài hước, khi mùi mẫm đối với người yêu.

Hài hước — Con cá lờn bơn, thứ cá trông như chỉ là một nửa con cá, hai con ghép lại mới có thể thành một con. Trong lúc giao hoan con cái đặt trứng lên lưng con đực, miết đi miết lại một cách ngon lành như người phết bơ vào miếng bánh mì.

Mùi mẫm — Loài rắn khi giao hợp khăng khít quấn lấy nhau, bện lại như bện tóc của con gái nhỏ, con đực ngậm đuôi con cái mơn trớn như chàng trai cầm cánh tay người yêu.

Làm cao — Chưa biết loài người học loài cua hay loài cua học loài người cách tán tỉnh phụ nữ, nhưng ta thấy cua đực kiên nhẫn lạ thường, nó theo đuổi con cái trong nhiều ngày, miệng đàn hát, hai càng gõ nhịp. Nàng chỉ siêu lòng khi chàng kiệt lực vì trổ tài nghệ quyến anh rủ yến.

Thơ mộng — Giống bò cạp thơ mộng chẳng kém loài người. Trước khi động phòng chàng và nàng giắt càng nhau đi chơi ngắm cảnh trăng nước trời mây như một cặp vợ chồng chưa cưới.

Một vài giống sâu bọ trong khi giao hợp cùng nhau ăn chung một miếng mồi.

Bức điện tình — Bức điện tình chúng gửi cho nhau truyền đi bằng điện hiệu. Những giống sâu bọ có tinh sáng như con đom đóm, ban đêm đi tìm tình, chúng lập lòe lửa sáng theo một mật hiệu mà nha Bưu - điện chưa giữ độc quyền. Con đực trả lời, nếu ý hợp tâm đầu chúng lại gần nhau, mặt dàn mặt, tay cầm tay, cùng chia sẻ nỗi niềm tâm sự.

Quá nồng nàn — Những chuyện hoang đường về vợ chồng cóc không phải vô căn cứ. Có lẽ người xưa đã nhận thấy giống vật này nồng nàn với ái tình hơn cả. Khi giao hoan con đực ôm ghì con cái mạnh đến nỗi có khi làm thủng ngực con cái.

Loài người, một loài đã mất hết bản tính thiên nhiên.

Thiên khảo sát của Rostand đưa người ta từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Sau khi đã nói đến côn trùng ếch nhái, Rostand tất nhiên phải nói đến người, một loài chẳng đáng ngạc nhiên mấy tí. Rostand nhận thấy không thể theo quan niệm sinh lý học phân tách thái độ con người trước tình ái. « Chúng ta không biết rõ từ nguyên sơ nam nữ đã có thái độ nào là thuần túy trước ái tình ». Nói thế nghĩa là nói rằng văn minh đã làm thiên lệch bản tính thiên nhiên.

Phong tục, lề thói, giáo dục, tôn giáo, thành kiến đã đồn ép hay buông lỏng, khuyến khích hay ngăn cản ái tình của giống Homosapiens. Trong những cuộc gần gụi kín đáo của nam nữ bao giờ cũng có ảnh hưởng xã hội, con người không còn là con người thiên nhiên thuần túy. Ông lo rằng loài người thêu dệt những ảo ảnh về ái tình sẽ mất dần hai vật quý báu họ đã có : tự do và tự nhiên.

Theo Jacques Sternberg

CÔ - LIÊU

Chính sách của người quân tử.

Người quân tử muốn nói cho người tin, thì không gì bằng tự mình phải nhũn nhặn. Muốn cho chính lệnh được hanh thông thì không gì hay hơn lấy thân mình làm gương trước. Muốn cho dân chóng phục theo, thì không gì hay bằng dùng đạo mà chế ngự.

Cho nên dân dẫu phục theo mà còn phải gượng ép, chứ không thực bởi lòng trung tín phát ra, thì không thế nào khiến cho dân thân được. Trong ngoài không ăn khớp với nhau thì không thể nào có được sự tín cẩn của nhân dân. Đó tức là chí đạo trong việc trị dân mà cũng là đại thống của người bước vào làm việc chính trị vậy.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

Tito

cộng sản quốc tế

hay quốc gia

• *SONG-AN CƯ-SĨ*

Nói đến vụ Tito, nhiều báo chí kêu lên là « Cuộc phát sinh của chủ nghĩa Cộng-sản Quốc-gia », nào là « mưu mô, mánh lới tuyên truyền của Cộng-sản » nào là « Tito đã trở lại với Thế-giới Tự-do ». Những luận điệu ấy quả không được khách quan cho lắm, có lẽ họ đã bị ảnh hưởng tuyên truyền không ít thì nhiều của hai phe đối lập.

Nếu muốn tìm hiểu hành động của Tito và kết luận một cách xác thực, chúng ta cần phải gom góp đủ tài liệu lịch sử, dân tộc, địa dư, chính trị, kinh tế của nước Nam-tư qua các thời đại và nghiên cứu kỹ càng những biến cố đã xảy ra trước và sau hai trận Đại Chiến sau cùng. Nhân loại sử minh xác : khi một đế quốc sắp tan rã hay đang tan rã là thế giới có những sự biến động nghiêm trọng. Những tiểu quốc, những dân tộc nhược tiểu bị lệ thuộc cố vươn mình lên, chứng tỏ nguồn sinh lực bất tận, chí tự cường quật khởi của nòi giống mình, như đám cỏ xanh bị tảng đá đè nén lâu ngày, khối nặng cất đi là khóm cỏ lại tươi tốt như xưa.

Đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ sụp đổ, các xứ Serbie, Bulgarie v.v... xuất đầu lộ diện. Những sự mâu thuẫn giữa các cường quốc làm cho sự thăng bằng tại Âu-châu rất mong manh, chỉ một tia lửa cũng đủ làm nổ thùng thuốc súng Balkans. 28-6-1914 ! Sarajevo ! Tuyên cáo tại Corfou, Hiệp định St-Germain (10-9-1919) và Hiệp-ước Trianon (4-6-1920) khai sanh cho một Liên-bang giữa ba nòi giống : Serbes, Croates và Slovènes dưới chủ quyền của Hoàng - Tộc Karageorgevitch.

Theo Hiến Pháp Vidovdan, một nền quân chủ lập hiến được thiết lập với 23 nội các trong 10 năm, 2 nội các bị Nghị-viện Ckouptchina lật đổ, và một tình trạng hỗn loạn, gây ra bởi các nòi

giống và tập quán tương phản. Nhưng một tân hiến pháp tháng 9 năm 1931 thay tên mới là Yougoslavie gồm có 9 xứ, 2 nghị viện (một nguyên lão) làm dịu bớt tình hình. Ác hại thay vua Alexandre lại bị ám sát tại Marseille ngày 9-10-1934 với Louis Barthou. Vua Pierre II lên ngôi song còn vị thành niên nên phụ chánh thân thần Paul đảm nhận quyền bính, thì lại thiên về phát-xít và nazi. Nhưng một chánh sách trung lập trong công cuộc đối ngoại vẫn được chủ trương do ông Stoyadinovitch.

Sau thỏa hiệp Munich, hiệp ước « thép » 22-5-1939, đến hiệp ước bất xâm phạm (23-8-1939), ngày 14-2-1941, Hitler yêu cầu Nam-tư cho mượn đường để đánh Hi-lạp, hầu tràn xuống bờ biển Địa-trung-hải, Ngày 5-3 Phụ-Chánh Paul gặp Hitler tại Berchtesgaden, ngày 25-3 nhà Vua chấp thuận cho Quân Đội Đức băng qua nước. Nhưng ngày 27-3 dân chúng dấy loạn. Biểu ngữ chống Đức treo cùng nơi : « Necemo Pakt hocemo rat » (Không cần hiệp ước ! Chiến tranh!).

Vị Trưởng-Lão Gavrilo long trọng tuyên bố : « Nếu chúng ta phải sống thì sống tự do, nếu chúng ta phải chết, thì chết cho tự do ! ». Chính phủ bị lật đổ, một chính phủ liên-hiệp do Vua Pierre cầm đầu được lập ra. Nhưng Đức Quốc Xã quyết dè bẹp phản ứng của dân chúng : Ngày 6-4, không quân của Goering tàn phá Belgrade giết hại 17.000 người. Cuộc tấn công bạo tàn đó mang tên là « Chiến dịch Thanh trừng ».

Ông Gavrilovitch qua Moscou yêu cầu duy trì nền Độc-Lập, Chủ Quyền và lãnh thổ. Nhưng sự đầu hàng vô điều kiện ngày 18-4-1941 đánh dấu sự chia sẻ lãnh thổ Nam-tư cho các nước Hung-gia-lợi, Albanie.

Nhưng một phần lớn quân đội thoát khỏi vòng vây của Đức quân, và các đơn vị cả thẳng quân Oustachis, đều qui tụ quanh Đại-tá Draja Mihailovitch, ẩn trú tại Roudnik (Sérbie) và cương quyết đương đầu cùng kẻ xâm lăng.

22-6-1941 Đức trở giáo đánh Nga. Tháng 7, tổ chức Cộng-sản lan tràn và củng cố địa thế. Kháng chiến quân Nam-tư gồm có phe Hoàng - gia do ông Mihailovitch cầm đầu và liên lạc với chánh phủ lưu vong tại Luân - đôn và phe Cộng-sản do Joseph Broz Tito lãnh đạo.

Tito là con thứ 7 của một gia đình nghèo tại xứ Zagorié. Sanh năm 1892 tháng 5 tại làng Croate tên là Kumrovetch. Tên thật là Josip Broz, Tito sống giữa một thung lũng bao bọc bởi những đồi rậm, núi cao đầy dẫy thành xưa lũy cũ, đền điện giáo đường, di tích của thời cổ La-mã, nhắc lại những thiên sử bi hùng tàn bạo của chiến tranh. Tổ tiên ông ta từ xứ Dalmatie di cư đến sinh sống tại đây đã từng dự vào cuộc dấy loạn chống các vị chúa ác đức Cesargrad, và đã nếm mùi sinh hoạt cộng đồng do một xứ trưởng Gospodar dân cử điều khiển. Các cộng đồng ấy tên là Zadrouga, cày cấy, gặt hái chung, đất đai chung.

Tito thuở nhỏ học trường làng, đã thấy những cảnh máu đổ xương tan, chứng kiến những vụ tàn bạo của quân xâm lăng Hung-gia-Lợi, trên đất nước mình. Tito cũng có đi nhà thờ, nhập vào đoàn hợp ca, nhớ tên cả ông Cha

sở : Vjekoslav Homostaritch, nhưng một hôm vì cởi chiếc áo lễ không được nên bị đánh mắng, từ đó về sau Tito không bao giờ đến nhà thờ nữa. Năm lên 15 tuổi đi học làm thợ khóa, tháng 10 năm 1910 nhập đảng Dân-Chủ Xã-Hội. Dự vào một cuộc tổng đình công ngày 1-5-1911. Trở thành thợ đúc kim khí, rồi động lòng viễn xứ, đi chu du qua các nước Âu - châu : Bohême, Áo, Đức, Hung. Năm 1913 trở về nước đi lính. Đánh trận Karpathes, bị thương năm 1915 và cầm tù. Vào nhà thương Sviashak gần Kazan bên bờ sông Volga. Tito bắt đầu học tiếng Nga và đọc Tolstoï, Tourgueniev và Kouprine. Bệnh tình, thuyên giảm, đầu quân vào Đội Quốc-Tế Cảnh-Bị, tìm hiểu Lénine và dự vào các cuộc bạo động phản đế tại Nga, Tito bị bắt và đưa qua các trại giam Koungour ở Sibérie, nhưng trốn thoát về ở Omsk thì cuộc Cách-Mạng Đỏ bùng nổ.

Trở về xứ năm 1920, bị bắt giam nhưng được phóng thích ngay, Tito lo tổ chức các tiểu tổ Cộng - sản trong nước, trong các xưởng đóng tàu bị nghỉ, và thất nghiệp, trở nên Thư Ký của Chi đoàn thợ Kim Khí ở Zagreb, hoạt động xã hội và bị cầm tù 1928. Trước tòa án, Tito tuyên bố : « Tôi chỉ có trách nhiệm với đảng Cộng-sản của tôi ! » Kết án 5 năm khổ sai, giam tại nhà tù Lepoglava, liền tổ chức tiểu tổ. Thuyên qua trại Maribov, gặp Kardolj, Tito được phóng thích vào năm 1933.

1934, Tito không thể đi lại nếu mang tên thật, nên phải dùng những bí danh : Gligoriyévitch, Zagorac, Tito muốn chọn tên Rudi, nhưng đã có người đội rồi, nên lấy danh tự Tito, cũng như Tito Brezovatski, một nhà văn trứ danh của xứ Zagorié vào cuối thế kỷ thứ XVIII hay một đại văn hào Croate : Père de Xavier Somdor Djaïski Tito.

1934, Tito trốn sang Nga, rồi phục dịch trong Phòng Thông-Tin Cộng-sản Đệ Tam (Kominform). Được cử làm thư ký tổ chức Ban Tham-Mưu Cộng-sản tại Nam-Tư, Tito đối chọi với Gorkitch. Tito nỗ lực tổ chức hệ thống xã hội tại nước mình, với lòng tin tưởng mãnh liệt vào Nga-sô. Chúng ta hãy nghe Tito nói :

« (Đối với tôi) Có một quốc gia hùng mạnh, dù xa lắc xa lơ, tại đó đã thể hiện cái lý tưởng vì đâu mà chúng tôi tranh đấu. Nga-sô đối với chúng tôi là Tổ-Quốc của thợ thuyền, tại đó cần lao có quyền được kính trọng, tại đó tình thân ái, bằng hữu và tánh liêm khiết đã cả thắng. Tôi lắng nghe giữa canh khuya hồi chuông của lầu điện Cẩm-linh báo hiệu giờ qua trên làn sóng điện của đài Phát Thanh Moscou ! »

Năm 1941, Tito bắt đầu lãnh đạo phong trào kháng chiến Nam-tư chống Đức. Thoạt tiên giữa Tito và Mihailovitch có một sự hợp tác chặt chẽ. Nhưng thời gian tranh đấu càng kéo dài, Tito càng lấn lướt. Mihailovitch chỉ chiếm một phần đất nhỏ, Tito càng bành trướng thế lực. Tuy Mihailovitch là Bộ Trưởng Quốc-Phòng, nhưng Tito là đại tướng. Mihailovitch tuy trung kiên, nhưng e dè, thiếu cương quyết, sợ phương hại đến sinh mệnh đồng bào (như cuộc tàn sát các học sinh trường Đại-Học Kragonye-

vatz và các giáo sư) không được ngoại bang ủng hộ cho lắm.

Tito trái lại được thanh niên ủng hộ nhiệt liệt, xúc tiến tổ chức, can đảm, không do dự, (tánh nầy ông đã tỏ ra nhiều lần), hoạt động, được cả Staline và Churchill ủng hộ.

Các miền được giải phóng là liền được tổ chức theo gương Nga-sô Ủy-ban phản đế, chống phát-xít và cứu quốc, hủy tiêu chế độ tiểu tư sản, huấn luyện nhân dân theo chủ nghĩa xã hội và tổ chức chính trị và kinh tế hậu phương. Lập ra những Ủy-ban hành chánh và nhất là Mặt-Trận Bình-Dân, gồm có các chi đoàn Thanh niên chống đế quốc. Mặt trận phản đế của Phụ-Nữ, dưới sự điều khiển của Đảng Cộng-sản Nam-tư. Ủy ban phản đế, chống phát-xít và cứu quốc (AVNOJ) giúp rất nhiều cho cuộc giải phóng Nam-tư khỏi ách đô hộ.

Sự đầu hàng của Ý giúp cho Nam-tư 15 sư đoàn chiến binh (8-9-43) khí giới, quân nhu, quân trang v. v. . . Đức phải kẹt ở Nam-tư 200.000 quân lính và chiến tranh du kích biến thành những cuộc tổng tấn công đại qui mô.

« Chúng ta phải đập tan nền tảng hệ thống tổ chức xã hội xưa cũ để xây dựng một hệ thống khác trên một nền tảng mới ! » (Tito).

Một chính phủ được thành lập để thay thế cho chính phủ lưu vong sau cuộc hội nghị thứ 2 của AVNOJ tại Jaitse (Bosnie), chế độ sẽ tùy dân lựa chọn. Hội nghị Téhéran và Yalta (Nov. 43 và 1/8-2-1945) Tito nắm lấy cơ hội căn cứ vào các điều khoản của các hiệp định tổ chức mau lẹ tổng tuyển cử để nhận sự giúp đỡ của các cường quốc bạn. Trong số 305 nghị sĩ chỉ chọn lọc được 23 vị, kỳ dư bị gán cho danh từ « hợp tác ». Nam-tư-gian và bị xử tử hoặc lưu đài ! Đồng thời sự liên lạc giữa phe Hoàng-gia và Cộng-sản bị gián đoạn. Hồng-Quân tràn qua Roumanie và Bulgarie. Belgrade phải được giải phóng do quân Nam-tư, Tito cố gắng đến trước quân Nga. Ngày 20-10-1944, Tito bắt tay đại tướng Tolboukin trước Belgrade. Mặt trận Đức tan rã ở Syrmie (12-4-45) Zagreb (8-5) Trieste 1-5 và 8-5 Nam-tư toàn thắng, ca khúc khải hoàn !

Tổng tuyển cử 11-11-1945, Mặt-trận Bình-dân chiếm 90% ghế. Hội Nghị Lập-Hiến họp ngày 29-11-1945 đã chấm dứt Triều-Đại Karageorgevitch.

Ông Djilas đã viết : « Bản hiến pháp của Liên-bang Cộng-Hòa Nam-tư biểu quyết ngày 15-1-1946, ban hành ngày 31 cùng tháng, đánh dấu trước hết mục đích và sự củng cố của chương trình cấu tạo trong thời chinh chiến, của những khẩu hiệu và lời thỉnh cầu của quần chúng đã nêu ra trong khi tranh đấu, và hơn nữa sự chế định rất dân chủ sẽ giúp cho nước Nam-tư tuần tự tiến bộ ! »

« Tất cả quyền hành đều do dân chỉ định và thuộc của dân ! » (điều 6) Liên-bang Cộng-Hòa Nam-tư phát sinh từ sự đoàn kết tự nguyện của tất cả các nòi giống chúng ta, căn cứ trên những nguyên tắc tự quyết và bình đẳng quyền lợi (E. Kardelj).

Liên-bang gồm có những nước Cộng hòa Dân Chủ : Serbie, Croatie, Slovénie, Bosnie, Herzégovine, Macédonie, Mon-

ténégro, các tỉnh tự trị Voïvodine, Kosoro và Méthohija. Rộng 256.589 cây số vuông và 17 triệu dân.

Một kế hoạch ngũ niên được vạch ra để giải thoát nước Nam-tư khỏi ảnh hưởng của các nước Tư Bản. Đạo luật 5-12-46 áp dụng những nguyên tắc xã hội và kinh tế đề cập trong bản hiến pháp : nguyên tắc khai thác tất cả các lực lượng kinh tế trong nước, quốc hữu hóa tất cả các ngành sản xuất, phòng ngự và bảo vệ sự bóc lột nhân lực, tăng gia hạnh phúc cho toàn dân nhất là thợ thuyền. Tất cả các ngành kinh tế đều chuyển giao lại Quốc Gia, Ngân Hàng, Mậu dịch, Kỹ nghệ, giao thông, Thương mãi. Một chế độ mậu dịch quốc gia và hợp tác xã được thành lập hủy tiêu ngành buôn lẻ. Tại các miền quê ngành sản xuất riêng tư được sát nhập vào hợp tác xã cộng đồng. Một hệ thống kinh tế xã hội thay thế hệ thống tư bản từ thôn quê đến tỉnh thành. Tất cả những tài sản của các nhà tiểu tư sản, địa chủ đều giao lại cho Quốc Gia không bồi thường. Tất cả những thành phần của giai cấp cũ bị cơ quan U.D.B.A. (thay thế OZNA) « UDB » = Uprava Dezavne Badbednesti = Văn Phòng an ninh quốc gia) quản thúc và biến mất lần lần.

Những biện pháp gắt gao chống lại những vụ đầu cơ, gian thương, phản động, chống đối lại trật tự mới. Họ bị gán cho danh từ « phá hoại kinh tế », « gián điệp cho các nước Tư Bản », « phản quốc », « thù chung của dân tộc và bị xử theo hình phạt tương đương ! »

Để cho kế hoạch ngũ niên tiến triển khả quan, đạo luật 28-4-48 hủy tiêu các xí nghiệp địa phương, quốc hữu hóa các tài sản của ngoại kiều, sát nhập nền kinh tế tư gia vào nền kinh tế chung điều khiển theo kế hoạch. « Thực hiện kế hoạch là bổn phận, danh dự của mỗi công dân, mỗi người phải thi hành đúng theo lương tâm nghề nghiệp và kỷ luật những trách vụ đã được giao phó cho họ. Tất cả các cơ quan và tất cả các tổ chức quốc gia, tất cả các nghiệp đoàn đều đặt nhân dân trong mọi công tác, phải xúc tiến năng xuất vượt mức. Mỗi công dân tình nguyện làm thêm vài giờ trong mỗi tuần để thực hiện gấp rút chương trình kiến thiết.

Trong lúc các công cuộc kiến thiết đang tiến hành thì đùng một cái ngày 28-6-1948 ; 4 tháng sau khi đảng Cộng-sản Tiệp-khắc vừa thắng lợi chính trị, phòng Thông Tin Cộng-sản Đệ Tam (Kominform) trụ sở đóng tại Belgrade từ 1946 công kích dữ dội tại Bucarest, chính sách của Tito., khai trừ Nam-tư ra khỏi Mặt Trận Dân Chủ và ra khỏi Kominform. Cộng-sản đệ tam chỉ trích nghiêm khắc kế hoạch ngũ niên của Tito, cho rằng khoác lác, trừu tượng, khó thực hiện, cấu tạo hấp tấp và thực hành lộn xộn, các tài sản tư hữu còn tồn tại như hệ thống koulak thuở trước, chính trị thì hẹp hòi, « quốc gia » mà Tito rất lấy làm hãnh diện đi sai đường lối, theo tà thuyết dị đoan. Ngay sau bài luận tội khốc liệt ấy, lần lượt các nước trong khối Nga-sô bắt đầu mở màn một trận chiến tranh lạnh : kinh tế, tuyên truyền, binh bị (Albanie).

Tito vẫn không nao núng, quay sang làm quen với khối Tự Do. Từ 1950 đến 1954, nhận viện trợ của Mỹ và Âu-Châu gần 400 triệu đô la và 300 triệu tiền vay mượn. Số vàng lưu ký tại Ngân hàng Quốc gia Huê-kỳ cũng được giải tỏa.

Trước những sự đe dọa, áp lực, tại sao Tito vẫn đứng vững và chế độ Tito vẫn tồn tại ?

(*còn tiếp*)

SONG-AN CƯ-SĨ
1958

✶ Người hay, ít nói ; người nông nổi, nhiều lời. (Dịch Kinh)

✶ Muốn bình tĩnh phải biết tiết độ. Người mệt mỏi, mất sức không bao giờ làm chủ được một tình thế khó khăn. Biết lượng sức và dành sức là cả một nghệ thuật khó khăn.

---

mắng tết kỷ-hợi

(Thân gởi những nhà đã cùng lận đận vì Tết 1959)

Tết « lợn » ! Vì mi khiến lắm người,
Điên đầu, tối mặt, toát mồ hôi...
Ngoài sân bọn Pháo căm hờn thét ;
Trong lọ nàng Mai ngạo nghễ cười !
Rát ruột, nến sôi hàng lệ ứa ;
Thiêu thân, nhang lịm mấy đầu rơi...
Bánh chưng, giò chả (1) : mỡ mi đó.
Hãy sớm chuồn ngay ! Thứ báo đời ! !

Trước bàn thờ giao thừa năm Chó — Heo

LÊ . THANH . THÁI

(1) Món ăn làm bằng thịt heo.

« TÔI ĐÓNG PHIM BÊN ANH »

HAY LÀ

« mang danh kịch sĩ một thời »

(tiếp theo B. K. số 51)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

Reeng...

— Ông Ca Hiện giờ đến phiên ông. Nhưng sân khấu E hơi xa sợ ông chưa quen đường. Chúng tôi sẽ cho người đến đón ông.

— Cám ơn. Tôi đợi tại đây.

5 phút sau có tiếng gõ cửa. Ông D.N. vào nhìn tôi mặc nhung phục sĩ quan Nhật rồi bảo :

« Chưa phải nhung phục thật mà đã thấy giống sĩ quan Nhật quá rồi. »

Từ lúc chuông điện thoại reo đến giờ, nước miếng đâu mà chảy đầy miệng tôi thế ? Tim tôi cứ đập lên từng hồi, trí ôn lại mấy câu đối thoại. Tôi thấy hơi bối rối hơn lúc trước khi vào phòng khảo thí, hay ra mắt khán giả trên một sân khấu. Nhưng tôi lại tự trấn tĩnh ngay, Dầu sao họ cũng nghĩ rằng tôi là kịch sĩ nhà nghề » thì phải cố gắng cho « danh bất hư truyền » chớ !

Trên sân khấu E, người ta tấp nập. Hôm nay là buổi quay thử để tìm người đóng các vai đào kép phụ nhưng cũng khá quan trọng. Ông J. L. đang điều khiển một xen để lựa một vai đào.

Phong cảnh : một túp nhà tranh như loại nhà tranh bên Mã lai. Hai cô đào đang đối đáp. Máy ảnh và máy thu thanh đang chạy. Mấy bóng đèn đỏ trong hậu trường cạnh bên chữ « Silence » (Im) làm tôi phập phòng, như nhắc tôi : « Rồi đến lượt anh nhé ».

— Cut off (1).

Ông J. L. tươi cười đến bắt tay hai cô đào chớp bóng rồi quay lại gọi ông D. N. phụ tá của ông. Ông D. N. chạy đến nói rằng anh M. T. và tôi đã đến. Ông J. L. ân cần bắt tay chào chúng tôi và hỏi thăm chúng tôi đi đường có bình yên chăng.

(1) Người Pháp thì nói : Coupez ! Ta có thể tạm dịch là *Thôi !* hoặc *Xong!*

— Chúng tôi sẽ quay thử ông Ca trước. Ông đã thuộc mấy câu đối thoại rồi chứ ? Ông Lee hỏi.

— Dạ thuộc.

— Trong xen đầu ông sẽ đóng vai một hạ sĩ quan trong cảnh binh đội đi điều tra ai ăn cắp gà của đại úy Sugaya.

Ông Lee nắm tay tôi đến giữa sân khấu và nói ông sẽ vô tại cửa này. Sau khi nói hai câu đầu ông đến đứng tại mức phấn A gạch sẵn. Rồi ông quay lại bên trái đến đứng tại mức B. hạch hỏi cô đào đóng vai Jean Paget mấy câu rồi nắm tay cô ấy giật mạnh. Cô ấy chúi nhủi. Ông quay mặt bên phải. Máy ảnh sẽ chụp mặt ông thật to (close shot) (1). Ông đi chậm đến mức phấn C. ông nhớ chưa ?. Cần nhất là ông phải đứng ngay mức phấn để máy ảnh trong lúc thụt lùi theo ông (travelling) vẫn chụp rõ khi ông đứng lại. Tôi dặn hờ thế chớ ông là nhà nghề hẳn biết rõ phải đóng thế nào.

— Xin ông yên tâm. Tôi sẽ làm theo lời ông.

Tuy nói thế, mà tôi đâm ra lo. Hồi đóng phim quảng cáo đâu có rắc rối thế. Nhưng dầu sao mình cũng phải cố gắng. Nhớ lại lúc nhỏ tôi thường ao ước một ngày kia được đóng phim, nay không nên bỏ lỡ dịp này. Đã từng ra hát trên sân khấu trước mấy ngàn khán giả, tôi không thấy khớp ». Mà hôm nay, lòng tôi sao hồi hợp thế.

Ông Lee chào tôi rồi bảo tôi đứng ngay mức A, cho họ thử đèn. Nhà nhiếp ảnh đến để cái máy đo ánh sáng trước mặt tôi rồi ra lệnh cho mấy anh thợ điện vặn đèn :

« Đèn số 12. Rọi ngay. Mở lớn thêm một chút nữa ! Thôi !

Đứng dưới ánh đèn rọi, tôi toát mồ hôi. Vì nóng mà cũng có phần vì lo.

— Xin ông đến đứng tại mức B một chút. Nhà nhiếp ảnh nói. Đèn số 16. Rọi xiên. Qua bên trái một chút. Mở lớn. Thêm chút nữa. Thôi.

Máy quay phim để trên một chiếc xe rùa lăn nhẹ trên hai đường sắt đang chĩa về phía tôi đứng. Sau máy, ông Lee và người quây phim đang bàn về lúc nào nên quay ảnh to (gros plan).

Ông D.N. ra giữa sân khấu hô to :

— Ring for rehearsal ! clear away ! dead quiet ! (Rung chuông để tập thử — Tránh chỗ khác — Im (2). Ông đạo diễn Lee ngồi cạnh máy nhiếp ảnh hô : « Action ! » (3) để ra lịnh bắt đầu. Các đèn đỏ trong hậu trường cháy lên — Đèn rọi trên sân khấu làm cho sân khấu sáng trưng. Tôi từ cửa bước vào, làm y như lời ông Lee dặn.

— Xin lỗi ông. Ông có thể đóng tuồng không mang kính trắng không ?

— Nếu cần cũng được.

— Ông chịu khó bỏ cặp kính và cau nét mặt hơn một tí.

— Ready ? (Sẵn sàng chưa ?) Action !

Tôi lập lại các câu đối thoại, diễn lại các điệu bộ và đứng đúng các mức phấn vạch sẵn.

---

(1) Tiếng Pháp là gros plan.

(2) Trong giới điện ảnh Pháp, trước khi tập tuồng người phụ tá đạo diễn hô ; « Mettez le rouge. Silence. » (Mở đen đỏ. Im).

(3) Người Pháp nói : « Partez » để ra lịnh cho kịch sĩ bắt đầu. Chữ action đọc là ắc-sơn.

— Được lắm rồi. Nhưng lúc ông nắm tay cô Paget xô cô té nhào, ông nhìn qua bên phải và đứng im như thế trong một phút. Chúng tôi muốn nhân dịp này chụp thử mặt ông đủ các phía :

Ông D.N. hô to :

— Ai không có phận sự trên sân khấu tránh chỗ khác.

— Im ! Lần này quay thật. »

Anh « Clap - man » (Kờ-lap-men) (1) cầm một tấm bảng đen có hai miếng : trên miếng nhỏ họ đề :

TEST FILM	Phim quay thử
Kempetai Sergeant (Mr. Ca)	Hạ sĩ quan cảnh binh đội (Ông Ca)

Trên miếng lớn họ đề :

Sc. 476.	Take : 1	Cảnh 472 —	Chụp lần thứ : 1
Director :	Lee	Đạo diễn :	Lee
Cameraman :	G. V.	Nhiếp ảnh :	G. V.

Anh đề tấm bảng trước máy ảnh và đợi. Ông Lee hô to : Turn over! (quay đi !)

Máy ảnh kêu xè xè. Ông kỹ sư điện nhận kèn báo hiệu rằng ông đã bắt đầu thu thanh. Anh Clap-man nói :

« Test Film. Mr. Ca Take one ».

(Phim quay thử. Ông Ca chụp lần thứ nhất). Anh đánh xẹp hai miếng gỗ vào nhau rồi chạy ra ngoài.

Ông Lee ra lệnh : « Action ! ».

Tôi đi vào, lập lại các câu đối thoại và diễn như mấy lần trước. Tuy bớt hồi hộp nhưng cứ diễn lại mãi một đoạn, tôi thấy bớt hứng.

— Cut off, (Thôi !) (2) Được lắm. Nhưng lúc cuối cùng khi cô Paget té xuống đất, ông quay về bên phải ; vẻ mặt vẫn còn giận.

Thật ra thì lúc tôi thấy mình xô cô đào té, lòng bất nhẫn, các xúc cảm thường hiện lên trên mặt nên ông Lee thấy rõ lúc ấy tôi không còn là một hạ sĩ quan trong cảnh binh đội mà là một người thấy một người khác té, tại mình mà không thể xin lỗi được, phải quây lại một lần nữa.

Sau ba lần quay, ông Lee có vẻ bằng lòng, đến nói với tôi : « Được lắm. Ông đóng tự nhiên. Ông thuộc lời đối thoại dầu chỉ mới học trong giây lát. Tôi chưa biết sẽ để ông đóng vai gì. Tôi muốn quay thử một cảnh khác trong đó ông đóng vai một đại úy. Lần nầy ông phải có bộ tịch đứng đắn hơn. Ông có thể mang kính trắng và nói tiếng Anh rành rẽ và ít có giọng Nhật hơn. Ông từ cửa bên trái bước vào, đi chậm đến trước đám tù binh và bảo họ đi bộ đến Kuala Lumpur (một tỉnh Mã-lai) rồi xây lưng đi. Ông nhớ nhé. Khoan thai. Đứng đắn. Có hơi phách một chút cũng được. Ông hiểu rồi chớ ?

— Dạ hiểu.

(1) Clap-man là người cầm tấm bảng đen có viết phấn để chụp trước khi quay một đoạn phim. Sau khi nói rõ quay cảnh nào, lần thứ mấy, người Clap-man dập hai miếng gỗ vào nhau nghe cái xạch để trong cuốn băng thâu thanh, nhờ tiếng xạch ấy mà người kỹ sư biết lúc nào bắt đầu có tiếng nói và tiếng động.

(1) Chữ cut off có nghĩa là cắt đi ! Người Pháp nói Coupez !

Đèn đỏ trong hậu trường đã cháy. Anh « Clap-man » ngồi trước máy ảnh và nói: Test Film. Captain Yamada. Mr CA Take one ! (Phim quay thử — Vai Đại-Úy Yamada. Ông Ca chụp lần thứ nhứt —).

Tôi chầm chậm đi đến toán người đóng vai tù binh, và diễn như lời ông Lee dặn. Bây giờ tôi đã quen với sức nóng của mấy bóng đèn rọi ngay vào mặt tôi. Tôi đã đến đứng ngay mức phấn vạch sẵn mà không bối rối và đèn đỏ trong hậu trường không còn làm cho nước miếng (nước bọt) chảy ra đầy miệng tôi như trước. Tôi không còn nghe tiếng xè xè của máy ảnh và tôi bắt đầu sống vai mình đang diễn.

Ông Lee bằng lòng lắm. Đến bắt tay tôi, ông nói: « Tôi còn quay thử mấy chục cảnh nữa. Tôi chưa biết sẽ để ông đóng vai nào. Đợi lúc rửa phim xong tôi sẽ quyết định và viết thơ cho ông biết sau. Ông đóng khá lắm. Ông học tuồng mau và trừ ra trường hợp có người nào đúng với các vai hơn ông tôi có lẽ sẽ nhờ ông đóng một vai. »

Tôi mừng quá. Mừng như người thí sinh vừa trúng tuyển. Nhưn lòng còn lo vì ông D.N. nói với tôi rằng hôm nay có mấy người Nhật đến đóng thử. Họ là người Nhật mà đóng vai Nhật nói tiếng Nhật và tiếng Anh thế nào không hơn mình. Nhưng dầu sao, được ông Lee khen thế tôi cũng thấy thỏa lòng, và trong lòng có một tia hi vọng.

(còn tiếp)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

★ Ít nói thường là dấu hiệu có ý chí mạnh và suy nghĩ sâu, nên ít nói thường khiến người ta kính trọng. Ba hoa hay làm giảm uy thế và bao giờ cũng làm mất tín nhiệm.

Chính sách của người quân tử

Dân có lỗi nhỏ, tất tìm điều hay mà thu thứ cho. Dân có tội lớn, tất phải tìm ra duyên cớ và đem điều nhân giúp cho cải hoá tội tình. Nếu mắc tội đáng chết, mà tìm cách cho sống là điều rất hay. Thế cho nên trên dưới thân mật mà không chia lìa, đạo hóa lưu thông mà không bế tắc. Mới hay, đức là cốt yếu của chính trị ; chính trị không được thuận hòa thì dân không được giáo hóa. Không được giáo hóa thì dân không chịu tập rèn. Dân không tập rèn thì không thể nào sai dùng được.

KHỔNG-TỬ GIA-NGỮ

PHẠM-LÊ-PHAN

NHỮNG TRANG NHẬT-KÝ

24-9-

LÁ thư của Ba tôi như một tiếng sét nổ ngang đầu. Lấy chồng ? — Trời ơi ! Tôi còn có thể lấy chồng được nữa ư ? Ba ơi, ba hãy thương con, cho con ở vậy đợi chờ cho trọn niềm trung thủy... con biết trả lời ba thế nào cho phải ? — Vâng, có thể là con sẽ không trả lời Ba, nhưng như vậy để ba coi như con đã bằng lòng ư ?...

Anh Nguyễn ơi ! giờ này anh ở đâu ? Anh còn sống hay đã chết ? Sao anh không về để em thú thật với ba ?... Không, Nguyễn ơi ! Nguyễn đừng quên em, em không tin rằng anh cũng tầm thường như những người khác. Còn em, em sẽ không bao giờ quên anh. Anh có thể không còn sống nữa, nhưng ở em, anh vẫn còn và mãi mãi yêu em...

Lá thư của ba tôi. Trời ! Tôi nghĩ nhiều... nghĩ nhiều... nghĩ đến bao giờ ?...

Hôm qua đồng bào vượt tuyến vào nhiều quá, vẫn không có anh. Anh còn không Nguyễn ơi !... Tôi lấy ảnh Nguyễn ra xem ! vẫn nụ cười ngày xưa, vẫn gương mặt cương quyết cũ, nghị lực như dồn lên ánh mắt. Tôi nhớ một lần tôi bảo anh :

— Trông mắt anh em sợ quá...

Nguyễn giễu lại :

— Anh cũng thế, trông má em, anh... thèm quá !

Sao em ghét anh thế hả Nguyễn ?...

*

28-9-

Lại một lá thư của thằng Phụng — em trai tôi — thằng này dốc chứng ra lém quá : nó dám tán dương Thiết —

anh chàng định hỏi tôi — trong thư. Nào những sĩ quan trẻ tuổi, đẹp trai, lịch duyệt, học thức và... nhiều nữa, cái gì cũng hay, cũng tốt cả. Tôi biết hết rồi : anh nào đến nhà một cô gái mình định hỏi làm vợ mà lại lấc cấc như quân ăn cướp. Ít nữa rồi xem, lại còn hơn qui sống !...

Nhưng... nghĩ làm gì nhỉ, người ta có can hệ gì đến mình đâu ? Đến ghét cái thằng nớm Phụng, nó nhắc lại lời ba tôi : « Nếu trong vòng một tháng chị không trả lời dứt khoát, ba sẽ mặc nhiên coi như chị đã bằng lòng ». Trời ơi, có ai hiểu lòng tôi đâu ? Chỉ có Nguyễn, nhưng anh ơi, sao lúc này anh không gần em ? Xa nhau mấy năm rồi Nguyễn nhỉ ? — Ba năm hay 9, 10 năm ? Anh bảo vẫn yêu em, sao anh không vào Nam ? Còn ba mươi ngày nữa, em sẽ phải tự quyết định lấy cuộc đời : em sẽ chờ anh hoặc lấy chồng ? Hôm nay là hai mươi tám rồi, chỉ còn hai mươi sáu ngày nữa thôi Nguyễn ơi !...

Tôi cần phải ra phố hoặc đi biển để mượn những ngột ngạt của đô thị hay những thét gào của sóng đại-dương để vùi lấy những ám ảnh nặng nề, những ý nghĩ hầu như không lối thoát !...

★

29-9.

Không ngờ hôm nay tôi lại gặp anh Tăng, tôi hỏi anh về Nguyễn, anh hơi bối rối một chút, tôi biết anh sắp nói dối — mà có lẽ anh nói thật cũng nên — anh bảo :

— Nguyễn vẫn vui vẻ và... nhắc tới chị luôn. Hôm tôi trốn Nguyễn không gặp nên không kịp nhắn chị điều gì.

Tôi hỏi Tăng về những hoạt động hiện tại của Nguyễn anh đáp :

— Nguyễn hiện là một cán bộ Văn Nghệ khu IV, hơi nghèo, nhưng vẫn giữ được phong độ xưa...

Tôi cố tin lời anh Tăng là đúng, nhưng không hiểu sao tất cả những ý nghĩ của tôi đều trái ngược.

★

Tôi đang viết dở lá thư hỏi ý kiến một người chuyên gỡ mối tơ lòng trong một tuần báo ở Sàigòn thì Yến — con gái cô tôi — vào. Có lẽ lúc ấy trông tôi hoảng hốt lắm nên Yến hỏi :

— Chị làm sao thế ?

— Không, chị có làm sao đâu...

Yến buồn buồn :

— Em xem như mấy hôm nay chị buồn lắm ! Có chuyện gì khó nghĩ sao chị Phương nỡ dấu em ?

Tôi biết, nếu nói thật chuyện mình với Yến cũng chẳng ích gì, vì Yến còn nhỏ tuổi đã biết gì đâu ? Nhưng, tôi mâu thuẫn với ý nghĩ, yếu đuối trước vấn đề và tôi đã nói hết. Nghe xong, Yến yên lặng giờ lâu, tôi hỏi :

— Yến nghĩ thế nào ?

Mắt Yến vẫn xa xôi.

— Rắc rối quá nhỉ ? Em thì em nghĩ rằng anh Nguyễn sẽ chả bao giờ vào Nam nữa mà chị thì cứ chờ... chờ đến bao giờ ? Em sợ anh Nguyễn sẽ quên chị.

Sự thật tôi không hiểu Yến định nói gì, nhưng vẫn đáp :

— Chị không tin như vậy Yến ạ. Chị yêu Nguyễn vì anh ấy khác những thanh

niên thời đại bây giờ : Nguyễn thẳng thắn, cương quyết và nhiều nghị lực phấn đấu, Nguyễn không bị cám dỗ bởi những thường tình. Nguyễn ở lại là để theo đuổi chí hướng, chí hướng của Nguyễn rộng lớn quá, lý tưởng quá mà chị lại quá vụng về nên mới để mất Nguyễn. Phải, chị đã mất Nguyễn hay chính anh sẽ mất chị Yến nhỉ ?

Yến không đáp mà cũng không hỏi gì, đôi mắt hơi xa xôi, nó lẽ Yến đang nghĩ đến hoàn cảnh tôi, tìm hộ tôi một lối thoát. Nhưng Yến còn ít tuổi quá ! tôi lại thất vọng.

*

Nguyễn ơi, chiều nay em sẽ đi biển một mình, em không đi tắm, cũng không phải đi ngắm cảnh, em đi để tìm một giải pháp thích ứng với hoàn cảnh. Nhưng, có lẽ em sẽ không đi nữa cũng nên, vì em sợ Nguyễn ghen với những người em gặp những cảnh em ngắm... Sao Nguyễn lại hay ghen thế hả Nguyễn ? Bây giờ thì anh ghen ai ?

Tôi nhớ một hôm Nguyễn bảo tôi bằng một giọng khôi hài :

— Điều kiện cần và đủ để anh có thể sống hạnh phúc được là phải đạt được lý tưởng và... yêu em.

Nhưng bây giờ anh vẫn chưa đạt được lý tưởng và chắc đâu còn...

Em xin Nguyễn tha thứ cho em, vì em đã nghi ngờ lòng Nguyễn... Không, Nguyễn vẫn còn yêu em, Nguyễn nhé ! Nguyễn hãy ngỏ một lời tha thứ cho em đi, anh không cần phải nói mà chỉ cần... hôn em một cái thật kêu là đủ... À, Nguyễn nhớ đừng đưa điều kiện cần và đủ ra với người khác đấy nhé ! Em sẽ bắt đền cho mà xem... em nói thật đấy !

*

30-9.

Tôi nhận thấy cần phải đi biển lắm rồi. Chiều nay tôi sẽ đi với Yến và Tuyết — một đồng nghiệp vui tính nhất của tư thục T.H. — một Yến ngây thơ và một Tuyết vui nhộn thế cũng đủ cho cuộc đi chơi hào hứng lắm rồi ! Tôi ước gì tôi sẽ là Tuyết hay Yến, bây giờ lòng tôi cần cỗi nhiều quá ! mất mát nhiều quá ! ô hay, sao tôi lại có ý nghĩ trốn tránh chính bản thân mình thế nhỉ ? Tôi muốn tôi không là tôi mà tôi phải là người khác. Những ngày sống gần Nguyễn, có bao giờ tôi nghĩ thế đâu. Nguyễn chiều tôi quá chăng ? Tôi yêu Nguyễn quá chăng ? — Có lẽ vì... cả hai.

Anh hiệu trưởng đến tìm tôi để hỏi ý kiến về việc tổ chức liên hoan cho nhà trường, tôi không có sáng kiến gì. Lúc anh ra về, nhìn nét mặt lo lắng của anh, không hiểu sao tôi lại hứa sẽ hát một bài buồn và ngâm một bài thơ... không vui. Anh hiệu trưởng phân vân một lát nhưng không nói gì rồi ra về.

Cô tôi hỏi :

— Ai đấy cháu ?

— Thưa cô, anh hiệu trưởng trường cháu.

Bỗng cô tôi cười, Yến cũng cười theo...

Tôi đi biển về không có gì đáng nói. Hôm nay Tuyết mới nhận thấy tôi buồn. Tuyết có bao giờ buồn đâu, Tuyết có phải là tôi đâu, Tuyết chưa hề đau khổ mà. Tuyết còn kể cho tôi nghe một giấc mộng khá buồn cười :

— Tuyết mơ Tuyết có cánh và bay lên không trung. Những đám mây dựng lên tắm mình trong nắng, lùi dần về phía sau, nhởn nhơ quanh mình Tuyết, Tuyết có cảm tưởng như những nàng tiên đang say sưa vũ điệu Nghê-Thường. Tuyết nhìn xuống mặt đất, sau một màu mây nhẹ, hình ảnh những trái núi nhấp nhô như gò đống, nắng rọi nghiêng một phía làm một nửa trắng, một nửa đen. Ánh nắng chiều nhạt màu hoa lý dải xuống cánh đồng, những thửa ruộng nối tiếp nhau vuông vắn như những ô bàn cờ. Tuyết trông rõ từng cánh cò trắng sải vội về suôi...

Tuyết cứ bay mãi, bay ra Thái-bình-Dương nhìn nước mênh mông xanh ngắt một màu, từng đợt sóng bạc đầu nhô lên, đuổi nhau dạt về một phía, Tuyết liên tưởng đến một bãi cát ven bể, sóng sẽ trườn lên và cuốn theo cả những con cáy mà Tuyết thường đuổi mãi không bắt được.. Vài con chim biển bay lượn bên dưới, thỉnh thoảng lại nhào xuống mặt nước như để bắt mồi. Đàn cá chim bay loang loáng trong nắng chiều trải ra mông lung của đại dương.

Tuyết cứ bay mãi, bay mãi cho tới khi nhìn về hướng tây, mặt trời đã gần lặn xuống đáy nước. Những cây mây dựng lên che khuất mặt trời, ánh sáng tỏa ra chung quanh đám mây làm thành một đường viền nạm ngọc kim cương... Dăm chiếc giải quạt màu xanh in trên nền đỏ của da trời, vắt cong cong mãi tận phía đông.

Bỗng nhiên, mây mù lên xám ngắt khung trời... một tia chớp lòe lên ở phía đông. Mặt trời lặn sâu dưới đáy nước, không gian ngả sang mầu tím. Mặt biển bắt đầu phẫn nộ trước cuồng phong. Gió thổi ngược chiều bay của Tuyết, Tuyết tối xám cả mặt mũi không định ra phương hướng nữa, Tuyết cứ bay bừa cho đến khi trời bắt đầu mưa, cánh ướt và nặng chình chịch, Tuyết rã rời cả 2 cánh,... rét run lên bần bật và... rơi tùm xuống nước. Tuyết sợ quá, hét lên !...

Cả nhà hoảng hốt chạy sang phòng Tuyết hỏi rối rít, Tuyết phải nói dối là mơ dùa với chị em...

Nghe xong, tôi suy nghĩ mông lung, Yến hỏi :

— Thế chị Tuyết có gặp bà tiên nào không ?

Tôi mỉm cười, Tuyết lắc đầu, Yến tiếp :

— Thích nhỉ, ước gì em cũng mơ như chị, nhưng phải gặp bà tiên cơ mới thú.

Tôi ngồi trên cát mịn nhìn chiều về, tôi nghĩ đến ông Kha-luân-Bố đã vượt trùng dương mênh mông vô tận để tìm ra tân thế giới. Tôi nghĩ đến đồng bào vượt tuyến, cầm chắc cái chết trong tay mà vẫn đi. Tôi đã nghe một cụ già nói khi vừa lên bến :

— Thà chết trong bụng cá còn sướng hơn phải chết trong lò lửa cộng sản !

Tôi rùng mình và lại nghĩ đến Nguyễn...

Yến và Tuyết tung tăng đuổi cáy và nhặt ốc, rồi lại rủ tôi bốc cát ướt làm núi non bộ. Tôi mỉm cười từ chối, Tuyết bắt đầu nhận thấy tôi buồn...

*

2-10-

Điện tín của ba tôi « đầu tháng 10 Phụng sẽ ra chơi ». Hẳn ba tôi lại cho thằng Phụng ra để dò xét công việc của

tôi ở ngoài này ? Sự im lặng của tôi đã làm cho ba tôi nghi ngờ... nhưng tôi biết viết gì ? Trả lời ba tôi làm sao cho phải ? Tôi hiểu lòng ba tôi thương tôi lắm ! Nhưng ba tôi nào hiểu nổi lòng tôi...

Thằng Phụng lại ra đề phá sự yên lặng của tôi, trêu con Yến suốt ngày. Sao tôi ghét cái tính kẻ cướp của nó quá ! Cái bộ nó thì điều tra làm sao.

Đến ba tôi còn không hiểu lược tôi nữa là...

Chỉ có Nguyễn, nhưng anh xa tôi lâu quá rồi, thời gian sẽ làm lòng anh thay đổi hết. Nguyễn ơi ! cuộc sống bên ấy sẽ giết chết lòng yêu của anh đối với em... Nguyễn ơi...

Gió hôm nay lạnh quá, trời như sắp vào thu... tôi nhớ những chiều đi với Nguyễn ở hồ Gươm, nhìn hàng liễu rủ, tháp Rùa chơi vơi... Nguyễn nhìn tôi cười bâng khuâng.

— Em có nhận thấy gì không ?

Tôi đáp ngây thơ :

— Em nhận thấy em yêu Nguyễn hơn và Hà-nội sẽ còn mãi mãi trong lòng chúng ta với những kỷ niệm gần gũi.

Nguyễn cười thành tiếng và nói lớn :

— Phương của anh ngây thơ quá. Em hãy nhìn Hà-nội với một con mắt khác. Em nên nhớ, nơi đây, trái tim của V.N. đã trải qua bao triều đại hùng cường : từ Cổ-loa, Long-biên, Liên-lâu, Đại-la, Thăng-long rồi Hà-nội, vàng son dân tộc đã kết tinh lại ở đây. Sống giữa một nơi tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc, con người đâu có quyền vị kỷ, nhất là những thanh niên.

Em tưởng Hà-nội đẹp lắm ư ? Cái đẹp hào nháng bề ngoài này đã chôn vùi bao kiếp sống, nó ẩn tàng những gì đồi tụng, sa đọa nhất của một thời nhiễu nhương. Em có thấy không : hàng ngày biết bao nhiêu vụ tự tử : hết nhảy xuống hồ Tây, sông Hồng-hà, bây giờ đến uống pháo xiết, salisilate de méthyle ! Rồi đây không hiểu còn con đường nào đi đến cái chết êm ái hơn đối với những người vô lý tưởng của thời đại này không ?

Một số trí thức theo đóm ăn tàn, nịnh hót bợ đỡ lũ xâm lăng da trắng mưu cầu vinh thân phì gia ; một số ăn chơi trụy lạc, coi cái chết vì tình là một lý tưởng. Học đòi văn minh vật chất tẩy phương xô ngã cả thuần phong mỹ tục, chà đạp lên luân lý Á-đông !

Nguyễn còn nói nhiều... nhiều lắm, tôi không nhớ hết từng câu, nhưng chung quy cũng chỉ là những hằn học bất mãn trước cuộc sống. Tôi sợ rằng Nguyễn sẽ thoát ly.

Nhưng Nguyễn không đi, anh còn ràng buộc giữa tôi và gia đình anh, anh còn đợi thời...

Hiệp định Genève ký kết, tôi ra đi. Anh hứa với tôi sẽ vào Nam sau, nhưng anh đã ở lại. Bây giờ thì chắc đâu anh còn giữ được những tiết tháo của một tâm hồn sống thẳng thắn, anh sẽ thành một dụng cụ sản xuất. Những hằn học bất mãn sẽ không có dịp thể hiện được nữa, dù cuộc sống hiện tại của anh — tôi biết — chẳng tốt đẹp gì !

★

5-10-

Mấy hôm nay tôi bị mệt, phải nghỉ dậy học, cô tôi và Yến thay nhau săn sóc tôi suốt ngày đêm. Tuyết và anh Hiệu Trưởng cũng ghé lại thăm và an ủi tôi rất nhiều. Bao nhiêu người chung quanh âu yếm, thương yêu tôi, sao tôi vẫn cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo. Nội tâm đã là một hoang địa thì ngoại cảnh dù có là vàng son đi nữa cũng không ảnh hưởng gì.

Yến và Tuyết nói chuyện với tôi lâu lắm, Yến bo cam cho tôi bị đứt tay, tôi nhắm mắt lại không dám nhìn. Tuyết tưởng tôi sợ máu phải hàn vội cho Yến. Nhưng nào tôi có sợ máu, tôi sợ phải nhớ lại kỷ niệm : một lần tôi cũng bổ cam cho Nguyễn và tôi cũng bị đứt tay, Nguyễn vội cầm ngón tay tôi đưa vào miệng ngậm cho cầm máu. Tôi ngả đầu vào ngực anh vừa hồi hợp vừa sung sướng. Nguyễn hỏi :

— Em có đau lắm không ?

Tôi nũng nịu :

— Cắt cam cho anh xơi thì dù cụt tay em cũng chẳng đau. Nguyễn mỉm cười vuốt nhẹ lên má tôi.

Và hôm nay tôi cũng hỏi Yến một câu như thế, Yến cũng trả lời một câu tương tự. Tuyết cười, tôi cũng gượng cười để che lấp đắng cay...

*

Tờ báo ở Sàigòn trả lời tôi trong mục « gỡ mối tơ lòng » :

« Cô Phương — Đà-nẵng —

Quên hay nhớ, lấy chồng hay chờ đợi hoàn toàn do cô quyết định, lúc nào vai chủ động cũng là cô. Tuy nhiên, chúng tôi cũng thành thực khuyên cô nên... quên đi. Chúng tôi không nghi ngờ lòng cô, nhưng lòng đời, tình trai thời nay, khó mà tồn tại được với thời gian. Nhất là Nguyễn lại sống giữa một nơi mà người ta chủ trương bóp chết mọi tình cảm con người. »

Họ khuyên tôi nên bỏ Nguyễn ư ? Thì ra họ đều như nhau cả ! Nhưng tôi có thể quên được Nguyễn không ? Nguyễn ơi, họ đang xui em phụ bạc anh đây, nhưng làm sao em có thể quên được anh, hả Nguyễn ?

— Thưa chị, học trò chị muốn vào thăm. Nghe Yến nói, tôi vội gấp tờ báo, dựa lưng vào thành giường, cặp vội lại mớ tóc. Tôi muốn có một chiếc gương để soi mặt, nhưng cô tôi bắt kiêng. Tôi hỏi Yến :

— Mặt chị có bần không ?

— Không ạ !...

— Em vắt hộ màn lên cho chị, rồi ra bảo các cô ấy vào đây.

Trân, Hà, Hạnh, Trinh, Oanh và... nhiều nữa...

— Cô ạ !

— Cô ạ...

Tôi ôm Tâm vào lòng, 2 tay véo má Oanh và Trinh...

— Chúng em được tin cô mệt, hôm nay tổ chức lại thăm cô.

— Cám ơn các em, cô mệt thường thôi, mấy hôm nữa cô lại đến trường được.

Hà khoe với tôi đã giải được bài toán, Miên phàn nàn bài luận khó. Tôi hỏi học trò :

— Nhà trường sắp tổ chức liên hoan đấy, có cô nào ghi tên tham dự không ?

Minh, cô bé diện nhất lớp, vui mừng hiện lên nét mặt.

— Chúng em định múa mấy bài, nhưng cô phải tập như độ trước mới được, để nguyên chúng em cả nó làm sao ấy ! Chúng em đã tập mấy buổi rồi mà thày Vọng và ban nhạc vẫn còn cười.

Tôi hứa vài hôm nữa đi dậy lại và nhất định sẽ cố gắng phụ trách việc múa tiên cho lớp. Hân hoan hiện rõ trên những gương mặt vô tư. Lòng tôi ấm lại...

Yến vào mời tất cả học trò tôi sang phòng khách, tôi cũng gương dậy theo sang, Yến đã mở mấy hộp bánh và mua đồ giải khát từ bao giờ...

★

9-10-

Hôm nay tôi đã đi dậy được, học trò mừng tíu tít, an ủi nhiều quá. Tôi muốn ôm tất cả học trò vào lòng, hôn cho mỗi cô một cái. Em này dành xách cặp, em kia dành cất nón ; các em túm lấy, vây lấy tôi reo hò ầm ĩ... Anh hiệu trưởng cũng vui lây. Anh Vọng bảo tôi :

— Hình như chị còn yếu thì phải ?

— Vâng, có lẽ thế anh ạ ! Nhưng xa các em một ngày là nhớ một ngày. Cô tôi cũng chưa muốn cho tôi đi, song nhớ học trò quá ! Vả lại ở nhà mãi đâm ra nghĩ quẩn chỉ thêm buồn.., mà hiện nay thì nhiệm vụ không cho phép mình buồn. Bổn phận giáo dục cho cả một thế hệ sau này còn đòi hỏi ở mình nhiều khả năng và thiện chí...

Ô hay, không hiểu tại sao hôm nay tôi lại nói nhiều và nói hay đến thế ? Tôi đã tìm thấy một nguồn an ủi trong công việc giáo dục cho bọn trẻ, sao tôi vẫn cảm thấy lòng trống lạnh ? Mấy mươi tấm lòng vẫn không đủ ấp ủ lòng tôi ư ? Cả những gì vui tươi đẹp đẽ nhất tôi đều được hưởng trong hàng mấy chục tâm hồn lưu luyến, mến yêu vẫn chưa đủ để tôi tìm được một cửa đời rực rỡ để đi vào hay sao ?

Anh hiệu trưởng bảo tôi còn xanh quá.

Tuyết tâm sự với tôi trong giờ ra chơi của học trò, có lẽ Tuyết chưa dám thú thực với chính lòng nàng về chuyện Dự, tôi cũng khuyên Tuyết nên xét kỹ lại lòng, nhưng theo tôi hiểu thì Tuyết vẫn chạy theo tình cảm. Thế là hết, Tuyết sẽ hết ngây thơ nhí nhảnh ; Tuyết sẽ không còn vui nhộn nữa từ nay... Dự cũng là người tốt. Nếu... cũng xứng đôi.

Sao người ta tìm được những cảnh xứng hợp thế, mà tôi và Nguyễn lại xa tôi quá ? Xa nhau cả từ thể xác đến tâm hồn ! Nhưng sao Nguyễn vẫn còn yêu được em ? Trong khi anh có những ý tưởng vị tha mà em toàn vị kỷ ?

Em sẽ mất Nguyễn ư ? Nguyễn sẽ khinh rẻ em, Nguyễn sẽ không có quyền yêu em nữa ! Người ta sẽ bóp chết tình cảm của anh ; người ta sẽ xóa nhòa hình ảnh em trong tim anh, Nguyễn ơi !...

Đừng bao giờ quên em Nguyễn nhé. Dù cuộc đời có khe khắt đến đâu em cũng chờ anh. Nguyễn ơi, đừng hất hủi em tội nghiệp !

★

Trời ơi ! Tôi đã gặp Nguyễn trong giấc ngủ trưa : Thân hình anh nhầy nhụa những máu. Làm sao thế Nguyễn ơi ! Anh nhìn tôi yên lặng hàng giờ, mớ tóc rối xõa xuống che lấp đôi mắt sâu thăm thẳm ; Nguyễn nhìn tôi hằn học lắm ! Em có làm gì đâu, Nguyễn ơi ! Em vẫn chờ anh, yêu anh tha thiết như ngày nào... Hay Nguyễn muốn báo trước cho em một điều gì ? Trời ơi ! Nguyễn tiều tụy quá ! Tôi nhận ra anh nhờ đôi mắt, nhưng đôi mắt anh nhìn tôi sắc và nhọn như một lưỡi dao lách mạnh vào tim...

Nguyễn ơi ! Em tin đó chỉ là giấc mơ, chỉ là giấc mơ. Sự thực anh vẫn khỏe mạnh và sắp vào đây với em. Nguyễn ơi ! Đừng bỏ em tội nghiệp ! Em vẫn yêu và chờ đợi Nguyễn đây.

Nguyễn không nói với tôi một lời nào, mà chỉ nhìn tôi trừng trừng trong giấc mơ... Em sợ cái nhìn của Nguyễn quá, tại sao thế hả anh ? Phương có tội gì đâu ? Phương vẫn yêu anh tha thiết như ngày nào mà... Sao anh không nói với em một lời nào hả Nguyễn ? Anh giận em rồi sao ?...

Đau đớn quá Nguyễn ơi ! Bao giờ gặp anh em sẽ kể cho anh nghe những mỏi mòn này !...

★

10-10-

Thằng Phụng và Thiết ra chơi, à, thì ra đó là một dụng ý của ba tôi, một công việc đã được sắp đặt từ trước. Ba tôi định lung lạc tôi chăng ? Thằng Phụng không nói gì, nhưng tôi cũng thừa hiểu. Bề ngoài tôi vẫn làm ra bộ hài lòng cho vui cửa vui nhà... Hình như đã có một sự sắp đặt từ trước ; tôi thấy Yến cũng vui như cô tôi, như Phụng...

Tôi không muốn tiếp Thiết, nhưng phải tuân lời ba tôi. Thiết cũng khá, tôi công nhận điều đó khi Thiết mới vào đề câu chuyện. Thiết nói nhiều, Phụng cũng nói nhiều, tôi không có ý kiến gì nên chỉ vâng dạ cho qua.

Thiết còn nghỉ phép mười hôm nữa, anh chàng có nhã ý mời tôi đi Huế chơi, nếu có thể dẻ cả Phụng và Yến theo. Tôi lấy cớ bận đi dậy và Yến cũng bận đi học để Phụng đi với Thiết ra Huế.

Nhưng trước khi Thiết đi Huế, tôi không muốn kéo dài tình trạng ấm ức, sẽ gây cho Thiết một sự hiểu lầm về tôi. Có thể Thiết và Phụng sẽ tưởng tôi bằng lòng cũng nên...

Thẳng thắn mà nhận định : Thiết cũng chẳng đến nỗi nào ; anh chàng cũng có thể gọi là đẹp trai, có duyên, lịch duyệt, học thức lại là một sĩ quan. Thiết có tướng một nghệ sĩ hơn là một chiến sĩ. Nhưng lòng tôi đã chót trao cho Nguyễn mất rồi, làm thế nào bây giờ ? Tôi không thể quên được Nguyễn, tôi phải nói rõ điều đó với Thiết. Tôi sẽ cố thanh minh rằng tôi không khinh Thiết, Thiết hiểu nhiều hẳn anh cũng cảm thông những nỗi khổ tâm của tôi.

Làm như vậy, tôi biết rằng Ba tôi, Cô tôi và Phụng, Yến không bằng lòng. Nhưng rồi mọi người sẽ hiểu tôi...

★

Tôi vẫn định nói hết với Thiết, nhưng một buổi đi chơi tôi vẫn không nói được gì. Tôi vẫn gọi Thiết bằng ông và xưng tôi, Thiết gọi tên tôi và cũng xưng tên lại.

Ngăn cách nhiều quá, dù hôm nay tôi và Thiết đi gần nhau hàng giờ .

Quả đúng như sự nhận xét của tôi : Thiết có tâm hồn một nghệ sĩ, hơn là một chiến sĩ. Anh mơ mộng nhiều, anh nói toàn những chuyện bâng quơ...

Tôi sợ tình trạng ngập ngừng này kéo dài, Thiết và gia đình tôi sẽ xem như tôi đã bằng lòng. Tôi đã để Thiết đi Huế mất, họ sẽ bàn tán về tôi nhiều lắm ! Họ không thể nào hiểu được tâm sự thầm kín của tôi...

Mấy hôm nữa Thiết về, tôi phải đủ can đảm để nói hết, mong Thiết hiểu rõ sự thật mà thương tôi (tôi không cần xin) hơn là Thiết yêu tôi. Tôi không muốn để Thiết khổ vì tôi, tôi không thể nào quên được Nguyễn...

★

Đêm nay tôi thao thức khó ngủ, bao nhiêu bài vở vẫn chưa soạn, chưa chấm được. Tôi muốn viết một cái gì, muốn làm một việc gì rất lâu, rất tỉ mỉ. Nhưng nghĩ thế rồi lại thôi. Tôi vẫn ngồi phân tích lòng mình, tôi vẫn suy nghĩ mông lung...

Những hình bóng cũ, những kỷ niệm xưa cứ chầm chậm hiện về trong tâm trí, rõ ràng như mới hôm qua... Tôi vẫn ngồi yên mặc cho những ray rứt, cuồng loạn vò xé tâm hồn ! Tôi cũng không biết tôi đã nghĩ những gì, tìm được những gì trong yên lặng ?

— Nhớ Nguyễn, phải tôi đang nhớ Nguyễn, có một cái gì như thắt tim tôi lại và dâng lên nghèn nghẹn ở cổ họng. Tôi muốn khóc thật nhiều cho vợi bớt nhưng đau thương, nhưng tôi không thể nào khóc được, nước mắt không trào ra, nhưng tim tôi hẳn đã đầm nước mắt và lòng tôi đang khóc nhiều... khóc nhiều...

Nguyễn ơi, sao em yếu đuối quá ! Ngày xưa anh vẫn khuyên em đừng bao giờ buồn khổ cả, em cũng đã hứa với Nguyễn rằng em sẽ vâng lời anh. Độ ấy còn gần anh em buồn làm sao được, dù có buồn chăng nữa, cũng chỉ là những nỗi buồn thoáng qua, rồi nghĩ đến anh, lòng em dịu lại... lắng xuống và vui tươi lên...

Nhưng bây giờ Nguyễn đã xa em, cả một khung trời trống rỗng ; cả một tấm lòng hoang lạnh, em vui làm sao được ? Đau thương nhiều quá ; đay nghiến, ray rứt nhiều quá ! Làm sao được Nguyễn ơi ! Anh hãy cho phép em được nghĩ đến anh, được khóc vì thương nhớ anh. Nguyễn hãy cho em sống trọn vẹn cho anh vào những giờ này...

Có lẽ thấy tôi thức khuya quá, Yến vào hỏi :

— Chị Phương làm gì mà thức khuya thế ?

Tôi gượng cười nói lảng :

— Chị đang định hỏi em câu ấy.

Có lẽ Yến cũng biết tôi nói dối, nàng mỉm cười ngồi đối diện với tôi. Một lát, Yến rủ tôi :

— Chủ nhật này đi non nước chụp ít hình đi chị Phương.

— Ừ, tôi đáp lửng lờ, em để chị nghĩ từ nay đến chủ nhật sẽ trả lời em...

Yến lại yên lặng suy nghĩ những gì... tôi không hiểu...

★

15-10

Thế cũng xong, tôi đã nói hết với Thiết những ý nghĩ sắp đặt từ mấy ngày nay. Thiết hơi buồn, cái buồn của một nghệ sĩ nhè nhẹ mà ray rứt ; tôi biết vậy, nhưng Thiết còn một con người chiến sĩ bên trong. Anh sẽ quên tôi trong phận sự. Và chăng giữa tôi và Thiết chưa có gì dáng để cho Thiết đau khổ cả, có chăng cũng như trăm ngàn cái buồn khác của một tâm hồn đa cảm, tôi tin rằng Thiết sẽ không đau khổ về chuyện này.

Nhưng dù sao, tôi cũng ân hận đôi chút : cũng vì tôi yếu đuối trước vấn đề nên mới ra nông nỗi : nếu tôi cương quyết với gia đình ngay từ đầu, Thiết sẽ không bao giờ nghĩ đến tôi nữa và, dĩ nhiên, anh không buồn như bây giờ.

Tôi tự hứa ngày mai sẽ tiễn Thiết ra phi trường, dù sao tôi cũng không muốn Thiết có ấn tượng xấu đối với tôi. Tôi cũng bắt Phụng phải về lại Sàigòn, còn học hành nữa chứ...

*

Anh Tăng tìm gặp tôi, hình như anh muốn nói với tôi một chuyện gì, nhưng anh lại ngập ngừng. Tôi hỏi :

— Anh có chuyện gì cần gặp Phương ?

Tăng vẫn ngần ngại. Tôi linh cảm đã có một chuyện gì không may sảy ra cho tôi...

... Trời ơi ! Thì ra Nguyễn đã vào đây... anh có ý tìm gặp tôi, nhưng anh không thèm gặp nữa, vì Nguyễn đã hiểu lầm tôi ; anh đã trông thấy tôi đi với Thiết về nhà ! ! ! Có lẽ Nguyễn đã khinh tôi rồi nên anh mới bỏ đi Sài-gòn không một lời từ biệt, không để địa chỉ lại cho Tăng.

Nguyễn ơi, em đau khổ quá rồi ! Nguyễn mà còn không hiểu được em nữa ư ? Nguyễn cũng nỡ hắt hủi em như người ta ư ?

Anh vào Nam bao giờ, sao không tìm em hả Nguyễn. Sao lại có những sự tình cờ quái ác như thế này ! Em chết mất Nguyễn ơi ! Nguyễn không còn thương em nữa, em còn thiết sống làm gì, em còn sống nữa làm gì !...

(còn một kỳ tiếp)

PHẠM-LÊ-PHAN

---

* Biết được việc làm là khó, thì nói không nhẹ miệng (Chu-Hi.)

* Gỡ chỉ rối, không nên nóng nảy (Cung toại truyện).

* Bởi tôi có nhiều *việc làm* hơn là *thì giờ để làm*, nên tôi không chú ý đến *việc làm* mà chỉ lưu tâm đến *thì giờ để làm*. (Dupanloup)

* Lanh lẹ việc làm, cẩn thận câu nói (Luận ngữ)

* Việc làm muốn trước người, lời nói muốn sau người. (Đại Đái Ký)

lại say ca đêm xuân

Đất trời mở hội Xuân Nguyên thủy,
Cho đến Xuân này đã mấy Xuân ?
Nhập tiệc Quần Anh từ dạo ấy,
Vườn Ba mươi, nắng muốn nghiêng dần...
Đời «lập» chưa hề ? Thì đã «lập».
«Lập» đủ chưa hề ? Không hấp tấp !
Sách còn thêm trang... đường còn dài...
Gõ chén chừ, ca hề ! Cùng ai vơi chai...

Ca rằng :
Xuân vi tài lai,
Chơi Xuân nào phải chỉ vài canh thôi.
Cô hàng xóm cũ đi rồi,
Cô hàng xóm mới đang ngồi trông trăng.
Tình Xuân gởi vút cung Hằng,
Biến thành Xuân mộng, hoa đăng đêm này.

Ta say ?
Chừ ta chưa say !
Đêm đêm chiếu đỏ hai hàng trải.
Chàng đọc Kinh Thi, nàng vá may.

Ta say ?
Chừ ta hơi say,
Nhưng vẫn chưa say sự nghiệp.
Tình Xuân thắm, men Xuân nồng, hoa Xuân đẹp,
Sao lòng Xuân cứ mãi mãi bâng khuâng...
Hay mộng Xuân chưa gợn sắc phi thường,
Mà mái nguyệt đã chênh chênh bóng nguyệt.

Chênh chênh bóng nguyệt...
Đất trời hề ! nào hết !
Đất trời vô tận, Xuân bất diệt,
Mộng thực hòa nhau, chí lớn thành.
Gõ chén, lại ca hề ! reo pháo Tết,
Nguyên tiêu hội ẩm hề ! đời còn nhiều mi xanh.

Say đêm Nguyên tiêu Kỷ-Hợi
để nhớ lại bài " Ca say đêm
Xuân " năm Ất-Mùi (1955)

VŨ-HÂN

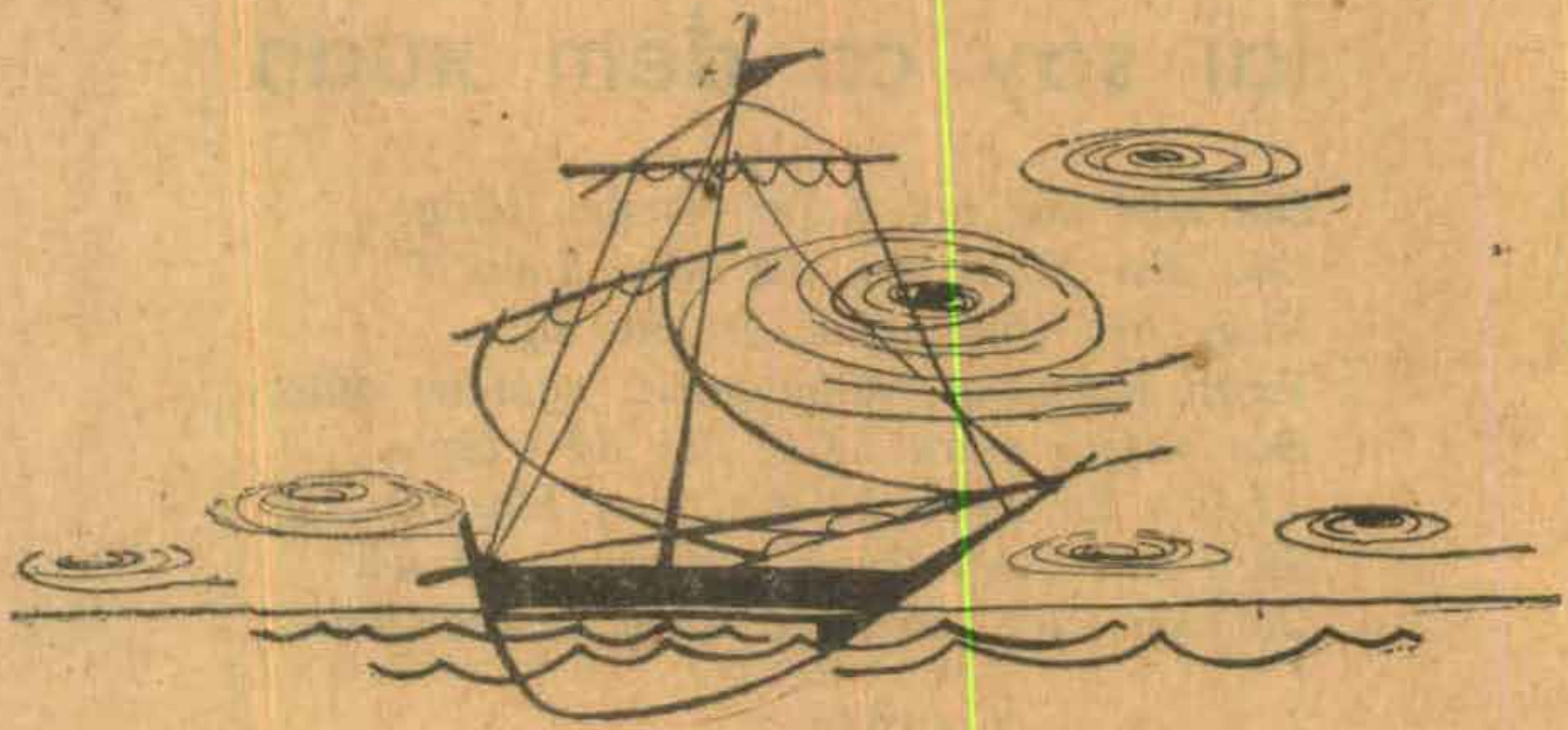

MẠC-LY-CHÂU

thuyền hoang

Ngồi đây gõ mái mà ca
Chèo khua chếm nước, trăng ngà vỡ tan.
Trắng tay, giận kiếp cơ hàn
Sương vương đẫm tóc, đêm tàn trống mi
Lệ người có nhỏ tràn ly
Áo xanh bạc gió, kinh kỳ còn đâu !
Kiếm thiêng ngủ đáy hồ sâu
Hận mình mây lạc khôn sầu cối xưa.
Thuyền hồn trôi mãi trong mơ
Ngả nghiêng mặc gió, đôi bờ tịch liêu !
Nhớ thương, ôi nhớ thương nhiều...
Rưng rưng ai hát, muôn chiều lặng rơi !
Bút khơi... dòng máu đương khơi
Ngàn năm vẳng vặc đôi lời sắt đanh.
Làm ngơ chuyện cũ sao đành
Gác tay, hỏi mộng viễn hành xưa, sau.
Ai về đâu ? Ta về đâu ?
Thuyền hoang, sóng động đã nhầu tâm tư.

M. L. C.

MỘT TRUYỆN LIÊU TRAI.

Lữ Vô-Bịnh

KIỀU-YIÊU dịch

CÔNG tử họ Tôn tên Kì, ở huyện Lạc-dương (thuộc tỉnh Hà-nam) cưới con gái quan thái sử (= quan hàn lâm) họ Tưởng, ở với nhau rất tương đắc. Năm hai mươi tuổi chết yểu, chàng buồn rầu chịu không nổi, bèn lìa nhà, ở riêng một biệt thự trong núi.

Một hôm trời mưa rả rích, nằm định ngủ ngày, bỗng thấy phía dưới màn cửa phòng thấp thoáng đôi chân đàn bà. Ngờ lạ, cất tiếng hỏi, thì có một thiếu nữ vén màn bước ra, tuổi độ mười tám mười chín, y phục mộc mạc sạch sẽ, nhưng nước da hơi đen mà mặc rỗ hoa mè, trông có vẻ con gái nhà nghèo.

Đoán chừng là người trong làng đi tìm mướn nhà, bèn xẵng giọng nói : « Có muốn gì, thì nên nói với người nhà của tôi, chớ sao lại vào càn như thế ? » Ả mỉm cười mà rằng : « Thiếp không phải người làng này. Tổ tiên quê ở tỉnh Sơn-đông, họ Lữ. Cha làm quan học sĩ. Thiếp tiểu tự là Vô-Bịnh theo cha thuyên chuyển ở đất khách, mà đã lìa khỏi sự chăm nom của song thân rất sớm. Vì mộ tiếng công tử là danh sĩ thế gia, nên nguyện xin làm tì nữ, riêng lo việc lau nghiên sửa bút. »

Tôn cười rằng : « Ý định của cô quả tốt. Nhưng bọn đày tớ ở đây chung chạ, thật bất tiện. Cô nên trở về làng cũ,

chờ có xe đến rước là hay hơn.» Ả thư thả nói: «Thiếp tự xét phận mình hèn mọn, đâu dám mơ ước quàng xiên được người sang trọng đặt ngang hàng, chỉ mong được hầu hạ trước án thư, tưởng không đến nỗi quay ngược đầu sách dưng lên cho chủ.»

Tôn nói: «Rước tì nữ vào nhà, cũng phải chọn ngày lành chớ.» Bèn đưa tay chỉ trên giá, bảo giùm lấy bộ Thông thư, quyển tư, định bụng thử tài ả. Ả kiếm được ngay, dở ra coi sơ trước, rồi mới trình lên, cười rằng: «Ngày tháng này, hung thần Hà-khôi chưa từng hiện vào phòng ai bao giờ, thì có điều chi kiêng kị?» Tôn thấy lòng xao động, cầm ả lại trong phòng.

Ả thường được nhàn rỗi không việc gì làm, chỉ quét ghế xếp sách, hoặc đốt hương chùi đỉnh giùm chàng. Nhờ vậy mà khắp phòng đều sáng sủa ra, Tôn lấy làm ưng bụng. Đến tối kêu đi ngủ nơi khác. Ả nghiêng mái đầu, dịu ánh mắt, hầu hạ ân cần châu đáo. Bảo đi ngủ, mới vâng lời cầm nến bước ra. Nửa đêm tỉnh giấc, thì ở một đầu giường hình như có ai nằm. Đưa tay rờ xem, biết chính là ả, nắm lấy mà lay. Ả giựt mình mở mắt, bước xuống đứng bên giường. Tôn hỏi: «Sao không đi ngủ nơi khác. Đầu kia giường có phải là chỗ cô nằm đâu?»

Ả đáp: «Thiếp nhát sợ lắm.»

Tôn chạnh lòng thương xót, cho phép đem gối đặt phía trong giường. Bỗng nghe hơi hướm tỏa lan lúc ả bước lại chỗ nằm, thơm ngát như nhụy sen. Chàng lấy làm lạ, gọi lại nằm chung gối. Bất giác tim trai rung động dần dần xích lại chung mền. Chàng rất vừa lòng, nhưng chợt nghĩ rằng giấu giếm không phải là thượng sách, thì lại e sợ miệng đời dị nghị.

Tôn có người dì, nhà cách chẳng bao xa, đâu chừng mười mấy cái nhà, toan bảo ả lánh nấu ở nhà ấy, rồi sau sẽ cho xe tới đón. Ả cho là diệu kế, bèn nói: «Dì, thiếp quen biết nhiều, đâu cần phải cậy người trưởng thượng nói giúp. Thiếp xin đi ngay.» Tôn đưa ả ra, vượt tường rào mà đi.

Người dì của Tôn là một quả phụ. Sớm tinh sương đi mở cửa, thiếu nữ lẻn vào. Bà lão cật vấn, thì đáp rằng: «Cháu dì sai tôi đến thăm dì. Công tử muốn về quê. Đường xa, mà thiếu ngựa, nên lưu tôi lại ở đậu đây tạm mấy hôm.» Bà lão tin lời, ả bèn nương thân tại đó.

Tôn về đến quê nhà, [bịa chuyện bên nhà dì có một tì nữ, muốn tặng, sai người khiêng kiệu rước ả về. Lúc ngồi lúc nằm bao giờ cũng chung nhau, lâu ngày càng trìu mến nghiễm nhiên thành thiếp. Có nhiều thế gia bắn tin bàn việc hôn nhân, chàng đều không chịu: ngưng lại mãi với cô ả là toại nguyện chàng rồi.

Ả biết ý, hết lời khuyên cưới vợ kế, bèn cưới con gái nhà họ Hứa, mà rốt cuộc vẫn mê luyến Vô-Bịnh. Hứa rất hiền, chẳng bao giờ tranh phần buổi tối. Còn Vô-Bịnh thì đối đãi với Hứa rất khiêm cung. Nhờ vậy mà lớn bé thuận hòa.

Hứa sanh một đứa con trai, đặt tên A-Kiên. Vô-Bịnh cưng yêu bồng ẵm

như chính con mình. Cậu bé mới lên ba, liền rời vú nuôi, quấn quýt theo ở với Vô-Bịnh. Hứa kêu nó đi, vẫn không chịu đi. Chẳng bao lâu, Hứa phát bịnh, rồi qua đời. Lúc lâm chung trối với Tôn rằng : « Lũ Vô-Bịnh yêu con chúng ta vô cùng. Kêu dì ấy nhận nó làm con cũng được lắm, mà lên bực chánh thất cũng được lắm. »

Sau khi chôn cất xong, Tôn định làm y theo lời dặn, bèn ngỏ ý cùng thân tộc, ai nấy đều bảo là chẳng nên, mà ả cũng một mực từ chối, mới chịu thôi.

Trong ấp có con gái vị trưởng tề họ Vương, mới chết chồng, đánh tiếng cầu duyên. Tôn thật tình chẳng muốn cưới vợ nữa. Nhưng bà mai cứ khen cô ấy đẹp giòn, mà người trong họ đều ham chuộng nhà có thanh thế, đồng khuyến khích chàng. Tôn xiêu lòng, lại làm hôn lễ.

Nhan sắc quả tuyệt, mà tính kiêu căng thật cũng lắm. Quần áo, đồ vật, có tật dùng chẳng bao lâu dâm chán, rồi thì hủy hoại, vứt bỏ ngay, Tôn vì chút lòng ái kính mà không nỡ làm cho mích bụng.

Về ở được vài tháng, giành cả yêu đương chăn gối về phần mình. Còn Vô-Bịnh, lúc nào đến trước mặt Tôn, thì dù cười dù khóc cũng đều bị cô ta bắt lỗi. Thường trút giận sang chồng, lắm khi đến nước ẩu đả nhau. Tôn khổ sở điêu đứng, vì lẽ ấy nhiều đêm ngủ riêng. Cô ta lại càng nổi xung. Tôn thét rồi chịu không nổi, kiếm cớ đi lện kinh đô, mà thật là lánh nạn vợ ác.

Cô ta lại lấy cuộc viễn du đó đổ tội cho Vô-Bịnh. Vô-Bịnh cặm cụi lọ việc nhà, nín hơi nơm nớp sợ ; những mong nhìn thấy thay đổi diện sắc, mà rốt cuộc cô ta vẫn không vui. Ban đêm bảo trực túc dưới giường, thằng bé theo ngủ chung. Mỗi lần kêu dậy sai vặt, là cậu bé oà khóc inh ỏi. Cô ta bực mình quở mắng. Vô-Bịnh vội vàng gọi chị và lại ẵm nó. Ép nó rời, nó càng gào thét. Cô ta điên tiết đứng lên, chụp lấy đánh túi bụi, nó mới chịu để chị vú bồng đi.

Thằng bé vì vậy mà sanh chứng hoảng hốt thành bịnh, bỏ cả ăn. Cô ta cấm Vô-Bịnh, không được gặp nó. Thằng bé cả ngày khóc rưng rức. Cô ta rầy la chị vú, kêu bỏ mặc nó xuống đất. Thằng bé mỏn hơi khản tiếng, gọi vú đòi uống. Cô ta cấm không cho.

Trời chạng vạng. Vô-Bịnh rình biết cô ta đi đâu vắng, lén cho thằng bé uống. Thằng bé trong thấy nàng, hất nước mà nắm lấy vạt áo, nức nở không thôi. Cô ta nghe khóc, hằm hằm mặt giận bước ra. Thằng bé nghe tiếng im bặt ngay, hoảng cả hồn vía mà tắt nghỉ.

Vô-Bịnh khóc oà lên. Cô ta nổi giận nói : « Cái thứ tiện tì mặt mẹt, muốn mượn cớ con chết mà bắt chẹt ta sao ? Đừng nói chi đến thứ đồ còn lót tã nhà họ Tôn, chớ dẫu có lỡ giết chết thế tử nhà vương giả đi nữa, con gái của Vương trưởng tề này tưởng cũng đủ sức chịu trách nhiệm bồi thường đó mà. »

Vô-Bịnh đành nén tức nuốt lệ, xin phép lo việc chôn cất. Cô ta không chịu, lại bảo đem quăng nó đi lập tức. Lúc cô ta bỏ đi, nàng lén săn sóc cậu bé, thấy tứ chi còn ấm, bèn nói nhỏ với chị vú : « Chị giùm đem nó đi cho mau, ra tới đồng vắng đợi tôi một lát.

Tôi sẽ theo kịp ngay. Rủi nó chết, thì cùng mang vứt đi. May mà còn sống thì cùng chăm lo nuôi nấng. » Chị vú nói : « Xin vâng. »

Vô - Bịnh vào buồng, lấy trâm ngọc bông vàng giắt theo mình ra đi, đuổi kịp chị vú, cùng xem xét tình trạng cậu bé. Thấy nó sống lại, hai người khấp khởi mừng, bàn tính tìm đến biệt thự trong núi, để nương nhờ người dì. Chị vú lo ngại về nỗi nàng bước ngắn đi chậm thành ra khó nhọc chăng. Vô-Bịnh bèn rảo bước đi trước cho chị vú xem thử, lướt nhanh như gió. Chị vú rán hết sức bươn bả mới bắt kịp.

Vào khoảng canh hai, cậu bé phát bịnh nguy cấp, không thể đi thêm nữa được, bèn rẽ vào xóm, ghé lại nhà một ông lão nông phu, ngồi tựa lưng vào vách cửa mà đợi sáng. Bấy giờ mới gõ cửa hỏi mượn một cái phòng, đem đồ nữ trang đổi lấy tiền, thầy cúng thầy thuốc đều rước lại cả, mà rốt cuộc bịnh vẫn không hết. Nàng che mặt thổn thức mà rằng : « Thôi chị vú giùm chịu khó coi sóc cháu, để tôi đi tìm cha nó. » Chị vú còn đương ngờ lạ về câu nói vô căn cứ nầy thì nàng đã biến đâu mất, lấy làm kinh hãi vô cùng.

Hôm ấy, Tôn ở tại kinh đô, đương nằm nghỉ trên giường, thì nàng lặng lẽ bước vào. Tôn giật mình nhỏm dậy nói : « Mới chợp mắt, em đã hiện vào giấc mộng đó sao ? » Nàng cầm tay Tôn mà nghẹn ngào, cứ giậm chân, chẳng thốt được một tiếng nào cả. Hồi lâu mới thất thanh nói rằng : « Thiếp đã phải trải trăm cay nghìn đắng, đem con đào tị tận đất Dương. »

Lời chưa dứt, nức nở khóc oà, ngả lăn ra đất mà biến mất. Tôn khiếp sợ quá, nhưng vẫn ngờ là chiêm bao. Gọi kẻ hầu, cùng đến bên xem kĩ, thấy y phục với giày thảy đều sạch sẽ như mới mặc ; lạ quá không hiểu thế nào. Tức khắc sửa soạn hành trang, đương đêm lật đật về quê.

Khi đã rõ việc con chết, thiếp lưu vong, chàng đấm ngực lộ vẻ bi phẫn, nặng lời trách móc vợ kế. Cô ta mồm mép không vừa, gắt inh lên. Tôn tức khí, rút dao nhọn ra. Bị Bọn tì nữ đến can ngăn, sán lại gần ta chẳng được, bèn đứng đằng xa ném tới. Sống dao trúng trán, rách toạc da, chảy máu ròng ròng. Cô ta vừa xõa tóc vừa gào thét chạy ra khỏi cửa, định về mách cha mẹ.

Tôn níu trở lại, vung roi đánh đập vô số kể quần áo rách xơ, sưng nhức không thể nào xoay mình được. Tôn bảo người nhà khiêng vào phòng, lo chăm nuôi, mong chóng bình phục để tống cổ đi cho rảnh.

Các anh em trai của cô ta hay tin ấy nổi khùng, kéo một nhóm đông người cỡi ngựa đến trước cửa ngõ. Tôn cũng họp bọn dày tớ khỏe mạnh, cầm khí giới sẵn sàng đối địch. Hai bên gọi tên họ của nhau mà mắng, suốt ngày mới chịu giải tán.

Vương trủng tể chưa vừa bụng, bèn đi kiện. Tôn theo vài người hộ vệ cùng lên kinh thành, thân đến chịu thẩm vấn, trình bày cả tội ác của vợ kế. Quan huyện không thể ép chàng chịu khuất, phái một viên quan địa phương đi trừng giới, để làm hài lòng Vương.

Viên quan địa phương là Chu tiên-sanh, con thế gia, tính chính trực, không

biết xu phụ, sau khi điều tra rõ sự tình, tức giận nói : « Quan trên có lẽ tưởng tôi là hạng giáo quan đê mạt đầy dẫy trong thiên hạ, ngửa tay lãnh thứ tiền hoại pháp loạn kỉ, để thè lưỡi liếm những ung nhọt thối tha cho người ta sao. Cái bộ tướng ăn mày hối lộ đó, tôi không tài nào làm được. » Rồi y không tuân mệnh.

Tôn công nhiên trở về. Vương chẳng làm gì chàng được, bèn ngỏ ý làm lành, xin đứng ra điều đình hộ, muốn cho chàng sang tận nhà mà tạ lỗi. Nhưng Tôn không khứng, đi về bên ấy mười bận vẫn không khiến chàng đổi ý. Lúc vợ gần lành vết thương, chàng muốn đuổi, nhưng lại sợ họ Vương không chịu lãnh, lần lữa qua ngày, rồi việc ấy cũng êm đi.

Phần thiếp lưu vong, phần con chết, sớm tối chàng đau lòng xót dạ. Chợt nghĩ đến chị vú, chắc rõ hết sự tình. Rồi lại sực nhớ Vô-Bịnh đã nói là đào tị ở đất Dương. Gần xóm có ruộng trồng bố gai của họ Dương, chàng nghi có lẽ người thiếp kí ngụ ở đó, lần sang hỏi thăm nhưng chẳng ai biết cả. Có kẻ mách cách đấy năm mươi dặm (0.576km × 50 = 28,800km) có một chỗ gọi là Dương cốc. Bèn cho người cỡi ngựa đi dò la tin tức, quả nhiên tìm được.

Thằng bé dần dần bình phục. Gặp nhau ai nấy đều mừng rỡ, chở trên lưng ngựa cùng về. Thằng bé từ xa trong thấy cha, khóc oà lên inh ỏi. Tôn cũng rơi lệ.

Người vợ kế nghe thằng bé còn sống, tức khí chạy ra, định nhiếc mắng. Thằng bé đương khóc, mở mắt trong thấy cô ta hoảng hồn đâm bổ vào lòng cha, như để tìm nơi ẩn núp. Ẩm nó lên dòm mặt, thì đã tắt hơi. Hớt hơ hớt hải gọi nó, hồi lâu mới tỉnh.

Tôn uất giận, nói : « Người gì mà độc ác đến thế, khiến cho con tôi đến nỗi nầy ! » Bèn làm tờ li hôn đưa vợ trở về. Quả nhiên Vương không chịu lãnh, lại sai người khiêng cáng trả lại Tôn. Tôn không thể không nhận.

Cha con ở riêng một căn, không giao tiếp với cô ta. Bấy giờ chị vú tường thuật tình trạng của Vô - Bịnh, Tôn mới hiểu ra rằng nàng chỉ là hồn ma. Cảm nghĩa nàng, chàng thu thập áo quần, giày dép đem mai táng, dựng bia đề mấy chữ : « Đây là mồ chôn Vô - Bịnh, người vợ ma »

Cách đó chẳng bao lâu vợ kế sanh con trai, vòng hai bàn tay siết cổ đứa bé cho nó chết. Tôn càng căm phẫn, lại đuổi cô ta đi. Vương lại cho người khiêng cáng trả lại như trước.

Tôn chẳng còn biết tính sao, bèn làm tờ cáo trạng thưa với quan trên. Nhưng cấp nào cũng thiên vị trủng tề, gạt bỏ không xét đến. Về sau, trủng tề qua đời, Tôn làm đơn thưa mãi không ngớt, mới buộc tội thất đức bắt cô ta phải về hẳn nhà mẹ. Tôn từ đó không cưới vợ nữa, chỉ rước một tì nữ.

Người hãn phụ đã bị đưa về, tiếng dữ càng đồn xa. Ba bốn năm trời, không ai dạm hỏi. Cô ta đâm ra hối hận, nhưng không sao cứu vãn được nữa rồi Một hôm chị vú cũ nhà Tôn chợt đến chơi, cô ta tiếp đãi niềm nở, đối diện người kia mà rớt lệ. Xét tình ý, dường như nhớ chồng. Chị vú về thưa lại Tôn, Tôn chỉ cười, làm lơ.

Hơn năm sau, mẹ cô ta lại qua đời; trơ trọi không biết nương tựa vào đâu. Các chị em bạn dâu thảy đều ghét cay ghét đắng nên cô ta càng bơ vơ, ngày ngày rưng rưng nước mắt.

Nhân có một bần sĩ chết vợ, anh cô ta bàn tính cho trang liêm thật nhiều, khuyên tái giá, nhưng cô ta không chịu, thương lén cậy người quen qua lại cả hai nhà, giùm đi ngỏ ý với Tôn. Họ nghẹn lời tỏ nỗi thống hối của cô ta, nhưng Tôn không nghe, trước sau vẫn một mực làm ngơ.

Một hôm cô ta xúi một tì nữ dắt trộm lừa cho cô ta cỡi sang nhà Tôn. Gặp Tôn đương từ trong nhà bước ra, liền chào hỏi mà quỳ xuống dưới thềm, thổn thức khóc mãi không thôi. Tôn muốn đuổi đi, thì cô ta nắm áo, lại sụp quỳ xuống. Tôn cố cự tuyệt, nói: « Nếu ở lại với nhau, thì phải làm sao đừng có lời ra tiếng vào mới được. Chớ như một hôm nào bỗng dưng lại sanh sự các anh em của mình chẳng khác nào hùm hổ, sẽ lại đòi chia cách. Có thể làm trò ấy mãi được sao? »

Cô ta nói: « Thiếp lén trốn nhà lại đây, một ngàn lần không có lý nào trở về. Chàng có cầm thì xin ở lại; bằng không thì chỉ còn một đường chết. Vả chăng thiếp về với chàng từ hai mươi mốt tuổi, qua hai mươi ba bị trục xuất. Đã đành là ác đủ mười phần, nhưng há chẳng có được một phần tình cảm hay sao? »

Bèn cởi một chiếc xuyến vàng, so hai bàn chân, lấy xuyến buộc chân lại rồi cúc cung, hai tay áo chấp lại thòng xuống tận giày mà rằng: « Lời thề hương lửa ngày nào, chàng nỡ chẳng còn nhớ hay sao? »

Tôn lúc ấy long lanh khóe mắt muốn khóc, bảo người nhà dìu cô ta vào phòng, nhưng vẫn ngờ cánh họ Vương lập mưu lừa gạt, ngỏ ý muốn được các anh em cô ta nói một lời làm chứng cớ.

Cô ta nói: « Thiếp lén bỏ nhà ra đi, còn mặt mũi nào lại quày về cầu cạnh anh em. Như không tin, thì đây, thiếp có giắt sẵn đồ tự sát theo mình, xin cắt ngón tay để biện bạch nỗi lòng. » Bèn rút ở thắt lưng ra một con dao bén, bước lại bên giường, đưa một ngón tay tả, chặt dứt phựt một cái, máu bắn vọt ra.

Tôn sợ quá, vội vàng băng bó giùm. Cô ta đau nhức đến biến sắc, nhưng tuyệt không rên la, chỉ cười mà nói rằng: « Thiếp ngày nay đã tỉnh mộng hoàng lương, định mượn một gian phòng hẹp, đủ nương thân, để thỏa chí nguyện xuất gia. Thế thì còn ngờ vực nhau nỗi gì? »

Tôn bèn bảo con trai cùng với vợ bé, ở riêng một căn, còn chính mình thì sớm tối đi đi lại lại cả hai nơi. Rồi ngày ngày đi tìm thuốc hay về chữa vết thương ngón tay. Trên một tháng mới khỏi.

Nàng từ đấy không ăn mặn nữa, chỉ đóng cửa mà tụng kinh Phật. Lâu ngày, nhận thấy việc nhà lôi thôi bừa mứa bèn bảo Tôn: « Thiếp lại đây, vốn muốn gác mọi sự ra một bên, không ngó ngàng đến. Nhưng nay thấy ăn tiêu phí phạm thế này, sợ con cháu về sau tất có người chết đói. Bất đắc dĩ xin làm mặt dạn mày dày ra tay coi sóc ».

Bèn họp các tì nữ chị vú, ngày nào cũng cắt đặt cho họ đánh sợi dệt vải. Gia

nhân vin cớ nàng không ai rước, tự dưng quày về, tỏ vẻ khinh lờn. Hễ gặp lúc vắng người lớn, là tụm lại cùng nhau chê cười. Nhưng nàng vẫn làm như chẳng nghe biết gì ráo. Rồi đến khi xét công ăn việc làm ai lười nhác thì quyết không tha roi vọt.

Tôn mừng rỡ khôn xiết kể, bảo con trai và vợ nhỏ sáng sáng lại thăm nàng. A-Kiên lên chín, nàng lúc nào cũng ân cần chăm sóc. Sáng nó đi học rồi, thường để dành quà bánh đợi nó về ăn. Thằng bé cũng dần dần thân mến nàng.

Một hôm cậu lượm đá ném se sẻ. Vừa lúc ấy nàng đi qua đó, trúng ngay đầu ngã ra đất. Hơn một khắc, vẫn chưa nói được. Tôn giận quá, lấy roi đánh cậu. Nàng tỉnh dậy, hết sức can ngăn. Lại lộ sắc vui vẻ mà rằng ; « Trước kia thiếp ngược đãi nó. Trong lòng lúc nào cũng không thấy thư thái. Bây giờ may được tiêu trừ bớt một tội. »

Tôn càng yêu dấu nàng, nhưng nàng lại áy náy thường khuyên Tôn nên ngủ ở phòng vợ nhỏ. Ở nhau được vài năm, sanh mấy lần đều bỏ cả, bèn than : « Đây chính là quả báo tội giết con ngày trước. »

Khi A-Kiên đã cưới vợ, thì các việc bên ngoài giao cho con trai, các việc trong gia đình giao cho nàng dâu.

Một hôm, nói : « Đến ngày đó tháng đó thiếp sẽ chết. » Tôn không tin. Nàng một mình lo sắm vật dụng chôn cất. Đúng ngày, thay y phục bước vào quan tài, nhắm mắt lìa đời, nhan sắc hệt như còn sống. Có mùi hương lạ thoảng đưa khắp phòng ; chừng liệm xong, hương mới dần dần tan mất.

BỒ-TÙNG-LINH
(1640—1715)

★ Ôm củi đi chữa cháy, củi không cháy hết thì lửa vẫn chưa tàn
(Chiến quốc sách)

★ Biết nghỉ ngơi là một nghệ thuật, một nghệ thuật thiết yếu cho kẻ chỉ huy. Chỉ huy mà không biết nghỉ ngơi trước sau thế nào rồi cũng mất tự chủ. Thành Cát-Tư-Hãn từng nói : kẻ chỉ huy không biết mệt mỏi thường thiếu tư cách chỉ huy.

★ Tất cả những người điều khiển thường cảm thấy những lúc cần phải thoát ly khỏi công việc để suy gẫm trong yên lặng và chuẩn bị hành động tức khắc hay mai sau. Galliéni gọi đó là cách « tắm rửa » cho khối óc, lấy lại thăng bằng cho khối óc.

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ (II)

(Nguyên văn của Lý-Bạch)

Nhật sắc dục tận, hoa hàm yên,
Nguyệt minh như tố sầu bất miên.
Triệu sắt sơ đình phượng hoàng trụ,
Thục cầm dục tấu uyên ương huyền,
Thử khúc hữu ý vô nhân truyền,
Nguyện tùy xuân phong kí Yên-nhiên.
Ức quân thiều thiều cách thanh thiên,
Tích thời hoành ba mục,
Kim tác lưu lệ tuyền.
Bất tín thiếp đoạn trường,
Qui lai khán thủ minh kính tiền.

TƯƠNG TƯ HOÀI

(Bản dịch của Á-Nam)

Bóng ác lặn, hoa mờ trong khói,
Vầng trăng soi, buồn nỗi ngủ không yên,
Cây phượng-hoàng đờn Triệu (1) vừa im,
Thì đờn Thục giọng uyên - ương muốn nổi (2).
Khúc ý nhị tiếc không người truyền đổi,
Nhờ gió xuân cho gửi tới Yên nhiên (3).
Nhớ mong ai trời thẳm xa miền,
Đôi mắt trước gợn lên như sóng bể,
Mà mắt ấy nay đã thành suối lệ,
Nếu không tin đây kẻ đoạn trường,
Khi về xin hãy trông gương...

---

(1) Cây đờn của người nước Triệu thường khắc chim phượng-hoàng vào trụ.

(2) Đờn của người nước Thục thường khắc chim Uyên-ương.

(3) Tên một trái núi.

★

PHẦN GIẢI NGHĨA

Đương lúc mặt trời vừa lặn, những bông hoa ở vườn kia đều mờ mịt trong làn khói phủ ;

Mảnh trăng ló lên, soi sáng vằng vặc, nhường như gợi mối buồn rầu không sao mà nhắm mắt đi được.

Thì ở ngay bên cạnh nơi ta, thoạt trước có tiếng đờn réo rắt do cây đờn sắt gẩy nên, lần lần lại ngừng im lại ;

Rồi kế đó tiếng đờn cầm lại nổi lên những dây uyên ương kế tiếp.

Bao nhiêu những khúc đờn vừa mới dậy thầy đều thâm trầm ý nhị, nhưng chỉ đáng tiếc là không có một ai là người phụ họa với nó!

Vậy theo ý riêng của ta lúc đó, ta mong muốn nhờ sao được ngọn gió xuân kia đưa giúp cho những khúc đờn ấy về tới chỗ núi Yên-San là nơi mà ta đương mong mỏi.

Ta hiện nay đương tưởng nhớ người ở một nơi xa xôi thăm thẳm, chẳng khác cách những khoảng trời xanh ngắt, khó lòng đi được tới nơi.

Do đó mà đôi mắt ta trước đây sắc bén long lanh chẳng khác làn sóng đưa ngang mặt biển ;

Vậy mà cho tới ngày nay thì đôi mắt đó bỗng đã biến thành hai dòng suối lệ.

Vậy người ở xa kia, nếu như người chẳng tin ta là hiện nay đương buồn bã đứt khúc can tràng.

Thì sau đây, khi người trở về tới nhà, xin người hãy ngắm xem tấm gương của ta vẫn thường soi đây, chắc là người sẽ thấy rõ...

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

Trong mấy tháng, trước khi Địch-Nhân đi, hai cô em tha hồ mà ngắm cậu, từ cái đầu tóc chải mượt, theo lối âu tây ; tới bộ quần áo chẽn, nó cứ bó chặt lấy người ; rồi cái cổ cồn, cái cà vạt, cái dây lưng da, các cúc áo sơ mi, nhất nhất cái gi cũng làm cho hai cô em lấy làm lạ, và khúc khích cười với nhau, sau khi cùng nhau bàn tán sôi nổi.

Địch-Nhân cũng khoái chá và tự thấy mình oai vệ và rất hợp thời trang. Cậu đắc ý, nên hết sức lấy dáng, lấy bộ, đề cố làm ra một « tân nhân vật ». Ngân-Binh, chẳng biết vô tình hay hữu ý, sau khi giặt giũ quần áo của cậu, đem xếp lung tung, loạn xạ. Mỗi khi chị cầm tới cái áo sơ mi mà giũ ra, chị không thể nào, không cười ầm lên ; áo lót mình gì mà làm sao lại dài lê thê quá đầu gối ; rồi cái cửa tay, đương nguyên, đương lành, lại đem mổ nó ra, để rồi phải dùng cúc riêng để cài ; cái cúc cài này mới kỳ quái cho chớ, cài thế nào cũng kêu ngược ; chị cố học mãi mà không sao nhớ được. Cả tới việc là quần áo, chị cũng xin hàng nốt, vì nỗi cái ngực và cái cửa tay, nó cứ quăn quoeo, rồi cái nếp quần nó cứ chẹo hẳn đi một bên.

— Có một hôm chị nói : « Không biết họ định cho những thức gì vào túi, mà sao quần áo tây lắm túi đến thế, nào ở quần, thì túi hai bên hông, túi đằng trước, túi đằng sau ; ở áo, thì túi ở trên ngực, ở phía ngoài, ở phía trong, ở bên tả, ở bên hữu, thành thử, cả quần lẫn áo, đếm ra, vừa vừa, chín cái túi có thế mà thôi đâu, túi đã nhiều, cúc lại còn nhiều hơn, mới chết chứ, tôi đếm tất cả năm mươi ba cái, thiệt là kỳ quặc, quái gở, ai mà hiểu cho nổi ! »

— Còn Địch - Nhân, cậu luôn luôn vui thích, cậu học cách thọc hai tay vào túi quần, trong khi đi đường ; cậu tập thắt cà vạt cho thực đúng kiểu, đúng « mốt » ; rồi cách móc đồng hồ ra xem giờ, rồi một tay cầm lấy mép ve áo, một tay ngoáy tít cái ba toong, nhất nhất, cái gì, cậu cũng để

tâm bắt chước cho bằng được, các lưu học sinh ở nước ngoài về, cùng là những người âu tây mà cậu được gặp, được thấy.

Thiệt tình, hồi đó, ăn bận tây là một việc tân kỳ ; bởi vậy, Mạc - Sầu cũng rất hứng phấn giúp Ngân-Bình đề, là, xếp áo quần của cậu vì cô tự hào có một ông anh mặc âu trang đúng « mốt ».

— Cậu Lập - Phu, thỉnh thoảng vẫn lại thăm cậu Địch-Nhân ; đứng bên Địch-Nhân, Lập-Phu có vẻ cổ lỗ, lam lũ. Chính cậu, cậu cũng không muốn lui tới luôn luôn Diêu-gia, nhưng vì, Diêu-thái-thái và Khổng-thái-thái mỗi ngày, thêm tâm đắc và thân thiết hơn, nên thân mẫu cậu cố nài, và bắt cậu đi thăm Diêu - gia, bên Diêu - gia cũng hết sức vồn vã cậu, mỗi khi cậu lại. Tuy vậy, giữa cậu và Địch-Nhân, vẫn có một cái gì nó làm ngăn cách hai người, dẫu rằng, cậu cũng thấy có cảm tình với Địch - Nhân vì Địch-Nhân lúc nào cũng có những cử chỉ dễ dàng, chứ không e dè, ngượng nghịu như cậu. Trong lòng cậu, cậu vẫn đinh ninh muốn tỏ ra là một người có lễ độ và lịch thiệp, nhưng, trước mặt hai cô em Địch-Nhân, cậu không thấy được an thích, nên, mỗi lần, cậu vẫn tìm cách để đứng xa hai cô, cùng là không tìm dịp để bắt chuyện với hai cô.

Có một hôm, hai cô yêu cầu Lập-Phu đọc thuộc lòng cuốn « nhất thiên tự », nhưng, đọc ngược từ cuối sách, đọc trở lên, vì Phó-tiên-sinh có khoe với hai cô rằng, Lập-Phu có một trí nhớ lạ thường và có thể làm được việc đó. Hai cô phải nài ép mãi, cậu mới chịu đọc lên một ít trang. Thường thường, cậu vẫn là người tĩnh mặc, ít nói, nhưng, một khi cậu nói, thì lời nào cũng đanh thép, chắc nịch, tỏ ra rằng, cậu có thực học và cái gì đã nghiên cứu và biết rõ, cậu mới nói. Một lần, cậu nói với Mộc-Lan rằng :

« Hiểu biết đến nơi, đến chốn, một điều gì, là một sự vô cùng thấu khoái. »

Dần dà, ở Bắc-kinh, vì ảnh hưởng của Âu Tây, sự giao tế giữa thanh niên, nam, nữ, đã lưu hành, nhưng, Mộc-Lan và Mạc - Sầu sinh trưởng ở trong một gia đình theo nền nếp cũ, nên, trước mặt đàn ông, con trai, hai cô vẫn e lệ, rụt rè và giữ một thái độ rất đoan trang. Tuy vậy, mỗi khi Lập-Phu về rồi, thì hai cô, không thể không bàn tán với nhau, về ngôn ngữ và cử chỉ của cậu, về những ý kiến mà cậu đã nêu ra, cùng là những tư tưởng riêng của cậu.

Cái khẩu tà: và sự nghiêm chỉnh của Lập-Phu có một sức hấp dẫn lạ thường đối với Mộc-Lan. Kể ra, anh cô cũng ăn nói hoạt bát, cũng nhanh trí khôn đấy. Dung-mạo của Địch-Nhân cũng không đến nỗi nào, từ khuôn mặt sáng sủa, tới vóc người tầm thước, nhưng, chỉ phải mỗi một cái, là cậu không nghiêm túc, đứng mực, nên kém bẩn Lập-Phu và không được người ta kính nể.

Địch-Nhân vừa sắm một đôi giày tây, bằng da rất đẹp. Đó là thứ hàng hảo hạng của Anh-Cát-Lợi ; trị giá tới ba mươi lăm đồng bạc ; vào thời ấy, ba mươi lăm đồng là một giá cao lắm. Lập-Phu cũng đã mua được một đôi giày bằng da, nhưng là hàng nội hóa. Cậu bắt buộc

phải mua, vì phải tập thể thao ở nhà trường, nên ai cũng phải có. Phải một cái, là không bao giờ cậu biết dùng thuốc đánh giày, da giày thành khô không khốc và bột cả ra, trông có nhem nhuộc quả.

Một hôm, sau khi cậu ra về rồi, Mạc-Sầu bảo với chị rằng :

« Chị ạ, chị có trong thấy đôi giày của Lập-Phu không ! Trời ơi, sao màno nhem nhuốc thế ? Có lúc, em chịu không nổi, em cứ muốn bảo nhà cậu ta cởi giày ra, để em bảo Ngân-Bình nó đem nó đánh giùm cho nhá cậu ta, một lần.

Mộc-Lan đáp : « Ừi chào, giày đánh hay không đánh, thì có làm sao, đâu ? »

Mạc-Sầu nói : « Nhưng mà nó cũng khó coi, chứ lại. »

Cô chị cãi : « Việc gì mà khó coi ? »

Mấy hôm sau, Lập-Phu lại đến chơi, với cái đôi giày mốc meo ấy. Hai chị em Mộc-Lan, cứ nhìn nhau, cười ngất. Rồi cô chị đưa mắt như có ý khiêu khích cô em, đố dám thực hành việc đánh giày cho Lập-Phu.

Mạc-Sầu phải đem hết dũng khí ra mới dám gọi cậu và bảo :

« Cậu Lập-Phu à, chúng tôi có một việc muốn thỉnh giáo... cậu. »

« Việc gì, kia ạ ? » Lập-Phu hỏi thế.

« Cái đôi bi hài»... Mạc-Sầu vừa nói xong mấy tiếng đó thì Mộc-Lan phá lên cười. Lập-Phu chỉ mới nghe rõ có mỗi một tiếng « hài » nên cậu chẳng hiểu tại sao mà Mộc-Lan cười, và cười cái gì, mới được chứ ? Mộc-Lan liền tạ khẩu, nói trớ ra như vầy : « Thưa, có gì đâu... chẳng hôm đã lâu, Phó-tiên-sinh lại có khoe với chúng tôi rằng, cậu thuộc lòng được rất nhiều thi vận, vậy xin thỉnh giáo cậu, chữ « giải » của đệ cửu vận trong « thi vận tập thành », nó gồm có bao nhiêu chữ và những chữ gì ? »

Mạc-Sầu nghe cô chị nói thi vô cùng thán phục chị, đã mau trí đem chữ « hài » là đôi giày, đổi ra chữ « giải » là con cua, chữ thứ chín của tập thi vận.

Lập-Phu liền thao thao đọc :

« Thưa, cùng vần với chữ « giải » là con cua, có chữ « giải » là cắt nghĩa ; chữ « mãi » là mua ; chữ « giải » là giải trĩ, một loài thú, nay đã tiêu diệt; chữ « nãi » là sữa ; chữ «ải » là lùn ; chữ « quải » là bắt, giữ ; chữ « bài » là mở ra ; chữ « bãi » là thôi ; chữ « hãi » là sợ ;... còn gì nữa nhỉ, để tôi nghĩ xem nào, à, còn chữ « hài » là cái mẫu; chữ « ai » là tựa vào ; chữ « ãi » là ngu đại. »

« Xin bái phục ! bái phục cậu... Quả, lời tán dương của Phó tiên-sinh không quá đáng một tí, một li nào. » Mộc-Lan nói thế.

« Ô ! cái đó có gì là tài tình, chẳng qua, đó chỉ là một cái trò để « lòe » những người không biết làm thơ... Đặt sẵn vần cho người làm thơ, thiệt là một việc tối ư vô ý nghĩa, vì, có phải cứ đúng vần là thơ hay đâu ; vả có nhiều câu thơ rất hay, mà chỉ vì bị hạn chế về vần, mà thành ra dở... mới lại, một nhà thơ có thực tài, phải tự tìm lấy vần và không cần tới cuốn thi vận tập thành ; chính cái cuốn này, đã có từ ngót bảy trăm năm nay rồi. Một cớ nữa, là thanh âm của nhiều chữ đã

biến cải, bởi vậy, không thể cứ cầm cổ theo cái cuốn tập thành cũ rích tám mươi đời triều đó, được nữa!... Cứ xem như thời của đức Khổng-Tử chẳng hạn, có biết bao nhiêu là thơ tuyệt tác, ấy thế mà, thi nhân thời đó, đã có thi vận tập thành, để tìm vần thơ, đâu!»

Trong khi đó, hai cô đã quên khuấy hẳn cái đôi giày mốc meo của Lập-Phu.

Mộc-Lan nói: «Cậu nói đúng quả, thanh âm của một chữ, rất có thể biến thiên, tùy ở cách phát âm, nặng hay nhẹ, giả tỷ như chữ «giải», chẳng hạn, bây giờ, ai cũng đọc trại nó đi như chữ «hợi», bởi vậy, nó mới có thể vần với chữ «mãi», chữ «nãi» được chứ.» (xin đọc giả chú ý, đây là theo âm vận của người Tầu)

«Chính thế...» Lập-Phu nói: «Cũng ví như «bang giải», có nơi đọc ra như «bang hợi», hoặc, chữ «hài tử», đọc thành «hợi tử», vậy.

«Đúng! Đúng lắm!» «Mạc-Sầu vừa cười, vừa nói tiếp: «Như, ở Bắc-kinh, chúng ta nói «sát hài tử», (đánh giày), thì, Ngân-Bình, quê ở Hàng-châu, lại nói «sát hời tử», chúng tôi nghe nó cứ y như là «sát hài tử» thành ra là «chà, ép, trẻ con, con nít»...»

«Nếu cậu không tin, để tôi gọi nó lên...» Mộc-Lan nói thế, và đứng lên đi gọi Ngân-Bình.

Lúc ấy, vì sự liên tưởng, Lập-Phu mới cúi nhìn xuống cái đôi giày mốc rheo ở chân mình, mà Mạc-Sầu có ý e ngại, lo lắng.

Trong khi ấy, Ngân-Bình đã lên, cô bảo chị: «Ngân-Bình ạ, em làm ơn sát hài-tử (đánh giày) giùm cho Khổng tiên-sinh, cái!» Cô cố tình nói «sát hài tử» là đánh giày, ra là «sát hời tử» là «chà, ép trẻ con». Tất cả đều cười rộ lên. Ngân-Bình cũng chẳng hiểu nếp, tẻ, gì, và cứ đi lấy cái hộp đánh giày ra và ra công, bôi thuốc, rồi đánh đôi giày độc nhất của Lập-Phu, chỉ một loáng nó trở nên bóng lọng, như mới vậy. Quả, Lập-Phu thì, thế tất, hết sức phân vân, thác ngạc; còn Mạc-Sầu, cô lấy làm vô cùng đẹp ý, bằng lòng.

Câu chuyện trên đây, hiện thời Lập-Phu chỉ mang máng hiểu có một phần nào thôi; mãi về sau, Mạc-Sầu kể rõ đầu đuôi, cậu mới thực vỡ lẽ.

★

Một hôm vào ngày tháng sáu, ở bên Tăng-phủ, Tăng phu-nhân đương ngồi đánh cờ tướng với Man-Ni, và có Quế-Cô đứng ở một bên xem, Dạo ấy, Bân-A mất đã được hai giỗ. Man-Ni coi bộ có vẻ mệt nhọc. Thằng A-Thiện, đứa con nuôi của nàng, cũng đã biết đi, biết chạy, nó đương lăng xăng chơi nghịch ở bên nàng.

Tăng phu-nhân nói: «Đã lâu, không thấy Mộc-Lan sang chơi, nhỉ?»

Man-Ni nói: «Thưa má, con cũng không biết cô ấy bận công việc gì?...

(còn tiếp)

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

Đính chánh

★ BÁCH-KHOA Số KỶ-NIỆM

— bài « **Lạc-vương hay Hùng-vương** » của **Phạm-Hoàn-Mĩ** : trang 75, cột 1, dòng 8, in sót chữ « *năm* » « cách đây non **năm** trăm năm » ; trang 77 cột 2, dòng 17, sót 2 chữ : « sử liệu nước ta, **nước Tàu**, nói rằng... » trang 8, cột 1, dòng 28 : « *năm* cái thuyết », xin sửa lại : « **bốn** cái thuyết ».

— bài « *Một vài cảm tưởng khi tham dự Đại hội khảo nhạc quốc tế tại Ba-lê* » của **Trần-Văn-Khê** : xin đọc, trang 81, dòng 21 : « không một chánh phủ **nào** đề cử, nhưng tôi chẳng bỏ qua **những** dịp để trình bày nhạc Việt tại các nước Âu-châu » : trang 82, dòng 2 : « Jack Bornoff » ; trang 83, dòng 7 : « Barkechli » ; dòng 11 : « tonique », dòng 29 : « bao nhiêu sinh viên trẻ tuổi đang học hỏi » ; trang 85, chú thích (1) dòng 12. « Như chữ « xự » giữa hai chữ xự và xang », xin đọc « Như chữ « xư » (ư, không dấu nặng).

— bài thơ « **Má** » của **Ngu-Í Nguiễn-Hữu-Ngư**, trang 139, ở gần cuối, 21-10-1949, xin sửa : 21-10-19**5**0.

★ BÁCH-KHOA Số TẾT

— Bản nhạc « **Ngày Xuân khai bút** » của *Hải-Minh* **Trần-Văn-Khê**, trang 68,

— dòng nhạc thứ 4 : trên chữ *Em*, « *fa* la », xin sửa « **mi** la »,

— dòng nhạc thứ 5 : trên chữ *hát*, « *do* ré », xin sửa « **si** ré »,

— dòng nhạc thứ 7 : trên chữ *hơn*, « *mi* », xin sửa « **ré** ».

— Bài thơ « **Nằm yên...** » của *Ngu-Í* **Nguiễn-Hữu-Ngư**, trang 92, câu thứ ba : « Mịn màng, Xanh - *nhẹ* - lá - cây », xin sửa : « Mịn màng, Xanh - **trẻ** - lá - cây ».

★ BÁCH-KHOA Số TÂN NIÊN

— Bài « **Nguyễn-Huệ** » của **Nguiễn-Ngu-Í**, trang 51, cột 1, dòng 18 : « *hận* trạch », xin sửa : « **hậu** trạch », trang 55, cột 2, dòng 16, 17 : « vài thế kỷ mới có một *người* như Quang-Trung », dư chữ *người*.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— **Những bài đã nhận được** : Góp ý kiến về bài thơ của ông Ích-Khiêm (Bình - Giang) Thơ (Hàn-San) Đêm cô quạnh — Đêm buồn (Xuân-Tước) Cầu cơ (Thanh-Lan Võ - Ngọc - Thành) Ai bảo em là giai nhân ? (Hương - Quy) Tình thơ qua buổi đôi mươi (Phan-Hiền - Đức) Georges Courteline (Phan - Văn - Thiết) Gió xuân (Nguyễn Thanh-Phương) Tuổi thơ (Xuân - Vĩnh) Cốt chuyện và bố cục trong tiểu thuyết (Nguyễn-Thiếu-Nguyên) Tương tư chiều... Những bài thơ không đề (Thiên-Hư) Yêu thương (Hoài-Sơn) Quốc hồn quốc túy trong âm nhạc (Thái - Nguyên) Đêm hoàng hậu (Võ - Hữu - Quyền) Buổi anh đi (Hy-Vũ) Xuân bất phản (Thanh-Cầm) Thơ (Mạc Linh-Tử) Xuân (Nguyễn-Hoài-Phác) Trọng - Thủy Mỵ - Châu (Kim - Thạch) Chương trình kinh tế là gì ? (Trương-Quang-Canh) Nhân sinh quan với mục đích giáo dục (L.M. Bích-Quang). Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

Kiều - Lệ - Lan *(Văn nghệ Thống-Nhất)* : Rất tiếc không đăng được « Em » và « Bến mộng ».

Ô. **Đức-Thạc**. Chúng tôi đã nhận được : « Cái tinh túy của khổng học ». Sẽ xin đăng trong những số tới.

A. **Nguyễn-Ân — Tam - Kỳ** : Đã nhận được các bài thơ của Nguyễn-Phan-An — Mặc-Lang — Kim-Thu. Trân trọng cảm ơn anh. Sẽ xin đăng lần lần trong các số tới.

Ô. **Nguyễn - Ngọc - Quang** *(Mỹ - Tho)* : Chúng tôi đã nhận được bài « Thơ ma ». Sẽ xin đăng trong những số tới. Mong đợi thêm những bài ông đã ghi trong thư.

A. **Hoàng-Khanh** : Đã nhận được thơ anh. Không kịp đăng vào số tân niên vì số này hoàn thành trước Tết. Sẽ xin đăng vào những số Bách-Khoa kế tiếp sau này. Cảm ơn anh và mong tin anh luôn.

Ô. **Phùng-Bá-Khanh** *(Tòa hành chánh Darlac)* : Đã nhận được thêm 4 bài biên khảo của ông về đồng bào Thượng. Trân trọng cảm ơn ông.

Đã xuất bản

★ **Luận Triết Học** của Trần-Bích-Lan

★ **Phương pháp làm luận Triết** của Nguyễn-Văn-Trung.

★ **Khảo luận về Đoạn Trường Tân Thanh**
của Doãn Quốc-Sỹ và Việt-Tử,

★ **Phương pháp nghị luận văn chương**
của Nguyễn-Sỹ-Tế.

★ **Thể lệ dự thí các kỳ thi Trung Học 1959.**

★ **Lý-Văn-Thức Thi văn Toàn Tập**
Dương-Quảng-Hàm chú giải.

NAM-SƠN XUẤT-BẢN

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

« **Điển tích dẫn giải** » của *Từ-Phát* gửi tặng. « Điển tích dẫn giải » là tập sách gồm nhiều tích xưa, chuyện lạ, soạn giả công phu sưu tầm những điển tích và giúp ta hiểu những câu văn đẹp đẽ, bóng bẩy của cổ nhân. Ngoài phần dẫn giải, soạn giả còn góp thêm ý kiến nhận xét ở phần cuối mỗi bài. Sách dày 236 trang giá 42$, trình bày giản dị, sáng sủa.

— **Lều chõng** tiểu thuyết đặc sắc của cố văn sĩ *Ngô-tất-Tố*, tái bản lần thứ Ba, do nhà sách Tân-Sinh Đakao gửi tặng. Sách dày 424 trang, giá 95$.

— Bản nhạc **Saigon muôn mầu** của *Phúc-Linh* do tác giả gửi tặng. Bản nhạc được họa sĩ *Duy-Liêm* trình bày rất mỹ thuật.

Xin giới thiệu « **Saigon muôn mầu** » với các bạn yêu nhạc.

— **Việt-Nam ngày nay**, do ông *Huỳnh-hữu-Nghĩa* soạn bằng thể thơ Lục bát. Cách bố cục và lời diễn đạt giản dị, hợp với tâm tư, tình cảm của giới Binh dân. Sách dày 150 trang, giá bán 25$.

— « **Đêm không hết** » tập truyện ngắn của *Nguyễn-Phúc*, do tác giả gửi tặng, gồm 5 truyện ngắn đã từng đăng trên Bách-Khoa và giai phẩm Đẹp. Sách dày 154 trang, giá bán 28$.

— « **Mưa đêm cuối năm** » của *Võ-Phiến*, do tác giả gửi tặng gồm 4 truyện đặc sắc của *Võ-Phiến*, từng đăng trên Bách-Khoa. Sách dày 100 trang, giá 22$.

— « **Thời mới dạy con theo lối mới** » của *Nguyễn-hiến-Lê* trong tủ sách Tân giáo dục do tác giả gửi tặng. Tác giả đặt lại vấn đề giáo dục và tìm một phương pháp giáo dục mới hợp với đời sống và tâm lý của trẻ em thời nay. Sách dày 176 trang giá bán 45$.

— « **Nho giáo một triết lý chính trị** » của *Nguyễn-hiến-Lê* do tác giả gửi tặng.

Tác giả biên soạn công phu mà giản dị, khúc triết. Nhiều mục trong sách đã được đăng trên Bách-Khoa trong những số trước đây. Sách dày 133 trang, giá 36$.

Bách-Khoa xin cảm ơn các tác giả và các nhà xuất bản, và trân trọng giới thiệu cùng các bạn đọc

★

NHẮN TIN RIÊNG

Cô Hòa và cô Trà, *người Quảng-Nam, năm 1949 — 1950 học trường ông Lương-Duy-Uy ở Làm-Sơn (Quảng-ngãi)*, cần biết địa chỉ để hỏi thăm việc riêng rất cần.

Ai có biết địa chỉ hai cô ấy, xin vui lòng tin cho. Đa tạ.

Ngu.Í Nguyễn-hữu-Ngư
do tòa soạn Bách-Khoa
160 Phan-Đình-Phùng.

Đi Ý-ĐẠI-LỢI

Quý vị nên du hành bằng tàu « LLOYD TRIESTINO »
Mỗi tháng đều có một chuyến đi...

LLOYD TRIESTINO
AGENZIA DI SAIGON
L'Agente :
Sté d'Exploitation Industrielle Commerciale

Thông cáo

Về « Giải-Thưởng Văn-Chương 1959 »

Tiếp theo Giải-Thưởng Văn-Chương 1957, Văn-Hóa-Vụ Bộ Thông-Tin sẽ dành một ngân-khoản 320.000$00 để cấp Giải-Thưởng Văn-Chương năm 1959.

Một Hội-Đồng gồm những nhà Văn có thành-tích sẽ đọc xét tất cả các tác phẩm, thuộc các loại sau đây, xuất bản trong thời-gian từ 1-1-1958 đến 1-10-1959 để lựa chọn cấp Giải-Thưởng.

Các tác phẩm phải viết bằng Việt văn.

Những tác-phẩm thuộc các loại sau đây sẽ được chọn :

— Tiểu-thuyết
— Khảo-cứu
— Kịch
— Thơ

Để giúp-đỡ Văn-Hóa-Vụ trong việc sưu-tầm, trân-trọng yêu-cầu các tác giả, các nhà Xuất-bản, các nhà in gửi lại Văn-Hóa-Vụ hai cuốn của mỗi tác-phẩm đã xuất-bản và sẽ xuất-bản, trong thời-gian từ 1-1-1958 cho tới 1-10-1959.

Thư-từ giao-dịch xin liên-lạc với Văn-Phòng thường-trực Giải-Thưởng Văn-Chương (Văn-Hóa-Vụ), 15 đại-lộ Lê-Lợi Saigon (trên lầu).

VĂN-HÓA-VỤ

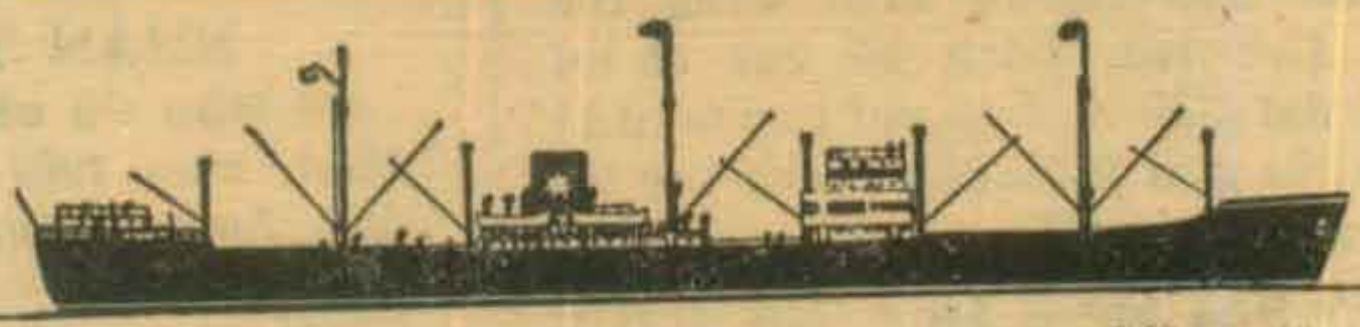

MAERSK LINE

A. P. Moller
8, Kongens Nytorv
COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES
236, Duong Cong-Ly — Saigon
Tél. : 20,338 - 39 - 40

ĐÓN ĐỌC :

GIÁO-DỤC PHỔ-THÔNG

Số XUÂN KỶ-HỢI (1959)

★

— Một tập tuyển đặc sắc về Văn-học và Văn nghệ.

— Một tập trung của nhiều cây viết hữu danh Thủ đô và các tỉnh.

— Quí Bạn sẽ rất hài lòng với Giáo-Dục Phổ-Thông, số XUÂN KỶ-HỢI vì bài vở chọn lọc, vui tươi, trình bày trang nhã.

★

Giá bán lại phổ thông.

Phát hành vào ngày 23 tháng chạp.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam

tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX

REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

AIR 52

SHELL

Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và TRONG NHÀ

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.

Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Golden Club
VIRGINIA
Golden Club
VIRGINIA
20 CIGARETTES
Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VIENTIANE SAIGON VIENTIANE
QUADRIMOTEUR
BOEING STRATOLINER
DIMANCHE — VOL DIRECT
MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

ลาวเทวง AIR LAOS

VIENTIANE

BANGKOK	HONGKONG
PHNOMPENH	SIEMREAP
PHONGSAVANH	LUANGPRABANG
LUONGNAMTHA	MUONGSING
THAKHEK	SAMNEUA

AIRLAOS
Renseignements & Reservations
65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON
Tél. 22102 et Cardl 34

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.
Installations de gazothérapie.
Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Công-Ty Đường Việt-Nam

Sản-xuất và bán

I.— CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

- ✶ Đường miếng lọc
- ✶ Đường cát trắng ngà
- ✶ Đường cát trắng tinh
- ✶ Đường cát trắng Hiệp-Hòa

II.— CÁC LOẠI RƯỢU:

Rượu đốt 90° — Rượu thơm 90° — Rhum Hiệp-Hòa

TỐT — RẺ

XIN HỎI MUA TẠI:

— Các tiệm tạp hóa

— Văn-phòng CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM
11, Công-trường Mê-Linh SAIGON, Tél. 21.065

— Kho 6 Bến Vân-Đồn -:- Tél. 21.360

Gipsy

một loại xe hai đít mới nhất và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phỏng định mỗi chiếc : **136.000$.**

— chạy bằng diesel, » » » » : **156.000$.**

Qui ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe nầy, xin do nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU **« HERMÈS »**

ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ

Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm

Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở: 13 Đ. Pasteur Saigon Đ.T.: 23529

HÃNG
NAM-THANH
và
THERMOR
31 Nguyễn-Văn-Thinh
SAIGON
Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện, máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và làm hệ-thống điện.

CUNG CHÚC TAN-XUÂN

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON
135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH
26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ! à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon
Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — Tai-nạn
INCENDIE — Hỏa-Hoạn
TRANSPORTS — Hàng-Hải
RISQUES DIVERS — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của
MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS & TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói :· 21.253 — 23.913

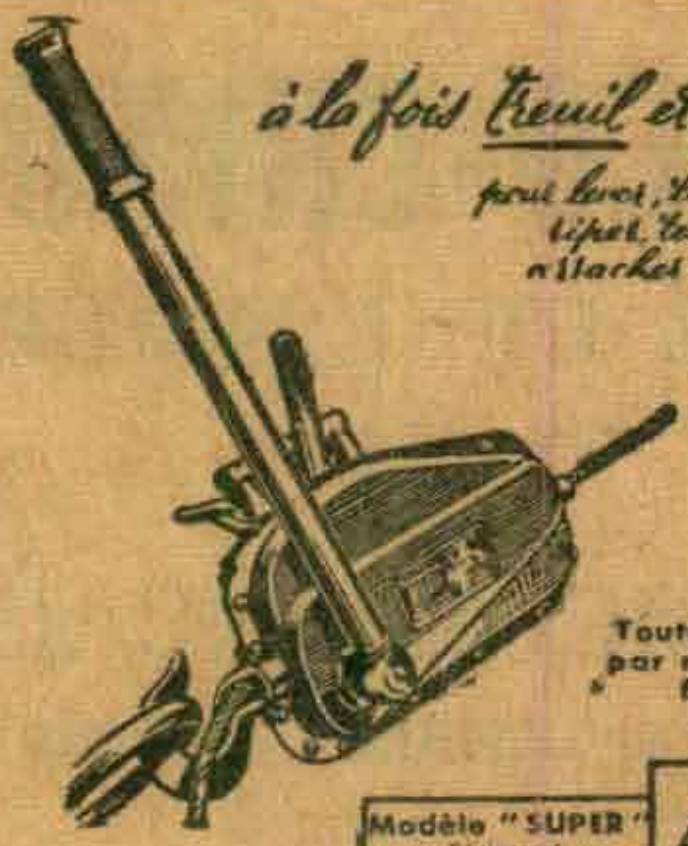

à la fois treuil et palan!

pour bord, hiloi, tirfor, tendre «Haubans» ...

6 avantages du TIRFOR

(Brevetés S.G.D.G.)

1) **Portatif.**
2) Mise en batterie rapide.
3) Course de câble illimitée.
4) Toutes orientations et positions.
5) Précision millimétrique de manœuvre.
6) Sécurité : organes essentiels doublés

Toutes forces par moufflage facile

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 15 kgs

Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1500 et 3000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

Le Tirfor rend 1000 services!
Demandez-nous la brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sàigòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS
PRODUITS CHIMIQUES
FILMS AMATEURS
FILMS AVIATION
FILMS ARTS GRAPHIQUES
FILMS RADIOGRAPHIQUES
FILMS CINEMA PROFESSIONNELS
FILMS POUR DOCUMENTS
PAPIERS POUR DOCUMENTS
BANDES MAGNETIQUES

INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự-Do

AGENTS EXCLUSIFS

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR: TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

百科雜誌

GIÁ : 10$00

Công sở : 15$00

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-hưng-Đạo — SAIGON

Nhà sách PHUC-THANH
58, Đại lộ Lê-Lợi Saigon

TÒA SOẠN :
160, Phan-đình-Phùng — Saigon
Giây nói : Sg. 25.539

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA